

MỞ ĐẦU

Trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, thể dục thể thao được xác định là bộ phận quan trọng, nhằm bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, góp phần nâng cao thể lực, rèn luyện đạo đức, nhân cách, lối sống lành mạnh, làm phong phú đời sống văn hóa và phát huy tinh thần dân tộc của con người Việt Nam, đồng thời góp phần vào việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế.

Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng rộng khắp và phát triển các môn thể thao thành tích cao là điều kiện cần thiết để thực hiện chiến lược phát triển con người toàn diện cả về thể chất và trí tuệ, đáp ứng yêu cầu tăng cường sức khỏe, nâng cao năng suất lao động, học tập, công tác, bảo vệ quốc phòng an ninh và đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Đồng Nai là tỉnh nằm trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, có các điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội rất thuận lợi cho phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng và tập luyện các môn thể thao thành tích cao. Công tác nghiên cứu lập Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là nhiệm vụ quan trọng, đang được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện. Nhằm đánh giá đúng thực trạng phát triển thể dục, thể thao trong những năm qua, dự báo những lợi thế về phát triển thể dục, thể thao trong mối quan hệ với các tỉnh trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước. Từ đó, xây dựng các phương án phát triển và giải pháp để mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh.

Tài liệu Quy hoạch là bản luận chứng khoa học về sự phát triển và phân bố hợp lý các công trình thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh. Làm căn cứ để xây dựng kế hoạch hàng năm và chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch theo hướng tăng cường xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao. Thể hiện được mục tiêu phát triển kinh tế gắn với tiến bộ xã hội nói chung và hoạt động thể dục thể thao nói riêng. Lồng ghép các hoạt động của ngành thể dục thể thao với hoạt động của các ngành kinh tế - xã hội khác, nhất là đối với ngành Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hoá; Du lịch... Đồng thời là tài liệu cung cấp những thông tin cần thiết cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước tìm hiểu môi trường đầu tư và xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực thể dục, thể thao, đáp ứng yêu cầu tiếp thu những môn thể thao mới của thế giới, đẩy mạnh quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thể dục thể thao.

NHỮNG CĂN CỨ ĐỀ LẬP QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH THỂ DỤC THỂ THAO TỈNH ĐỒNG NAI

Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020;

Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 04 năm 2005 của Chính Phủ về việc đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao.

Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội;

Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính Phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên;

Thông tư liên tịch số 32/2009/TTLT-BQP-BVHTTDL ngày 22 tháng 06 năm 2009 của Bộ Quốc Phòng và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tiêu chí rèn luyện thể lực trong quân đội;

Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển văn hóa nông thôn đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 24 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020;

Quyết định số 3062/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc giao nhiệm vụ lập "Quy hoạch phát triển thể dục thể thao Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030";

Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngành thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020;

Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030;

Quyết định 32/2011/QĐ-TTg ngày 6 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Quyết định số 67/2008/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30 tháng 09 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống cơ sở, vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013- 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 07 tháng 04 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề cương và dự toán Quy hoạch phát triển ngành Thể dục, thể thao tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Kế hoạch hành động số 2890/ KH-UBND ngày 16/04/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính Phủ và Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 18/09/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”.

Căn cứ các Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh Đồng Nai và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thành phố thuộc tỉnh đã được xây dựng.

Nguồn số liệu kinh tế - xã hội của ngành Thống kê tỉnh Đồng Nai và các tài liệu khác có liên quan...

Phần I
ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN CÁC ĐIỀU KIỆN
TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN
PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO

I. CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí nằm ở tọa độ địa lý từ 100° 30' đến 110° 34' 57'' vĩ độ Bắc và từ 106° 45' 30'' đến 107° 35' 00'' Kinh độ Đông.

Phía Nam và Tây Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng; phía Tây và Tây Bắc, giáp tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước; phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận.

Nằm ở khu vực trung tâm kết nối Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên, địa bàn có nhiều tuyến giao thông quốc gia đi qua như tuyến đường sắt Bắc - Nam, quốc lộ 1A, quốc lộ 20 nối Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, quốc lộ 51 và quốc lộ 56 chạy từ Đông sang Tây. Các tuyến quốc lộ đi qua đã kết nối tỉnh Đồng Nai với các vùng, miền trong cả nước.

Những đặc điểm về vị trí địa lý của tỉnh Đồng Nai có nhiều thuận lợi để phát triển và trở thành một trung tâm kinh tế, thương mại, khoa học - công nghệ và đào tạo ở vùng Đông Nam Bộ và vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam; là địa bàn rất thuận lợi cho việc giao lưu, hợp tác phát triển, gắn hoạt động của ngành Thể dục thể thao với hoạt động của các ngành kinh tế - xã hội khác, nhất là các lĩnh vực văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí...

2. Khí hậu thời tiết

Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới phân chia hai mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 04 năm sau. Mùa khô, hướng gió chủ yếu là Bắc và Đông Bắc. Mùa mưa, hướng gió chủ yếu là gió mùa Tây Nam, thịnh hành từ cuối tháng 05 đến đầu tháng 09.

Nhiệt độ trung bình hàng năm 26°- 27° C, nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất trong năm có nơi có thể xuống đến 16°- 17°C, nhiệt độ trung bình tháng cao nhất có thể lên đến 39°C. Số ngày nắng dài dào, tổng số giờ nắng trong năm trung bình 2.200 - 2.600 giờ.

Lượng mưa trung bình hàng năm khá cao và có sự biến động khá lớn theo từng năm, từ khoảng 1.600- 2.700 mm và chia theo mùa rõ rệt. Mùa mưa chiếm 84- 88% tổng lượng mưa cả năm, lượng mưa trung bình tháng cao nhất vào tháng

08 và tháng 09. Mùa khô mưa rất ít, lượng mưa trung bình tháng thấp nhất vào tháng 02.

Điều kiện khí hậu và thời tiết ở tỉnh có nhiều thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt, nhất là đối với sản xuất nông nghiệp, có thể phát triển đa dạng hoá các loại cây trồng, vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao.

3. Tài nguyên đất đai

3.1. Tài nguyên đất đai theo phân loại đất:

Theo phân loại đất của FAO/UNESCO, Đồng Nai có 10 nhóm đất:

- Đất phù sa: diện tích 27,929 ha chiếm 4,76 % diện tích tự nhiên,
- Đất ngập úng gley: diện tích 26.758 ha chiếm 4,56 % diện tích tự nhiên,
- Đất đen: diện tích 131.604 ha, chiếm 22,43 % diện tích tự nhiên,
- Đất xám: diện tích 234.867 ha, chiếm 40,04 % diện tích tự nhiên,
- Đất đỏ: diện tích 95.389 ha, chiếm 16,26 % diện tích đất tự nhiên, phân bố tập trung ở các huyện Thống Nhất, Trảng Bom, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán.

Ngoài ra còn có các nhóm đất khác chiếm tỷ lệ nhỏ trong diện tích đất tự nhiên như đất cát có 613 ha (chiếm 0,1%); đất bị xói mòn trơ sỏi đá diện tích 3.180 ha (chiếm 0,54%); đất phát triển trên đá phun trào 2.422 ha (chiếm 0,41%); đất nâu diện tích 11.377 ha (chiếm 1,94%) phân bố chủ yếu ở huyện Xuân Lộc; đất phù sa cũ bạc màu diện tích 139 ha chiếm (0,02%).

3.2. Hiện trạng sử dụng đất năm 2014:

Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh đến ngày 01/01/2014 là 590.723,62 ha, cơ cấu sử dụng đất bao gồm đất nông nghiệp có 467.448,86 ha chiếm 79,13%; đất phi nông nghiệp có 122.376,94 ha chiếm 20,72%; đất chưa sử dụng còn 897,82 ha chiếm 0,15% diện tích toàn tỉnh (chi tiết theo bảng 1).

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất tỉnh Đồng Nai năm 2014

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	590.723,62	100,00
1	Đất nông nghiệp	467.448,86	79,13
1.1	Đất trồng cây hàng năm	73.187,35	12,39
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	38.549,61	6,53
1.2	Đất trồng cây lâu năm	203.052,59	34,37
1.3	Đất rừng phòng hộ	36.393,09	6,16
1.4	Đất rừng đặc dụng	101.256,89	17,14
1.5	Đất rừng sản xuất	43.814,53	7,42
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	7.947,37	1,35

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1.7	Các loại đất nông nghiệp còn lại	1.797,05	0,30
2	Đất phi nông nghiệp	122.376,94	20,72
2.1	Đất ở	16.955,22	2,87
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	320,09	0,05
2.3	Đất quốc phòng, an ninh	15.684,11	2,66
2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	14.938,00	2,53
2.5	Đất có mục đích công cộng	19.718,96	3,34
2.6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	824,20	0,14
2.7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1.193,94	0,20
2.8	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	52.704,72	8,92
2.9	Đất phi nông nghiệp khác	37,70	0,01
3	Đất chưa sử dụng	897,82	0,15
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	50,06	0,01
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	103,36	0,02
3.3	Núi đá không có rừng cây	744,40	0,13

Nguồn: Báo cáo thống kê diện tích đất theo đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2014

4. Đặc điểm địa hình, địa chất thủy văn

Đồng Nai nằm trong khu vực chuyển tiếp giữa cao nguyên Di Linh và Đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, địa hình thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam, bao gồm 3 dạng chủ yếu: địa hình đồi núi thấp 200 - 800 m, chiếm 8% diện tích; địa hình đồng bằng lượn sóng 20 - 200 m, chiếm 80% diện tích; địa hình bãi bồi ven sông có độ cao dưới 20 m, chiếm 12% diện tích tự nhiên. Tỉnh có nhiều vùng địa hình phù hợp để phát triển các môn thể thao như: đua xe đạp, xe mô tô, xe ô tô địa hình...

Đồng Nai có nguồn nước mặt khá dồi dào để cấp nước sinh hoạt và sản xuất do mạng lưới dòng chảy sông, suối tương đối dày, trung bình 0,5 - 1,2 km/km². Các hệ thống sông chính gồm sông Đồng Nai bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên chảy qua tỉnh dài 220 km và sông La Ngà chảy qua tỉnh dài 70 km là các nguồn cấp nước quan trọng cho sản xuất và sinh hoạt. Sông Đồng Nai, sông Lòng Tàu, sông Thị Vải còn là những tuyến đường thủy quan trọng thông ra biển của tỉnh. Nguồn nước ngầm có thể phục vụ cho khai thác công nghiệp không nhiều, khu vực có thể khai thác lớn nhất tập trung ở Nam Long Thành và Bắc Biên Hoà, khả năng khai thác đạt trên 10.000 m³/ngày. Nhìn chung, địa bàn tỉnh có hệ thống sông, suối dày đặc thích hợp để phát triển các môn thể dục thể thao dưới nước như bơi lội, đua thuyền các loại, thuyền buồm, lướt ván, canô...

5. Tài nguyên rừng và đa dạng sinh học

Thảm thực vật rừng ở Đồng Nai thuộc hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới gió mùa mưa nhiều với hệ thực động vật đa dạng về chủng loài. Các kiểu rừng tự nhiên cơ bản có kiểu rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới và kiểu rừng kín nửa rụng lá nhiệt đới ẩm với các họ thực vật đặc trưng là tre, dẻ, kim giao, dầu, bằng lăng, bàng. Tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai (Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai đã được UNESCO/MAB phê chuẩn) về tài nguyên thực vật có 1.401 loài thuộc 623 chi, 156 họ, 92 bộ, 10 lớp, thuộc 6 ngành khác nhau; tài nguyên động vật có 1.621 loài, trong đó thú có 85 loài, chim có 259 loài, 64 loài bò sát, 33 loài ếch nhái, 1189 loài côn trùng; tài nguyên về thủy sản có 99 loài cá.

Tỉnh có rừng Nam Cát Tiên (thuộc Vườn Quốc gia Cát Tiên) là nơi bảo tồn các hệ sinh thái đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ, bảo tồn đa dạng các loài và nguồn gen động vật, thực vật rừng, bảo vệ và phát triển các loài động thực vật đang có nguy cơ tuyệt chủng, hiện còn giữ được nhiều loài động vật quý hiếm như bò Benteng, nai Catoong, hổ báo, sóc bay, công, trĩ. Ngoài ra, Vườn Quốc gia Cát Tiên và Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai còn có chức năng phòng hộ môi trường, bảo vệ rừng đầu nguồn công trình hồ thủy điện Trị An, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt cho dân cư lưu vực sông Đồng Nai, đồng thời có tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghiên cứu khoa học...

6. Tài nguyên khoáng sản

Các loại khoáng sản có ở tỉnh Đồng Nai không nhiều, trữ lượng không lớn, có thể khai thác ở quy mô hợp lý cho sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ tại địa phương, các khoáng sản có thể khai thác bao gồm:

- Nhóm khoáng kim loại: có 19 mỏ và điểm quặng gồm; 2 mỏ laterit bôxít, 17 mỏ và điểm quặng vàng, một số điểm có dấu hiệu khoáng hoá chì - kẽm, vàng - bạc, caxiterit. Khoáng hoá vàng tập trung chủ yếu ở phía Bắc của tỉnh (Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu), hàm lượng thấp, riêng mỏ Vĩnh An và điểm quặng Suối Ty dự báo có trữ lượng triển vọng.

- Nhóm khoáng phi kim loại: có kaolin, bột màu tự nhiên, đá vôi, thạch anh và nguyên liệu xây dựng như đá, cát, sét, puzolan; kaolin có ở Vĩnh Cửu, Long Thành và Nhơn Trạch; sét phân bố rộng rãi ở 25 điểm trong tỉnh, tập trung ở Long Thành; đá xây dựng có ở nhiều nơi trong tỉnh với 50 điểm, tập trung nhiều ở Xuân Lộc, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Long Thành; mỏ cát có ở thượng nguồn sông Đồng Nai và La Ngà.

7. Tài nguyên du lịch

Đồng Nai có nguồn tài nguyên du lịch nhân văn và du lịch thiên nhiên tiềm năng khá phong phú. Trên địa bàn tỉnh đến nay còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử, văn hóa, toàn tỉnh có 47 di tích được xếp hạng; trong đó có 1 di tích Quốc gia đặc biệt là Vườn quốc gia Cát Tiên; 26 di tích Quốc gia và 20 di tích cấp tỉnh. Các di tích Quốc gia được xếp hạng tiêu biểu như Văn miếu Trấn Biên, Đền thờ Nguyễn Tri Phương, Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961-1962), Căn cứ khu ủy miền Đông Nam Bộ, Lăng mộ Trịnh Hoài Đức, Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh... Ngoài ra, còn có nhiều tiềm năng để phát triển các loại hình du lịch nhân văn như du lịch lễ hội truyền thống, du lịch làng nghề, làng dân tộc (làng nghề gốm sứ, đá mỹ nghệ Bửu Long, dệt thổ cẩm dân tộc S'tiêng, Châu Mạ...).

Tài nguyên du lịch sinh thái gắn với sông Đồng Nai, Hồ Trị An, Vườn quốc gia Cát Tiên và nhiều điểm thắng cảnh thiên nhiên rừng núi, hồ nước như Thác Mai, Suối Mơ, Núi Chứa Chan, hồ Đa Tôn, hồ Sông Mây có thể khai thác phát triển các loại hình du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng, thể thao, du lịch khoa học có sức hấp dẫn đối với khách trong nước và quốc tế. Tại Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai có các di tích lịch sử như Căn cứ địa cách mạng Chiến khu D, Căn cứ Trung ương Cục Miền Nam, Khu ủy Miền Đông, thuận lợi để khai thác du lịch sinh thái kết hợp du lịch nhân văn.

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC, THỂ THAO

1. Hiện trạng kinh tế - xã hội giai đoạn 2005 - 2014

1.1. Về kinh tế:

Giai đoạn 2006 - 2010, trong điều kiện chịu tác động của suy thoái kinh tế thế giới xảy ra từ năm 2008, tăng trưởng kinh tế của tỉnh tuy không đạt mục tiêu quy hoạch đề ra là 14 – 14,5%/năm, nhưng vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, bình quân hàng năm đạt 13,5%, cao hơn mức tăng trưởng chung của cả nước (cả nước chỉ tăng 6,7%/năm). Trong đó, tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng bình quân hàng năm là 14,9%/năm; khu vực dịch vụ tăng bình quân hàng năm là 15%/năm; nông lâm thủy sản tăng bình quân hàng năm là 4,7%/năm.

Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) bình quân đầu người tính theo USD tăng từ 467 USD/người năm 2000, lên 1.514,8 USD/người năm 2010 cao hơn gấp 1,3 lần bình quân của cả nước (1.168 USD/người) và đến năm 2014 đạt 2.800 USD. Năm 2010, qui mô GRDP của tỉnh đạt 75.899 tỷ đồng (giá thực tế), đứng thứ 3/6 địa phương ở Đông Nam Bộ (sau TP.Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu). Năm 2014, qui mô GRDP của tỉnh đạt 161.800 tỷ đồng (giá thực tế).

Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) năm 2014 tăng 11,55% so với năm 2013. Trong đó: ngành công nghiệp, xây dựng tăng 11,7%; ngành dịch vụ tăng 13,8%; ngành nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,3%.

Trong những năm qua, nhiều thành phần kinh tế đã chuyển dịch cơ cấu đầu tư, phát triển sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường. Tạo ra bước chuyển dịch về cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong tổng giá trị gia tăng của tỉnh. Hình thành rõ nét cơ cấu kinh tế: công nghiệp (bao gồm cả xây dựng) - dịch vụ - nông nghiệp (bao gồm cả thủy sản và lâm nghiệp).

- Tỷ trọng giá trị gia tăng của nhóm ngành nông - lâm - thủy sản giảm từ 22,2% năm 2005 xuống còn 8,6% năm 2010 và 6,0% năm 2014.

- Tỷ trọng giá trị gia tăng của nhóm ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 52,2% năm 2005 lên 57,2% năm 2010 và đến năm 2014 giảm còn 56,9 %.

- Tỷ trọng giá trị gia tăng của các ngành dịch vụ trong cơ cấu tổng giá trị gia tăng chiếm 25,6% năm 2005, tăng lên 34,2% năm 2010 và 37,1% năm 2014.

Năm 2014, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 73.535 tỷ đồng. thu hút đầu tư nước ngoài đạt trên 1.732 triệu USD (bao gồm đăng ký mới và dự án tăng vốn), doanh nghiệp trong nước đăng ký kinh doanh cả năm là 12.361 tỷ đồng, tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn ước cả năm là năm là 13 tỷ USD. tổng thu ngân sách trên địa bàn là 36.586 tỷ đồng.

Sự phát triển của các ngành kinh tế như nói trên có tác động mạnh đến sự phát của các ngành xã hội nói chung và ngành thể dục thể thao nói riêng.

1.2. Về xã hội:

Các hoạt động văn hoá - văn nghệ phát triển đúng hướng, đổi mới một bước về nội dung, hình thức và chất lượng nghệ thuật... đáp ứng nhu cầu hưởng thụ cơ bản của nhân dân và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Một số thiết chế, công trình văn hoá được quan tâm đầu tư nâng cấp. Những công trình văn hoá như khu di tích lịch sử, tượng đài, các khu công viên... được xây dựng, tạo thành những điểm giáo dục truyền thống, sinh hoạt văn hóa và tham quan, du lịch.

Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá đã tạo thành phong trào rộng khắp toàn tỉnh, được nhân dân tích cực tham gia. Năm 2014, toàn tỉnh có 90 ấp, khu phố và 97,5% hộ gia đình đạt danh hiệu ấp, khu phố, hộ gia đình văn hóa. Công tác đấu tranh ngăn chặn, bài trừ văn hóa phẩm độc hại được tiến hành thường xuyên, liên tục.

Đội ngũ văn nghệ sĩ phát triển về số lượng, nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ; tạo được nhiều sản phẩm văn hoá, văn nghệ có giá trị nghệ thuật cao; một số tác phẩm đạt giải quốc gia và quốc tế. Báo chí, xuất bản đã thông tin kịp thời những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nhiệm vụ trọng tâm, sự kiện chính trị xã hội quan trọng của đất nước và địa phương; biểu dương kịp thời những gương người tốt, việc tốt trên các lĩnh vực; phản ánh tâm tư tình cảm, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, là cầu nối giữa Đảng với dân, góp phần đấu tranh chống các tệ nạn và tiêu cực trong xã hội.

Phong trào thể dục thể thao, rèn luyện thể chất trong học đường, trong nhân dân phát triển, một số môn thể thao thành tích cao được chú ý đầu tư, thành tích thi đấu được nâng lên, các sân thể thao, nhà luyện tập được đầu tư tốt hơn.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ. tổ chức bộ máy y tế tiếp tục được củng cố và phát triển, nhất là mạng lưới y tế cơ sở, các trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ phục vụ. Năm 2014, số bác sỹ/1 vạn dân đạt 6,7 bác sỹ; số giường bệnh/1 vạn dân đạt 24,5 giường bệnh. Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ phục vụ ổn định là 97%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế là 60%.

Công tác truyền thông dân số và kế hoạch hoá gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em được coi trọng và thực hiện có kết quả, góp phần giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Năm 2014, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,1%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi giảm còn dưới 10,4%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi giảm còn 26%. Sự phát triển của các ngành xã hội có ý nghĩa to lớn đối với phát triển thể dục thể thao tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

2. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật được đẩy mạnh đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng hiệu quả, bền vững, cải thiện đời sống nhân dân và đang phát huy mạnh trong những năm tới. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách và tín dụng tăng bình quân hàng năm 14,7%, chiếm 30,6% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Hệ thống giao thông đường bộ từng bước được đầu tư xây dựng, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa và các hoạt động kinh tế, dân sinh ngày càng tăng. Đến năm 2014, hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh có tổng chiều dài là 6.876,5 km, bao gồm: 05 tuyến quốc lộ với chiều dài 244,5km được nhựa hóa 100%; 20 tuyến đường tỉnh dài 511km được nhựa hóa 100%; có gần 300 tuyến đường đô thị, đường huyện với chiều dài 1.491 km, được nhựa hóa 60%; đường

xã, phường có chiều dài 4.143km được nhựa hóa 30%; đường chuyên dùng với chiều dài 487 km, chủ yếu là đường nhựa, đường cấp phối.

Hệ thống bến xe hiện đang khai thác 15 bến xe khách với tổng diện tích là 116.798m². Số lượng và chiều dài các tuyến xe buýt tăng lên khá nhanh.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có tuyến đường sắt Thống Nhất đi qua với chiều dài 87,5 km và hệ thống cảng nội địa, thúc đẩy phát triển mạnh lưu thông hàng hóa và các lĩnh vực dịch vụ khác.

Hệ thống thủy lợi được đầu tư tập trung, phát huy hiệu quả nhanh, những công trình thủy lợi trọng điểm như hồ, đập, kênh mương,...được thực hiện kiên cố hóa, nguồn vốn đầu tư chủ yếu từ ngân sách tỉnh và huyện, ngân sách xã chi phí cho công tác nạo vét, sửa chữa kênh mương.

Hệ thống lưới điện đã được phủ khắp toàn tỉnh, cung cấp điện khá ổn định cho các khu công nghiệp, đô thị và hầu hết các khu vực nông thôn trong tỉnh.

Hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển tạo điều kiện cho việc tổ chức các hoạt động thể dục thể thao. Hệ thống giao thông phát triển tới các vùng sâu vùng xa góp phần cải thiện thúc đẩy quá trình giao lưu giữa nhân dân các địa phương trong tỉnh Đồng Nai với nhau cũng như với dân cư các tỉnh khác trong cả nước, theo đó sự giao lưu trao đổi hoạt động thể dục thể thao cũng được tạo đà phát triển.

3. Dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 tác động đến phát triển thể dục thể thao

Kết quả nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai đã dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 là 12 - 13%.

GRDP bình quân đầu người đạt 2.700 USD - 2.900 USD vào năm 2015 và 5.300 USD - 5.800 USD vào năm 2020.

Cơ cấu kinh tế năm 2015: Công nghiệp - xây dựng chiếm 56 - 57%; dịch vụ chiếm khoảng 38-39%; nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 5 - 6%.

Cơ cấu kinh tế năm 2020: Công nghiệp - xây dựng chiếm 55 - 56%; dịch vụ chiếm khoảng 39,5 - 40,5%; nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 4,5 - 5,5%.

Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2016- 2020 khoảng 8- 10%.

Tổng thu ngân sách Nhà nước hàng năm so với GRDP chiếm 23% - 25%.

Dự kiến dân số trung bình đến năm 2015 là 2.884 nghìn người; dân số đến năm 2020 là 3.034 nghìn người.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2015 còn 1,1% và năm 2020 còn 1,0%.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (theo tiêu chí cân nặng) đến năm 2015 còn dưới 12,5% và đến năm 2020 còn dưới 10%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (theo tiêu chí chiều cao) đến năm 2015 là 25% và đến năm 2020 là 23%.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 1,5% theo chuẩn nghèo của tỉnh đã ban hành.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 68%, trong đó đào tạo nghề đạt 50%; đến năm 2020 đạt 85%, trong đó đào tạo nghề đạt 65%.

Giảm tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực đô thị xuống 2,6% vào năm 2015 và dưới 2,5% vào năm 2020.

Thực hiện phổ cập giáo dục bậc trung học theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến năm 2015, có 30% xã, phường đạt chuẩn; đến năm 2020, có 50% xã, phường đạt chuẩn.

Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa là 98% năm 2015 và những năm tiếp theo.

Tuổi thọ trung bình đến năm 2015 là 77 tuổi và đến năm 2020 là 78 tuổi.

Tỷ lệ hộ sử dụng điện đến năm 2015 và những năm tiếp theo đạt trên 99%.

Phấn đấu đến năm 2015 có trên 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và đến năm 2020 có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

III. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỂ DỤC THỂ THAO

1. Bối cảnh quốc tế

Bước vào những thập niên đầu của thế kỷ XIX, thế giới đang chứng kiến sự biến đổi hết sức sâu sắc của khoa học kỹ thuật và công nghệ, với những biến đổi này, khoa học, thông tin, kiến thức, tri thức từ chỗ ảnh hưởng gián tiếp đến chỗ biến thành lực lượng sản xuất trực tiếp có ý nghĩa quyết định đến sự tăng trưởng kinh tế và nền văn minh nhân loại.

Xu thế hội nhập kinh tế thế giới và toàn cầu hóa là một tất yếu mà mọi quốc gia đang duy trì và phát triển nền kinh tế thị trường đều phải chấp nhận cho dù nó mang đến không chỉ cơ hội mà còn có rất nhiều thách thức. Mỗi quốc gia đều có thể tận dụng xu thế khách quan này để rút ngắn quá trình phát triển thông qua những “luật chơi bình đẳng” trên phạm vi toàn cầu. Đồng thời, dưới tác động của cuộc cách mạng mới về khoa học công nghệ, nền kinh tế tri thức với cơ cấu nghiêng hẳn về các ngành dịch vụ đang hình thành và được xem là động lực chủ yếu của sự phát triển kinh tế thế giới. Xu hướng này có tác động sâu sắc đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư của mọi nền kinh tế nói chung và của Việt Nam nói riêng trong đó có tỉnh Đồng Nai.

Hội nhập kinh tế với các nước trên thế giới và khu vực trong bối cảnh kinh tế tri thức như là một xu thế khách quan, đang đặt ra cho nước ta những cơ hội cũng như những thách thức trong mọi lĩnh vực phát triển, trong đó có vấn đề phát triển thể dục thể thao. Hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực mang lại cơ hội cho Đồng Nai có thể tiếp cận với những thành tựu khoa học - công nghệ, thông tin, tăng khả năng thu hút các nguồn vốn cho phát triển thể dục thể thao.

2. Bối cảnh trong nước

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, đồng thuận, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên, tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau. Với các hướng đột phá của chiến lược là: (1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; (2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới toàn diện nền giáo dục quốc dân; (3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là vùng đã được xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020. Trong đó, đã xác định chỉ tiêu chủ yếu của vùng như sau:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm, giai đoạn 2011 - 2015 là 10% và giai đoạn 2016 - 2020 là 9,5%.

Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 97- 98% trong tổng GRDP của vùng đến năm 2020, trong đó dịch vụ chiếm 44% (cao hơn mức bình quân chung của cả nước).

GRDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt tương đương 4.600 USD và năm 2020 đạt 6.400 USD.

Giá trị xuất khẩu bình quân đầu người đạt 4.200 USD vào năm 2015 và 7.800 USD năm 2020.

Tỷ lệ dân số tập thể dục, thể thao thường xuyên của vùng đến năm 2020 đạt 30 - 35%. Hình thành đội ngũ vận động viên đạt trình độ cao ở một số bộ môn như thể dục thể hình, điền kinh, bơi lội, cầu mây, bắn súng...

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đồng Nai là tỉnh có diện tích rộng và dân số đông, tăng trưởng kinh tế nhanh, có điều kiện liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh và thu hút đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo - dạy nghề; nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học - công nghệ. Song song đó, chuỗi đô thị Biên Hòa - Long Thành - Nhơn Trạch được xây dựng và phát triển, sẽ tạo nên một trung tâm đô thị mới trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam ở phía Đông sông Đồng Nai, liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh tạo thành đô thị trung tâm của Vùng vào thời kỳ sau 2020 đến 2030.

Đồng Nai là địa bàn hội tụ khá nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển thành một trong những trung tâm công nghiệp lớn và hiện đại ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Không gian mặt bằng rộng, nguồn nhân lực dồi dào, cơ bản đáp ứng yêu cầu cho phát triển công nghiệp, đặc biệt là nhóm ngành công nghiệp công nghệ cao.

Nhiều khu công nghiệp hoạt động đạt hiệu quả cao, nhiều công trình kết cấu hạ tầng cấp quốc gia được đầu tư xây dựng trên địa bàn vùng nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh những mặt thuận lợi, Đồng Nai phải đối diện với nhiều thách thức trong việc nâng cao mức sống của dân cư, đảm bảo các điều kiện về an sinh xã hội ngày càng cao hơn như về nhà ở, giáo dục, y tế, việc làm, thu nhập ở cả khu vực đô thị và nông thôn, nhất là đối với khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

Các khu vực tập trung công nghiệp như Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom đều là các khu vực tập trung đông dân cư và nằm trong lưu vực sông Đồng Nai, với tốc độ phát triển nhanh về công nghiệp, nguy cơ ô nhiễm môi trường là thách thức đối với quá trình phát triển bền vững là vấn đề cần phải giải quyết trong thời kỳ quy hoạch.

Những tiềm năng và lợi thế về phát triển kinh tế sẽ đặt ra nhu cầu rất lớn về phát triển xã hội, nâng cao toàn diện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Trong đó, ngành thể dục thể thao đóng vai trò quan trọng vào sự phát triển con người cả về thể chất và trí tuệ, cải thiện giống nòi, nâng cao tầm vóc...

Phần II
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH
THỂ DỤC THỂ THAO GIAI ĐOẠN 2005 - 2014

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN TDTT

1. Thực trạng hoạt động thể dục thể thao cho mọi người

1.1. Phong trào tập luyện thể dục thể thao quần chúng:

Trong những năm qua, tỉnh Đồng Nai đã quán triệt và triển khai thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển thể dục thể thao. Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản về đẩy mạnh công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới, nhằm không ngừng mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục thể thao, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngành thể dục thể thao tỉnh Đồng Nai đã tích cực phối hợp với các cấp, các ngành, các đoàn thể, các tổ chức xã hội triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của tỉnh và trung ương về phát triển phong trào tập luyện thể dục thể thao. Duy trì thường xuyên cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, được quần chúng nhân dân hưởng ứng và hăng hái tham gia.

Thể dục thể thao quần chúng tiếp tục phát triển với nhiều hình thức đa dạng, góp phần nâng cao sức khỏe, xây dựng lối sống lành mạnh, cải thiện đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân. Nét nổi bật trong hoạt động thể thao quần chúng những năm qua là sự tăng nhanh về số lượng người tham gia, mở rộng đối tượng, lứa tuổi tham gia, đồng thời phát triển hình thức tập luyện thể dục thể thao tự nguyện, tự giác.

Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên tăng từ 452.800 người năm 2005 lên 962.370 người năm 2014.

Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên tăng từ 20% năm 2005 lên 33,3 % năm 2014.

Tỷ lệ hộ gia đình tập luyện thể dục thể thao thường xuyên tăng từ 15,5 % năm 2005 lên 23,3% năm 2014.

Số câu lạc bộ thể dục thể thao tăng từ 220 CLB năm 2005 lên 977 CLB năm 2014, trong đó, số câu lạc bộ công lập tăng từ 48 CLB năm 2005 lên 214 CLB năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm về số câu lạc bộ trong giai đoạn 2006 - 2014 là 18,1%.

Bảng 2: Số người tập luyện TDTT thường xuyên và tỷ lệ gia đình thể thao của tỉnh giai đoạn 2005 - 2014

S TT	Chỉ tiêu	2005	2010	2011	2012	2013	2014
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	452.800	772.518	823.996	870.662	899.818	962.370
2	Tỷ lệ % so với dân số	20	30	31	32	32,5	33,3
3	Tỷ lệ % so với tổng số GD	15,5	22	22,5	23	23	23,3
4	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	220	844	910	900	939	977
-	Công lập	48	162	169	190	200	214
-	Ngoài công lập	172	682	741	710	739	763

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai

- Hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng cán bộ, công chức, viên chức: Do có nhận thức đúng đắn, hiểu rõ lợi ích của việc luyện tập thể dục thể thao, mặt khác do đội ngũ công chức, viên chức chủ yếu ở thành phố, thị xã, thị trấn nên thuận lợi trong việc tiếp cận với các cơ sở vật chất TDTT. Do đó, số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên trong đội ngũ công chức, viên chức đạt tỷ lệ cao.

Các môn thể dục thể thao được tập luyện chủ yếu là các môn thể thao đơn giản, dễ tổ chức, sân bãi nhỏ gọn có thể trong khuôn viên của cơ quan, đơn vị như: cầu lông, bóng bàn, cờ tướng, bóng chuyền, tennis...

Thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày đã trở thành lối sống lành mạnh ở một bộ phận khá đông đội ngũ công chức, viên chức. Hàng năm, nhiều công chức, viên chức đã tham gia các cuộc thi đấu, nhân các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn do các sở, ngành tổ chức.

- Hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng thanh thiếu nhi: Thanh niên là lực lượng quan trọng để phát triển và nâng cao chất lượng của phong trào thể dục thể thao. Hàng năm Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp cùng các sở, ngành liên quan phát động phong trào “Khỏe để lập nghiệp và giữ nước”, triển khai cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại” đã thu hút trên 62% thanh thiếu niên, nhi đồng tham gia. Các môn thể thao được thanh niên tập luyện chủ yếu là: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, tennis, việt dã...

Hàng năm, tổ chức tốt các giải thi đấu cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố và cơ sở. Nhà thiếu nhi, Trung tâm Văn hóa - Thể thao là những điểm quy tụ thanh

niên đến sinh hoạt và hình thành các đội tuyển để tham dự các giải thể thao phong trào của tỉnh. Thanh niên luôn là lực lượng chủ yếu tham gia các hoạt động thể dục thể thao phục vụ các ngày lễ, tết, các hội thao và các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Hoạt động thể dục, thể thao trong đối tượng là nông dân ở nông thôn: Hội Nông dân tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có kế hoạch liên tịch chỉ đạo Hội Nông dân và Phòng Văn hoá, Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố triển khai công tác thể dục thể thao đến các cơ sở. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thường xuyên đẩy mạnh phong trào xây dựng xã văn hoá, thôn văn hoá, khu dân cư văn hoá, trong đó thể dục thể thao được xác định là một trong những tiêu chí quan trọng trong quy ước để đánh giá phong trào.

- Hoạt động thể dục thể thao trong đối tượng người cao tuổi: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, tuổi thọ của nhân dân ngày càng được nâng lên, số người cao tuổi tham gia hoạt động thể dục thể thao ngày một tăng. Vì vậy, việc quan tâm đến hoạt động thể dục thể thao của lớp người cao tuổi vừa là trách nhiệm vừa là đạo lý của dân tộc và của toàn xã hội.

Hiện nay phong trào thể dục thể thao của người cao tuổi phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Từ phong trào tự phát trước đây đến những năm gần đây phong trào thể dục thể thao của người cao tuổi đã được đưa vào các tổ chức có sự quản lý, giúp đỡ của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội như: Ban Đại diện Hội người cao tuổi tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh ...

Một số hoạt động thể dục thể thao đã thu hút đông đảo các cụ tham gia tập luyện thường xuyên ở các môn như: Bóng bàn, cầu lông, cờ tướng, thể dục dưỡng sinh... Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp cùng Ban Đại diện Hội người cao tuổi tỉnh tổ chức Hội thao kỷ niệm ngày Quốc tế Người cao tuổi (ngày 01 tháng 10 hàng năm).

Tỉnh Đồng Nai luôn được đánh giá là địa phương thực hiện tốt phong trào thể dục thể thao của người cao tuổi. Việc lớp người cao tuổi tích cực tham gia hoạt động thể dục thể thao có tác động mạnh mẽ cuốn hút các thành phần khác trong cộng đồng dân cư cùng tham gia.

Hoạt động thể dục thể thao dành cho người khuyết tật: Trong những năm qua, công tác phát triển thể dục, thể thao Người khuyết tật của Tỉnh Đồng Nai có bước chuyển biến tiến bộ. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, ban ngành, địa phương, đơn vị đã có nhận thức đúng đắn về quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với người khuyết tật, đã có bước tiến rõ rệt trong việc triển khai thực hiện tốt việc quán triệt,

tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Những năm gần đây phong trào thể dục thể thao của Người khuyết tật đã có sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng, các giải thể thao người khuyết tật được tổ chức thường xuyên đã thu hút đông đảo người khuyết tật tham gia tập luyện để rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe, thể lực, hòa nhập vào cuộc sống lao động, sản xuất của cộng đồng. Thông qua các giải thể thao người khuyết tật còn lựa chọn được nhiều vận động viên xuất sắc tham gia thi đấu tại các giải thể thao Người khuyết tật toàn quốc, tập trung ở các môn thể mạnh như bơi, điền kinh, cử tạ, cầu lông, bóng bàn...

Năm 2014, tỉnh Đồng Nai có 10 vận động viên người khuyết tật ở tuyến tỉnh, tham gia thi đấu đạt hạng 07 toàn quốc; tổ chức 1 giải thể thao người khuyết tật cấp tỉnh; tham gia 2 giải cấp quốc gia.

- Hoạt động thể dục thể thao trong đối tượng công nhân lao động ở các khu cụm công nghiệp: Trong thời gian qua, mặc dù điều kiện về cơ sở vật chất, sân bãi thi đấu còn thiếu thốn, thời gian của công nhân lao động chủ yếu dành cho sản xuất, nhưng các phong trào thể dục thể thao trong cán bộ, công nhân viên chức lao động tại các khu - cụm công nghiệp luôn được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Liên đoàn Lao động tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Công đoàn các Khu công nghiệp và sự hưởng ứng nhiệt tình của người lao động, lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp. Nhờ đó, phong trào thể thao trong các Khu công nghiệp đã được nhân rộng, đa dạng với nhiều nội dung thi đấu. Số công nhân lao động trên địa bàn tỉnh thường xuyên tham gia tập luyện thể dục thể thao luôn ổn định ở mức cao, các môn: thể dục khởi động (đầu giờ làm), bóng đá, đi bộ,...

- Thực trạng phát triển, bảo tồn các môn thể thao dân tộc: Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quá trình xây dựng và phát triển, luôn có ý thức tìm tòi để khôi phục, bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc làm phong phú hơn đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân.

Trong những năm gần đây các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian đã được quan tâm nhiều hơn. Một số môn thể thao dân tộc như: đua thuyền, kéo co, đẩy gậy, múa Lân-Sư-Rồng, bắn nỏ; một số trò chơi dân gian như: nhảy bao bố, đi xe đạp chậm, đi cà kheo,... đã được nghiên cứu phục hồi và có kế hoạch phát triển. Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang khuyến khích và tạo điều kiện cho các địa phương khôi phục, phát triển và tổ chức biểu diễn, thi đấu các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian gắn liền với các lễ hội truyền thống của từng địa phương.

Nhìn chung, trong giai đoạn từ năm 2005 - 2014, phong trào tập luyện thể dục thể thao quần chúng đã có bước phát triển mạnh, tỷ lệ người tham gia tập

luyện thể dục thể thao thường xuyên tăng nhanh từ 20% năm 2005 lên 33,3% năm 2014. Các môn thể dục thể thao phát triển đa dạng, nội dung hoạt động thể dục thể thao quần chúng mở rộng đến nhiều tầng lớp dân cư. Các môn thể thao dân tộc và trò chơi dân gian được khôi phục, phát triển rộng rãi hơn những năm trước.

Kết quả điều tra về số người tập luyện TDTT thường xuyên của tỉnh Đồng Nai phân bố theo các đơn vị huyện, thị không đồng đều, cao nhất tập trung ở các nơi như: thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và ở một số huyện có tỷ lệ dân cư đô thị hóa cao (đạt tỷ lệ 30 – 35%). Nhiều địa bàn nông thôn, chưa có phong trào tập luyện thể dục thể thao, tỷ lệ người tập thể dục thể thao thường xuyên còn rất thấp (chỉ chiếm khoảng 20 – 25%).

1.2. Thực trạng hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường

Thể dục thể thao trường học là bộ phận quan trọng của nền TDTT, nhiệm vụ chính của TDTT trường học là: Nâng cao sức khỏe, bảo đảm sự phát triển tốt cho cơ thể học sinh; rèn luyện các kỹ năng vận động cơ bản; hình thành thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh, đồng thời góp phần giáo dục các phẩm chất đạo đức, nhân cách. Phát hiện trẻ em có năng khiếu và tài năng thể thao, bồi dưỡng, tạo nguồn vận động viên cho các môn thể thao thành tích cao.

Năm 2014, Đồng Nai có 300 trường tiểu học (có 2 trường ngoài công lập), 168 trường THCS (1 trường ngoài công lập), 66 trường THPT (22 trường ngoài công lập); 07 trường đại học trên địa bàn Tỉnh, bao gồm: Đại học Đồng Nai, Đại học Lạc Hồng, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Công nghệ Đồng Nai, Đại học Nguyễn Huệ (Sỹ quan Lục quân 2), Đại học Công nghệ Miền Đông, 04 trường cao đẳng và 06 trường trung cấp chuyên nghiệp, hàng năm, tuyển sinh khoảng 45 nghìn sinh viên.

Giáo dục chuyên nghiệp ngày càng mở rộng, từng bước đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ nhân lực trong tỉnh. Cùng với sự phát triển cả bề rộng và chiều sâu của phong trào thể dục thể thao quần chúng, công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường học của tỉnh Đồng Nai đã có nhiều chuyển biến tích cực, thể hiện trên các mặt như sau:

Về giáo dục thể chất nội khóa: đến năm 2014, số trường phổ thông thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất nội khóa đạt 100%.

Số trường học phổ thông có Câu lạc bộ TDTT, có hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động TDTT, có giáo viên và hướng dẫn viên TDTT, thực hiện tốt hoạt động thể thao ngoại khóa đạt 40,3% .

Số học sinh, sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định tăng từ 70% năm 2005 lên 74% năm 2014.

Hình thức tổ chức và nội dung tập luyện thể dục thể thao của học sinh, sinh viên ngày càng đa dạng và đi vào nề nếp. Trong đó, các sinh hoạt dưới hình thức câu lạc bộ thể dục thể thao trường học có tổ chức, có người hướng dẫn ngày càng được phát triển. Nhiều nội dung tập luyện phong phú được đưa vào các hoạt động ngoại khoá đặc biệt là các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian được đưa vào lồng ghép với phong trào thi đua “trường học thân thiện, học sinh tích cực”;

Đội ngũ giáo viên, giảng viên thể dục thể thao ở các trường học được đào tạo, nâng cao kiến thức, đã từng bước đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ. Cơ sở vật chất, sân chơi, bãi tập, công trình thể thao, dụng cụ tập luyện thi đấu thể thao ở trường học các cấp đã bước đầu được quy hoạch và đầu tư xây dựng.

Công tác chỉ đạo điều hành tiếp tục được tăng cường, sát với thực tế, thể hiện ở các văn bản quy phạm pháp luật ngày một hoàn thiện đáp ứng yêu cầu thực tiễn của nhà trường theo từng lĩnh vực trong công tác thể dục thể thao trường học; về chủ trương đổi mới chương trình, sách giáo khoa và phương pháp giáo dục theo hướng lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính tích cực, sáng tạo và chủ động của học sinh trong học tập, mặt khác, công tác nghiên cứu khoa học về giáo dục thể chất và y tế trường học ngày càng được chú trọng. Việc nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất, đã góp phần xây dựng nếp sống lành mạnh, đẩy lùi tệ nạn xã hội, giáo dục nhân cách, lối sống cho học sinh, sinh viên.

Hàng năm, các giải thể thao cho học sinh, sinh viên được tổ chức thường xuyên nhằm đánh giá công tác giáo dục thể chất của các trường, thu hút được số lượng lớn học sinh, sinh viên tham gia.

Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VIII, Đồng Nai xếp thứ 12 toàn đoàn, với 14 huy chương vàng, 55 huy chương bạc, 39 huy chương đồng, được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng cờ thi đua.

Nhìn chung, trong những năm gần đây, công tác giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên được ngành Giáo dục - Đào tạo quan tâm chỉ đạo, nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng, bảo đảm các yêu cầu về rèn luyện thân thể. Thực hiện chương trình giáo dục thể chất nội khoá cho các cấp ngày càng có nề nếp.

Hoạt động thể dục thể thao ngoại khoá trong các trường được quan tâm hơn và có nhiều hình thức phong phú, nổi bật là việc tổ chức Hội khỏe Phù Đổng các cấp,... Hội khỏe Phù Đổng đã thực sự trở thành ngày hội thể thao của tuổi trẻ học đường, được tổ chức có chất lượng ở cả bốn cấp: cấp trường, cấp huyện, cấp

tinh và tham dự Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc. Hội khoẻ Phù Đổng cấp trường được gắn liền với nhiều hoạt động ngoại khóa như các hội thi, cắm trại. Hoạt động thể dục thể thao trường học đã góp phần tích cực vào việc bảo vệ, rèn luyện nâng cao sức khoẻ của học sinh, tạo điều kiện thuận lợi để chuẩn bị thực hiện chương trình quốc gia nâng cao thể chất, tầm vóc người Việt Nam trong giai đoạn tới.

Tuy nhiên, còn một số trường học, công tác giáo dục thể chất chưa được quan tâm đúng mức, thậm chí có lúc còn bị coi nhẹ, thiếu bình đẳng so với các môn học khác. Hệ thống các cơ sở, sân bãi phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học còn trong tình trạng thiếu thốn, lạc hậu, không chỉ trong các trường phổ thông mà cả trong khối các trường đại học, cao đẳng, trường nghề...

Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về giáo dục thể chất và thể thao trường học luôn bị thay đổi, phân tán dẫn tới hiệu quả hoạt động hạn chế; nội dung hoạt động thể thao ngoại khóa trong nhà trường còn nghèo nàn, chưa thực sự tạo được sự hứng thú cho học sinh, sinh viên. Giáo viên thể dục còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng chuyên môn; chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất còn nhiều bất cập.

1.3. Thực trạng hoạt động thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang

Các hoạt động thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang hàng năm được đẩy mạnh về quy mô và chất lượng: phong trào rèn luyện thể lực và tổ chức thi đấu thể thao được phát triển rộng khắp các đơn vị cơ sở, với các môn thể thao như: Bóng đá, bóng chuyền, tennis, cầu lông... kết hợp với các môn thể thao quân sự như: thi quân sự vượt vật cản, điều lệnh đội ngũ, bắn súng quân dụng các tư thế, bắn nỏ, cung tên và thi đội hình chiến sĩ khỏe, võ chiến đấu, chạy vũ trang... Hàng năm, các đơn vị lực lượng vũ trang tổ chức các giải thể thao, hội thi thể dục thể thao quốc phòng, kiểm tra chiến sỹ khỏe, tổ chức các giải thể thao cho từng đối tượng và đã thu hút đông đảo các đơn vị tham gia, đồng thời qua đó, phát hiện, tuyển chọn các cá nhân, tập thể có thành tích cao, thành lập các đội tuyển, chuẩn bị tham dự Hội thao thể dục thể thao quốc phòng Quân khu 7 và toàn quốc. Cơ sở vật chất cho các hoạt động thể dục thể thao của lực lượng vũ trang còn rất hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu tập luyện của các chiến sỹ.

Năm 2014, cán bộ chiến sỹ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể trong lực lượng vũ trang là 97,76%. Riêng lực lượng cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể là 97,46%. Ngoài việc tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, lực lượng cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy còn tập luyện và tổ chức nhiều cuộc thi thể thao nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ...

Mặc dù, hoạt động thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang của tỉnh rất sôi nổi, nhưng chưa tìm được những nhân tố nổi bật để tham gia đạt thành tích cao tại các giải thể thao, hội thao toàn quốc. Cơ sở vật chất cho các hoạt động thể dục thể thao của lực lượng vũ trang còn rất hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu tập luyện của chiến sĩ.

2. Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp

2.1 Thể thao thành tích cao

Tập luyện và thi đấu các môn thể thao thành tích cao là lĩnh vực luôn được ngành Thể dục, thể thao của tỉnh hết sức quan tâm.

Trong những năm qua, Trung tâm Thể dục thể thao của tỉnh đã tổ chức nhiều đợt huấn luyện vận động viên tham gia các giải thể thao giành thành tích cao. Bên cạnh đó, Trường Phổ thông năng khiếu Thể thao cũng đã góp phần không nhỏ trong việc tuyển chọn, đào tạo vận động viên năng khiếu, trẻ để chuyển giao cho Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh.

Hàng năm, số lượng vận động viên tham gia thi đấu các giải thể thao khu vực và quốc gia đều tăng.

Tổng số vận động viên các môn thể thao chủ yếu tăng từ 127 vận động viên năm 2005 lên 369 vận động viên năm 2014 (chi tiết phụ lục 2).

Hàng năm, đã có nhiều vận động viên xuất sắc của tỉnh được triệu tập vào các đội tuyển trẻ và đội tuyển quốc gia, góp phần nâng cao vị thế của thể thao Đồng Nai.

Năm 2014, tỉnh có 06 vận động viên được triệu tập vào các đội dự tuyển quốc gia. Số vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia có 78 người, trong đó có 25 kiện tướng và 53 vận động viên cấp 1.

Số lớp năng khiếu thể thao phong trào, số vận động viên năng khiếu đào tạo tập trung của các môn thể thao thành tích cao được quan tâm đầu tư nhiều hơn so với năm 2005.

Lực lượng huấn luyện viên, trọng tài tăng đáng kể so với năm 2005. Năm 2014, tỉnh có 70 trọng tài (7 nữ), trong đó: có 56 trọng tài cấp quốc gia và 16 trọng tài cấp quốc tế. Các môn thể thao trong hệ thống thể thao thành tích cao của Đồng Nai hiện nay được xác định phù hợp với xu hướng phát triển thể thao thành tích cao Việt Nam.

Các căn cứ để xác định các môn thể thao trọng điểm của Đồng Nai là:

+ Các môn thể thao truyền thống, thể thao mũi nhọn của Đồng Nai chủ yếu nằm trong chương trình thi đấu Olympic, Asiad, SEA Games, đã có thành tích cao trong khu vực.

+ Các môn thi đấu đã giành huy chương vàng trong giải vô địch, Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc như: Điền kinh, bơi, cầu mây, cầu lông, thể dục thể hình, vovinam, karatedo;

+ Các môn có huấn luyện viên trình độ cao, có cơ sở vật chất phù hợp theo tiêu chuẩn tối thiểu.

+ Các môn nằm trong kế hoạch xây dựng lực lượng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các huyện, thị xã, thành phố.

+ Các môn nằm trong chương trình thể thao quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đánh giá có triển vọng tốt.

Tỉnh Đồng Nai đang tích cực vận dụng một số giải pháp để phát triển các môn thể thao trọng điểm là:

+ Xây dựng thể chế và hệ thống quản lý nâng cao thành tích thể thao thích hợp đối với từng môn. Về cơ bản, quản lý ở từng môn thể thao theo 3 tuyến: Tuyến năng khiếu, tuyến trẻ, tuyến tuyển, tuy nhiên, mức độ tập trung, tiêu chuẩn quản lý ở từng cấp, quy mô quản lý ở từng môn thể thao còn đang trong quá trình hoàn thiện.

+ Tập trung đầu tư các môn thể thao trọng điểm cao hơn so với các môn thể thao không trọng điểm. Sự đầu tư này đảm bảo mức độ nhất định để đào tạo ở tỉnh kết hợp với đào tạo ở trung ương, tuy nhiên, cơ cấu đầu tư cho từng môn thể thao trọng điểm cần tiếp tục xác định chính xác và dài hạn hơn.

+ Đầu tư khoa học công nghệ và cải thiện hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao bắt đầu trở thành giải pháp quan trọng, tuy nhiên, giải pháp này cũng đang trong quá trình hoàn thiện từng bước.

Với những căn cứ nêu trên, tỉnh Đồng Nai xác định có 7 môn thể thao mũi nhọn:

1. Bơi lội
2. Cầu lông
3. Bóng đá
4. Cầu mây
5. Thể dục thể hình
6. Bắn Súng
7. Điền Kinh

Thành tích thi đấu thể thao thành tích cao của Đồng Nai tại kỳ Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII năm 2014, với hơn 130 VĐV tham gia tranh tài ở 17 môn thi đấu đã giành được tổng cộng 31 huy chương (6 HCV, 11 HCB, 14 HCD), xếp hạng 23/65, đạt chỉ tiêu ban đầu đề ra (từ 6 - 7 HCV và xếp hạng từ vị trí 21- 25). Trong khu vực Đông Nam bộ, Đồng Nai xếp sau Bình Thuận (hạng 16) và Bình Dương (hạng 21).

VỀ THÀNH TÍCH THI ĐẤU MỘT SỐ MÔN THỂ THAO:

Thể thao thành tích cao vẫn giữ vững và có định hướng phát triển tốt, với nhiều vận động viên tham gia đội tuyển quốc gia, có thành tích huy chương năm sau cao hơn năm trước. Các môn như: TĐTH, cầu mây, bơi lội tiếp tục phát huy

thể mạnh, các môn mới tiếp tục gặt hái được những thành tích khích lệ, như: bắn súng, boxing, wushu, cầu lông, điền kinh, vovinam, võ cổ truyền, thể thao người khuyết tật.

Năm 2014, Đồng Nai đạt được 370 huy chương các loại, trong đó có 357 huy chương ở giải cấp quốc gia và khu vực (96 vàng, 118 bạc, 143 đồng) và đạt được 13 huy chương tại giải quốc tế (8 bạc, 5 đồng), thành tích chủ yếu ở các môn đỉnh cao có nội dung cá nhân và đồng đội như: Cầu mây, bơi lội, điền kinh, võ cổ truyền, vovinam, muay Thái, TDTH, taekwondo.

Tổng số huy chương các loại đã tăng từ 285 huy chương năm 2005 lên 370 huy chương năm 2014 (chi tiết trong bảng 3).

Tuy nhiên, thể thao thành tích cao một số môn tham gia các giải thi đấu còn hạn chế và chưa ổn định, do số VĐV giỏi của tỉnh đã qua thời kỳ đỉnh cao, số VĐV trẻ chưa đáp ứng được yêu cầu chuyên môn.

Bảng 3: Hiện trạng thể thao thành tích cao giai đoạn 2005 - 2014

ST T	Nội dung	ĐVT	2005	2010	2011	2012	2013	2014
1	Số vận động viên thể thao	Người	127	143	143	151	173	369
2	VĐV chương trình MTQG	Người	-	10	10	15	11	6
3	Số huy chương đạt được	H.chương	285	170	187	206	302	370
-	Quốc tế	H.chương	24	18	9	14	3 (1-0-2)	13 (0-8-5)
-	Quốc gia	H.chương	183	94 (31-26-37)	143 (48-47-48)	75 (27-29-65)	184 (43-59-82)	244 (62-79-103)
-	Khu vực	H.chương	78	58 (16-18-24)	35 (11-9-15)	117 (29-26-20)	115 (44-36-35)	113 (34-39-40)
4	Tham gia các giải	Giải	27	50	32	76	73	85
-	Quốc tế	Giải	0	0	0	6	4	7
-	Quốc gia	Giải	16	50	20	50	55	58
-	Cụm, khu vực	Giải	11	0	12	17	14	20
5	Giải đẳng cai tổ chức	Giải	-	59	22	20	19	14
-	Cấp tỉnh	Giải	-	50	16	17	15	9
-	Quốc gia	Giải	3	5	4	1	3	04
-	Cụm, khu vực	Giải	3	4	2	2	1	1
6	Số VĐV đạt đẳng cấp Quốc gia	Người	122	125	41	70	76	78
-	Kiện tướng	Người	31	45	25	27	32	25
-	Cấp I	Người	91	80	16	43	44	53

Nguồn: Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch và tổng hợp thêm các báo cáo của ngành.

Hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao năm 2014: Tỉnh đã tổ chức 08 giải thể thao cấp tỉnh (không kể các giải Đại hội TDTT tỉnh) Không thể không kể giải ĐHTDTT tỉnh; đăng cai 04 giải thể thao cấp quốc gia: Giải vô địch TDTH nam trẻ, nam cổ điển và vô địch Fitness nữ Quốc gia; giải vô địch cầu mây trẻ quốc gia, giải vô địch bóng đá quốc gia và giải bóng đá cúp quốc gia.

Tham gia các giải năm 2014: 07 giải quốc tế; 58 giải quốc gia; 03 giải cụm, khu vực và 17 giải mở rộng.

Nhìn chung, các đội thể thao thành tích cao của tỉnh Đồng Nai nhiều năm qua đã thi đấu và đạt nhiều thành tích, số huy chương hàng năm tăng khá nhanh, tuy nhiên, thành tích đạt được hàng năm chưa ổn định và chưa có môn thể thao mang tính đột phá.

2.2 Về Thể thao chuyên nghiệp:

Đội bóng đá Đồng Nai được thăng hạng chuyên nghiệp quốc gia từ năm 2012 và tham gia giải vô địch quốc gia năm 2013; năm 2014 đạt hạng 7/12 đội dự giải và tham gia giải bóng đá cúp quốc gia dừng ở vòng tứ kết.

Đội Bóng đá năng khiếu - trẻ Đồng Nai đạt thành tích: vô địch giải bóng đá lứa tuổi U15 quốc gia năm 2004, vô địch giải bóng đá lứa tuổi U19 quốc gia năm 2007, vô địch giải bóng đá U21 quốc gia năm 2010; năm 2014, tham gia giải hạng nhì Quốc gia và giải U21 Quốc gia đều dừng ở vòng loại.

Đội Bóng chuyên Công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa, đại diện cho bóng chuyên Đồng Nai tham gia giải bóng chuyên đôi mạnh toàn quốc từ năm 2005, đến năm 2010 đội xuống hạng A và sau đó, do khó khăn về kinh phí, Công ty đã giải thể đội bóng năm 2013.

II. THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ VẬT CHẤT TDTT

1. Đánh giá tình hình xây dựng các công trình thể dục thể thao quan trọng ở cấp tỉnh và huyện

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quan trọng về đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao, ngành Thể dục Thể thao tỉnh Đồng Nai đã quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, đồng thời đẩy mạnh thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư xây dựng công trình thể dục thể thao theo kế hoạch được giao.

Một số công trình quan trọng đã được đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, bao gồm: đầu tư xây dựng giàn đèn thi đấu sân vận động tỉnh, trải nhựa sân điền kinh, sân tennis, nhà thi đấu, khu nhà ở, nhà ăn cho vận động viên Trường Phổ

thông NKTT, hồ bơi của Trung Tâm TDTT tỉnh, vv.... Hiện nay, tỉnh đang điều chỉnh quy hoạch khu liên hợp TDTT tỉnh với diện tích 43,75 ha. Ngoài ra, trong năm 2013, tỉnh đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 2 nhà thi đấu của huyện Tân Phú và huyện Vĩnh Cửu. Đến năm 2014, tỉnh đã hoàn thành sân vận động và nhà thi đấu ở huyện Thống Nhất.

*** *Thực trạng hệ thống cơ sở vật chất do ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý :***

Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh (hiện chỉ có sân vận động), khu Trung tâm thể dục thể thao với tổng diện tích là 8,94ha có: 01 sân vận động, 1 nhà thi đấu đa năng, 1 nhà tập cầu lông, 1 nhà tập thể dục và câu lạc bộ bóng bàn, 2 sân tennis ngoài trời, 1 sân tennis có mái che, 1 câu lạc bộ bơi lội Sông Phố, 1 sân bóng rổ và khu đất đường Võ Thị Sáu có 1 sân tennis.

Một số công trình về tiêu chuẩn chuyên môn chỉ đủ điều kiện tổ chức các giải cấp tỉnh và cấp khu vực. Vì vậy, đã ảnh hưởng rất lớn tới công tác huấn luyện thể thao thành tích cao, cần phải có quy hoạch các công trình thể dục thể thao hiện đại, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng huấn luyện vận động viên.

*** *Thực trạng hệ thống cơ sở vật chất do huyện, thị xã, thành phố quản lý.***

- Sân bóng đá: 127 sân bóng đá.
- Nhà tập luyện: 30 nhà tập
- Hồ bơi: 5
- Sân tennis: 13 sân.

Hiện nay, các công trình thể dục thể thao về cơ bản đảm bảo quy cách, tiêu chuẩn để tổ chức thi đấu các giải thể thao quan trọng. Về cơ sở vật chất và quy mô, chất lượng các công trình thể dục thể thao cấp huyện đã đáp ứng phần nào đến nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của quần chúng nhân dân cũng như công tác tổ chức thi đấu và đào tạo vận động viên.

Nhìn chung, mạng lưới cơ sở vật chất thể dục thể thao của tỉnh được đầu tư xây dựng trong những năm qua đã phát huy tác dụng tích cực đến hoạt động thể dục thể thao, mở rộng qui mô phong trào và thu hút nhiều đối tượng tham gia. Tuy đã đạt được những kết quả đáng kể, nhưng so với yêu cầu, mạng lưới cơ sở vật chất thể dục thể thao của tỉnh trong khu vực Đông Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung còn hạn chế, chất lượng cơ sở vật chất của một số công trình xuống cấp, trang thiết bị chưa đầy đủ, thiếu phương tiện cần thiết phục vụ cho huấn luyện nâng cao thành tích cao. Do đó, rất cần thiết phải tập trung đầu tư nâng cấp và xây dựng các công trình thể dục thể thao ở cấp tỉnh và huyện, phù

hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Các công trình thể dục thể thao ở cấp tỉnh và huyện được xây dựng sẽ tác động kích thích phát triển phong trào thể dục thể thao cấp cơ sở.

2. Tình hình xây dựng cơ sở vật chất thể dục thể thao ở cấp xã, phường, thị trấn.

Trong những năm qua, việc đầu tư xây dựng các công trình thể dục thể thao ở cấp xã, phường, thị trấn được quan tâm đúng mức, chủ trương xã hội hóa trong hoạt động thể dục thể thao được nhân dân đồng tình ủng hộ, nhưng khả năng về nguồn vốn và nguồn nhân lực của các thành phần kinh tế và dân cư còn rất hạn chế, một số xã, phường, thị trấn trong tỉnh chưa được xây dựng các công trình thiết yếu phục vụ phong trào thể dục thể thao quần chúng.

Các cơ sở vật chất thể dục thể thao đầu tư lồng ghép trong các ngành kinh tế - xã hội khác cũng chưa đáng kể. Riêng trong hệ thống các trường giáo dục và đào tạo tuy đã được quan tâm, nhưng chủ yếu mới tạo được mặt bằng xây dựng. Đặc biệt, các cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho tập luyện thể dục thể thao thành tích cao chưa được xây dựng đầy đủ ở tuyến cơ sở.

Tổng diện tích chiếm đất các công trình thể dục thể thao cấp xã, phường, thị trấn đến năm 2014 là 820 ha, diện tích đất thể dục thể thao bình quân đầu người toàn tỉnh đến năm 2014 là 2,96 m²/ người.

So với chỉ tiêu phân đấu đến năm 2020 của cả nước, bình quân diện tích đất thể dục thể thao phải đạt 3,5 – 4,0 m²/người theo Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, thì đến năm 2014 tỉnh Đồng Nai đã đạt mức tương đối khá về diện tích đất dành cho hoạt động thể dục thể thao. Nhưng chủ yếu ở các huyện miền núi, do mật độ dân số thấp nên diện tích đất thể dục thể thao bình quân trên đầu người khá cao, ngược lại ở những nơi dân cư đông, diện tích đất thể dục thể thao bình quân trên đầu người còn thấp.

Tuy nhiên, phần lớn diện tích đất dành cho hoạt động thể dục thể thao hiện có là đất tự hình thành, chưa ổn định vững chắc, nhiều nơi còn bị lấn chiếm. chủ yếu do chưa lập các thủ tục pháp lý.

Thực trạng nói trên đặt ra yêu cầu bức xúc cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch của địa phương cần phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu văn hóa thể dục thể thao cho các xã, phường, thị trấn. Trên cơ sở quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng, ngành Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cấp chính quyền cơ sở sớm hoàn thành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho công trình thể dục thể thao, đảm bảo quỹ đất cần thiết để khẩn trương xây dựng công trình trong giai đoạn 2015 - 2020 và mở rộng quy mô công trình trong giai đoạn 2021 - 2030.

Về chất lượng các công trình thể dục, thể thao ở cấp xã, phường, thị trấn: Mạng lưới công trình thể dục thể thao ở cấp cơ sở tuy đã có số lượng khá, nhưng chất lượng còn thấp, còn có những sân bãi đơn giản, trang thiết bị cho hoạt động thể dục thể thao cũng chưa có gì đáng kể.

Tình hình xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho ngành thể dục thể thao nói trên là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho hoạt động thể dục thể thao ở cấp xã, phường, thị trấn chưa có phong trào mạnh, chưa tạo được môi trường hấp dẫn để thu hút các thành phần kinh tế và dân cư phát triển thể dục thể thao.

Mô hình khu thể dục thể thao cấp xã theo chương trình mục tiêu Quốc gia về Nông thôn mới là công trình quan trọng, làm cơ sở để đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao, vui chơi giải trí và nhiều hoạt động xã hội khác, nhằm không ngừng nâng cao toàn diện đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Nhiều xã đã có quy hoạch sử dụng đất đai, trong đó đã bố trí đất cho xây dựng khu văn hóa thể dục thể thao, nhưng chưa có vốn đầu tư để triển khai thực hiện. Do đó, cần thiết phải khẩn trương xây dựng các điểm chỉ đạo, làm cơ sở nhân rộng phong trào hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Các công trình thể dục thể thao xây dựng bằng nguồn vốn của các ngành khác

3.1. Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai: Đến năm 2014, các công trình của ngành Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh, gồm có 03 sân cầu lông, 06 bàn bóng bàn, 02 phòng tập dụng cụ thể dục thể hình và 06 sân bóng chuyền tại các địa phương.

3.2. Công an tỉnh Đồng Nai: Các công trình thể dục thể thao hiện có của ngành Công an, bao gồm: 6 sân tennis, 01 hồ bơi, 01 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 01 sân bóng đá cỏ tự nhiên và 16 sân bóng chuyền tại các địa phương.

4. Thực trạng công tác xã hội hóa thể dục thể thao:

4.1. Xã hội hoá thể dục thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao

- Xã hội hóa trong phong trào TDTT quần chúng

Sau nhiều năm đổi mới, công tác TDTT của tỉnh đã thu được nhiều thành công đáng khích lệ, trong những năm gần đây, các cấp, các ngành đã quan tâm, tạo điều kiện huy động rộng rãi nhiều nguồn lực xã hội cùng với sự tham gia của các thành phần kinh tế đóng góp cho hoạt động TDTT.

Công tác xã hội hoá thể dục thể thao đã có tác động mạnh đến sự phát triển thể dục thể thao quần chúng của tỉnh, với các loại hình tổ chức thể dục thể thao quần chúng ở cơ sở phong phú và đa dạng.

Công tác xã hội hóa thể dục thể thao ở một số môn đạt hiệu quả chưa cao vì thiếu kinh phí, cơ sở vật chất còn hạn chế và hoạt động tài trợ chưa được phát huy mạnh. Tuy vậy, Đồng Nai cũng làm tốt một số môn: bóng đá, cầu lông, tennis, bóng bàn, võ thuật...Nhiều hình thức câu lạc bộ được thành lập tại các phường, xã, thị trấn đã góp phần rất lớn trong việc hướng dẫn và luyện tập thể dục thể thao trong nhân dân.

- Xã hội hóa trong thể thao thành tích cao

Thể thao thành tích cao là một lĩnh vực hoạt động mang tính đặc thù chuyên môn liên quan đến nhiều lĩnh vực (tài chính, tri thức, cơ sở vật chất, khoa học) và sản phẩm đào tạo chỉ được khẳng định chất lượng chính xác qua một thời gian dài...Do vậy sự tự nguyện đóng góp của xã hội chưa cao, Nhà nước vẫn chịu trách nhiệm chính trong lĩnh vực này.

Việc vận động các đơn vị kinh tế, cá nhân đóng góp trong công tác đào tạo vận động viên còn hạn chế, chưa thành lập quỹ bảo trợ tài năng thể thao nhằm huy động sự đóng góp của xã hội đối với việc chăm sóc vận động viên tốt hơn.

Trong công tác đào tạo, huấn luyện và tổ chức thi đấu thể thao thành tích cao các cấp đều do ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý và tìm nguồn kinh phí để thực hiện.

4.2. Xã hội hoá về cơ sở vật chất thể dục thể thao

Thông qua việc chỉ đạo xã hội hoá thể dục thể thao, việc huy động các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội tham gia xây dựng cơ sở vật chất, đóng góp kinh phí tổ chức các giải thể thao tăng lên rõ rệt. Các công trình thể thao của các tổ chức kinh tế, tư nhân phát triển nhanh góp phần đáp ứng một phần nhu cầu tập luyện thể dục thể thao ngày càng đa dạng của quần chúng. Các công ty, doanh nghiệp trong tỉnh những năm qua đã đầu tư kinh phí để xây dựng các công trình thể thao phục vụ tập luyện của quần chúng.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 350 sân bóng đá các loại, 20 sân bóng rổ, 100 sân bóng chuyền, 150 sân tennis, 250 bàn bóng bàn, 100 sân cầu lông ngoài trời, 20 nhà tập cầu lông, 24 bể bơi, Đồng Nai là địa phương trên cả nước đầu tiên có sân tập, thi đấu mô tô địa hình đạt tiêu chuẩn đưa vào hoạt động.

Nhìn chung, tỉnh luôn tạo mọi điều kiện để các tổ chức, cá nhân xây dựng các công trình TDTT phục vụ cho việc rèn luyện thân thể của các đối tượng. Các

công trình thể dục thể thao do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng tăng lên đáng kể, nhất là các sân bóng đá cỏ nhân tạo; một số doanh nghiệp có hướng đầu tư lâu dài lĩnh vực TDTT trên địa bàn tỉnh.

5. Thực trạng phân bố các công trình thể dục thể thao theo lãnh thổ

Sự phân bố các cơ sở vật chất ngành thể dục thể thao chưa đồng đều theo địa bàn cơ sở, tập trung nhiều ở khu vực đô thị, nhưng ở vùng sâu, vùng xa còn rất thiếu. Trong tỉnh, tuy không còn “xã trắng cơ sở vật chất thể dục thể thao”, nhưng còn nhiều ấp chưa có công trình thể dục thể thao. Tổng số cơ sở tập luyện thể dục thể thao tăng từ 921 cơ sở năm 2005 tăng lên 1.414 cơ sở năm 2014, trong đó bao gồm: 613 cơ sở công lập (CL) và 801 cơ sở xã hội hóa (XHH).

Bảng 4: Các công trình thể thao hiện có năm 2014

Đơn vị	Bóng đá		B.Chuyên		Cầu lông		Tennis		Nhà tập		Hồ Boi		CT. khác		Tổng	
	CL	XHH	CL	XHH	CL	XHH	CL	XHH	CL	XHH	CL	XHH	CL	XHH	CL	XHH
TP. Biên Hòa	14	28	14	49	10	25	1	20			1	11	44	210	84	334
TX. Long Khánh	9	1	15	8	4	1	3		4		1				36	10
H.Long Thành	17	14	39	33	14			11	8			7		1	78	66
H.Nhon Trạch	10		22	23	5	8		3				2			37	36
H.Xuân Lộc	9	1	12	3			2	1	6	3		2		3	29	13
H.Thống Nhất		20	3	23		69		1	6	1		4			9	118
H.Trảng Bom	23	5	28	14	16	4	4	3	4	5	2	5		1	77	36
H.Tân Phú	12		64	12	51	13	2	1	1			3			130	29
H.Định Quán	14	20	50	60	33	40	3		1	3		9			56	129
H.Cẩm Mỹ	15		23	2	7		1				1				47	2
H.Vĩnh Cửu	13		14	7	3	15		2		2		1		2	30	28
TỔNG SỐ	136	89	284	234	143	175	16	42	30	14	5	44	44	217	613	801

Nguồn: Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch.

CL: Công trình thể thao thuộc nhà nước quản lý (công lập).

XHH: Công trình thể thao xã hội hóa.

III. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀO HOẠT ĐỘNG TDTT

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Công tác đào tạo, bồi dưỡng trong lĩnh vực TDTT bao gồm: Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ huấn luyện viên, giáo viên, giảng viên, hướng dẫn viên về thể dục thể thao làm việc trong các cơ sở thể thao, đây là những cán bộ chuyên môn đòi hỏi tính chuyên sâu trong các hoạt động nghề nghiệp huấn luyện, giảng dạy; đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động khác phục vụ cho công tác quản lý, huấn luyện, giảng dạy thể dục thể thao như: kỹ thuật viên điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, môi trường,...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho TDTT mang tính đặc thù của hoạt động thể thao là nhằm điều khiển sự phát triển thể chất nâng cao sức khỏe của con người, tác động giáo dục nâng cao khả năng thành tích tối đa của con người nên đòi hỏi phải dựa trên cơ sở khoa học của nhiều chuyên ngành khác nhau về con người như: y sinh học, tâm lý học, đạo đức học, xã hội học...

Do đó, để đào tạo được nguồn nhân lực TDTT có chất lượng trước hết phải đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ giảng viên có trình độ cao thuộc nhiều lĩnh vực làm nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu trọng điểm, nơi đào tạo ra đội ngũ cán bộ quản lý, huấn luyện viên, giáo viên, giảng viên, bác sỹ thể thao có trình độ chuyên môn giỏi.

Chính sách đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực luôn luôn gắn kết không thể tách rời với chính sách sử dụng cán bộ, lao động hợp lý, đãi ngộ và trả công tương xứng cho từng vị trí công việc được đảm trách.

Đến nay, Toàn tỉnh hiện có 937 giáo viên và huấn luyện viên thể dục thể thao, trong đó trình độ đại học có 406 người, cao đẳng có 206 người, trung cấp có 93 người và 232 huấn luyện viên, hướng dẫn viên - giáo viên kiêm nhiệm.

Cán bộ thể dục thể thao cấp tỉnh tăng từ 75 người năm 2005 lên 53 người năm 2014 (trong đó có 03 thạc sỹ, 40 cử nhân và 10 người có giấy chứng nhận HLV - HDV). Số huấn luyện viên thể thao cấp quốc gia và cấp tỉnh tăng từ 27 huấn luyện viên năm 2005 lên 49 huấn luyện viên năm 2014.

Cán bộ thể dục thể thao cấp huyện, thành phố tăng từ 11 người năm 2005 lên 27 người năm 2014.

Trong những năm qua, các đơn vị sự nghiệp của Sở VH-TT-DL đã thực hiện tốt công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao và tập trung phát triển chuyên môn cho một số vận động viên có thành tích xuất sắc để cử lên các đội dự tuyển tuyển trên.

Đồng thời, Trung tâm TDTT tỉnh đã tổ chức và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho hơn 300 cán bộ, giáo viên, cộng tác viên TDTT cho các địa phương trên toàn tỉnh.

Trong năm 2014 đã tổ chức 02 lớp cứu hộ đuối nước cho các lực lượng là cán bộ TDTT cơ sở, giáo viên, chiến sỹ lực lượng vũ trang, nhân viên của các cơ sở kinh doanh có hoạt động vui chơi dưới nước... Cấp giấy chứng nhận cứu hộ cho trên 150 học viên.

Phối hợp với Tổng cục TDTT tổ chức lớp tập huấn TDTT người cao tuổi và cử trên 20 học viên tham gia.

Cử trên 06 lượt cán bộ, HLV, cộng tác viên tham gia tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, trọng tài toàn quốc ở các môn: Bơi lội, vovinam, karatedo, võ cổ truyền.

Bên cạnh đó, xây dựng chế độ ưu đãi của tỉnh đối với huấn luyện viên, vận động viên, mở rộng giao lưu liên kết thể thao giữa Đồng Nai với các tỉnh, thành trong cả nước và quốc tế. Đóng góp vận động viên cho các đội tuyển Quốc gia.

Để chuẩn bị cho Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII năm 2014, ngay từ đầu năm 2013, ngành VH-TDL tỉnh Đồng Nai đã lên kế hoạch tuyển chọn, đào tạo lực lượng VĐV, mời chuyên gia, huấn luyện viên giỏi từ các trung tâm thể thao lớn của cả nước về tập luyện cho một số đội tuyển; đầu tư trang thiết bị tập luyện chuyên biệt cho các VĐV. Bên cạnh đó, được sự quan tâm của các cấp, các VĐV được tập trung dài hạn, đi tập huấn, thi đấu cọ xát ở một số tỉnh, thành như Tp Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ....

2. Công tác ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động thể dục thể thao

Trong những năm gần đây công tác nghiên cứu khoa học công nghệ trong thể thao đã được quan tâm, việc ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác phổ biến, hướng dẫn phương pháp luyện tập, phương pháp tổ chức thi đấu ở các môn thể dục thể thao quần chúng; hướng dẫn tập thể dục dưỡng sinh, thể dục thẩm mỹ, thể dục nhịp điệu đã đạt được nhiều kết quả tốt. Công tác ứng dụng khoa học dinh dưỡng, y học, tâm lý học trong luyện tập thể thao cho vận động viên đã được triển khai thực hiện, nhưng còn rất hạn chế.

Trong giai đoạn tới, ngành cần đầu tư nhiều hơn nữa về cả nguồn ngân sách, nhân lực cho việc phát triển khoa học công nghệ. Sớm đăng ký và thực hiện một số đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực TDTT.

Hàng năm có tổ chức hội thảo về thể thao thành tích cao với mục đích thông qua kế hoạch hoạt động trong năm của ngành. Thành phần tham dự: Lãnh đạo ngành, cán bộ quản lý, HLV, cộng tác viên,...

Tài liệu chuyên ngành chưa đa dạng. Sách vở, tài liệu là nguồn thu thập chính nhưng hoạt động này còn hạn chế do số lượng đầu sách chưa nhiều.

Cử cán bộ, HLV, HDV, CTV...tham gia hội nghị, hội thảo, khóa học... ngắn hạn do các đơn vị trong nước tổ chức để thu nhập, cập nhật thông tin mới nhưng còn hạn chế và chưa thường xuyên do yêu cầu công tác.

Cơ sở vật chất, máy móc, phương tiện...cho công tác nghiên cứu khoa học TDTT đã và đang được đầu tư, nhưng số lượng còn ít.

Bên cạnh đó, từng bước nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe đối với VĐV, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, đào tạo huấn luyện VĐV, công tác tuyển chọn, đào tạo VĐV thành tích cao cũng như trong công tác phòng, chống doping phục vụ công tác TDTT đạt chuẩn.

Nhìn chung, công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực TDTT đã từng bước được áp dụng vào công tác tuyển chọn và đào tạo vận động viên, tạo bước chuyển biến về chất trong quá trình huấn luyện. Tuy nhiên, do hạn chế về trang thiết bị nên công tác kiểm tra, thực hành chỉ sử dụng các dụng cụ đo đạc thông thường và bằng kinh nghiệm của cán bộ, huấn luyện viên nên kết quả đạt được cũng rất hạn chế. Công tác định hướng và đầu tư đào tạo cán bộ trình độ cao (sau đại học) về chuyên ngành TDTT và các chuyên ngành liên quan còn hạn chế, do đó chưa thể tổ chức công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học một cách cơ bản, có hệ thống, đáp ứng nhu cầu phát triển phong trào quần chúng và thể thao thành tích cao. Việc đầu tư phát triển thư viện, mạng Internet...nhằm tạo điều kiện thu nhập, cập nhật, ứng dụng kiến thức chuyên ngành hiện đại nhằm nâng cao trình độ và hiệu quả công tác cho cán bộ quản lý, huấn luyện viên, giáo viên, hướng dẫn viên TDTT triển khai chưa đồng bộ.

3. Các công tác khác liên quan đến thể dục thể thao

3.1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về thể dục thể thao:

Mục đích công tác tuyên truyền là cổ vũ mạnh mẽ phong trào TDTT đến cơ sở, giới thiệu và biểu dương những gương tiên tiến, phổ biến kinh nghiệm, định hướng phát triển, đồng thời tạo điều kiện cho những người làm công tác chuyên môn và người hâm mộ nắm bắt thông tin về TDTT diễn ra trên địa bàn tỉnh, trong nước và quốc tế, phổ biến có hệ thống những tri thức khoa học kỹ thuật về TDTT, đấu tranh chống những quan điểm lạc hậu, trì trệ, tiêu cực, xây dựng quan điểm TDTT văn minh, góp phần xây dựng con người mới...

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền các ban, ngành, đoàn thể về vị trí, vai trò của TDTT đối với việc góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực, giáo dục đạo đức, nhân cách,

lối sống và xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đánh giá tổng quát về lĩnh vực thông tin tuyên truyền như sau:

- Những mặt đạt được: Tuyên truyền khá đầy đủ các sự kiện, hoạt động TDTT của tỉnh, toàn quốc và quốc tế, có chuyên mục TDTT riêng trên các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh.

- Những mặt chưa đạt được: Kinh phí dành cho công tác tuyên truyền của ngành TDTT còn hạn hẹp, nguồn nhân lực còn hạn chế về số lượng và trình độ chuyên ngành.

3.2 Công tác quan hệ quốc tế về TDTT:

Lĩnh vực hợp tác quốc tế của ngành TDTT tỉnh Đồng Nai trong những năm qua chưa được coi trọng và đầu tư đúng mức, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chủ yếu là tổ chức các giải thể thao quốc tế tại địa phương hoặc cử vận động viên tham gia các giải quốc tế. Việc hợp tác với tỉnh Gyeongnam (Hàn Quốc) chỉ là các cuộc thi đấu giao lưu của các đội thể thao ở đẳng cấp thấp của hai địa phương, chưa có sự trao đổi sâu về chuyên môn. Nhìn chung, công tác quan hệ quốc tế về thể dục thể thao hiện nay của tỉnh còn nhiều hạn chế.

IV. NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG TDTT

Cơ cấu nguồn kinh phí dành cho các hoạt động thể dục thể thao của tỉnh giai đoạn 2005 - 2014 được hình thành từ các nguồn cơ bản sau đây:

1. Kinh phí thu

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp.
- Nguồn thu sự nghiệp.
- Nguồn thu các hoạt động dịch vụ.
- Nguồn vận động tài trợ.
- Nguồn thu liên doanh liên kết.
- Các nguồn thu khác.

2. Kinh phí chi

- Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch hàng năm dao động từ 0,87 - 0,94%/ năm so với tổng chi thường xuyên.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm dao động từ 0,2 - 0,31%/ năm so với tổng chi thường xuyên.

Bảng 5: Chi ngân sách cho sự nghiệp thể dục, thể thao hàng năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

S TT	HẠNG MỤC	2010	2011	2012	2013	2014
1	Tổng chi thường xuyên của Tỉnh	4.110.620	4.992.489	6.785.523	7.255.346	15.449.667
2	Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao và DL	38.705	47.701	58.796	67.862	145.226
	Trong đó: Chi sự nghiệp TDTT	12.669	10.641	14.094	21.426	46.349
3	Tỷ lệ chi sự nghiệp VH-TTDL/ tổng chi	0,94 %	0,96 %	0,87 %	0,94%	0,94%
4	Tỷ lệ % chi sự nghiệp TDTT/tổng chi	0,31 %	0,21 %	0,21 %	0,30%	0,30%

Nguồn: Sở VH-TT&DL và niên giám thống kê tỉnh.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những thuận lợi cơ bản

1.1. Thuận lợi:

Tầm quan trọng và sự cần thiết đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao đã được pháp lý hóa bằng Quyết định của Thủ tướng chính phủ, cụ thể: Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

Ý thức của nhân dân hiểu rõ tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, bảo đảm thể lực đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập, lao động...

Các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên có nhiều thuận lợi cho hoạt động của ngành thể dục thể thao. Mức sống dân cư sẽ được tăng nhanh, khi các nhu cầu thiết yếu về đời sống đã được giải quyết thì nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao, vui chơi giải trí sẽ phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu rất lớn cho ngành thể dục thể thao. Nhiều môn thể thao giải trí mới lạ được đưa vào tỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của người tập, thỏa mãn sự đam mê giải trí của số đông người.

Cơ sở vật chất phục vụ thể dục thể thao từng bước được đầu tư, bước đầu đáp ứng một phần công tác đào tạo vận động viên và nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của nhân dân trong tỉnh.

Thực hiện xã hội hóa trong hoạt động thể dục thể thao là một chủ trương đúng đắn, được nhân dân đồng tình ủng hộ; sự gắn kết hoạt động thể dục thể thao trong hoạt động của các ngành và lĩnh vực kinh tế - xã hội khác có điều kiện phát triển mạnh. Do đó, có thể huy động vốn và nguồn lực của toàn xã hội để thực hiện phong trào thể dục thể thao.

Các thành tựu khoa học - công nghệ đã từng bước áp dụng vào công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên, tạo bước chuyển biến về chất trong quá trình huấn luyện. Thể thao thành tích cao đã mang lại nhiều huy chương cho tỉnh và

cung cấp nhiều vận động viên, huấn luyện viên có trình độ cao cho các đội dự tuyển quốc gia thi đấu quốc tế.

1.2. Nguyên nhân chủ yếu:

Sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai trong những năm qua, nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đạt tốc độ tăng trưởng cao, tạo tiền đề cho phát triển sự nghiệp thể dục thể thao.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ và UBND tỉnh; sự chỉ đạo hướng dẫn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về chuyên môn nghiệp vụ; cùng với sự phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành có liên quan trong tỉnh.

Sự tham gia, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân và quần chúng nhân dân đối với công tác xã hội hoá và phong trào thể dục thể thao.

Sự đoàn kết của Ban Giám đốc cùng toàn thể cán bộ công chức của ngành luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Những khó khăn và hạn chế.

2.1. Khó khăn, hạn chế:

Hiện trạng cơ sở vật chất đủ tiêu chuẩn để đáp ứng cho việc tập luyện và thi đấu thể thao còn thiếu thốn, chưa đảm bảo được các quy định chung, chưa đáp ứng kế hoạch huấn luyện của các môn thể thao. Nhu cầu vốn đầu tư đòi hỏi rất lớn, thu ngân sách còn nhỏ bé, nguồn vốn đầu tư phần lớn dựa vào ngân sách nhà nước. Do đó, mức đầu tư cho phát triển các ngành xã hội nói chung và ngành thể dục thể thao nói riêng vẫn còn rất hạn chế.

Thể dục, thể thao cho mọi người đã có bước phát triển, nhưng chưa đồng đều, chỉ tập trung chủ yếu tại các khu thành thị, trong các doanh nghiệp, đội ngũ cán bộ công chức. Thể dục, thể thao cho mọi người còn mang tính tự phát, thiếu bền vững. Việc phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu những môn thể thao truyền thống của tỉnh chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức. Nội dung thể thao giải trí còn chưa được phát huy hết tiềm năng của tỉnh.

Công tác xã hội hóa thể dục thể thao phát triển mạnh, nhưng chủ yếu tập trung vào việc xây dựng cơ sở kinh doanh, chưa chú trọng đến công tác hướng dẫn, huấn luyện đúng phương pháp, còn hạn chế trong thể thao chuyên nghiệp.

Thiếu thiết bị khoa học kỹ thuật và cán bộ khoa học có đủ năng lực trình độ để áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công tác tuyển chọn, huấn luyện thể thao thành tích cao. Công tác ứng dụng khoa học công nghệ trong tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện còn yếu.

Đội ngũ cán bộ hướng dẫn viên, huấn luyện viên thể dục thể thao cơ sở còn rất thiếu, khả năng thu hút cán bộ giỏi rất hạn chế, chưa có nhiều hạt nhân thúc đẩy phong trào. Môn học thể dục thể thao trong các trường phổ thông và

giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề chưa được coi trọng đúng mức. Đội ngũ huấn luyện viên thể thao thành tích cao đã có trình độ chuyên môn khá nhưng cần phải bồi dưỡng đào tạo thêm.

Công tác tuyển chọn tài năng trẻ để huấn luyện thể thao thành tích cao còn rất hạn chế. Chưa thật sự tập trung đầu tư cho một hoặc vài môn thể thao nào để xứng tầm quốc gia và có thể đại diện quốc gia tham gia các giải chính thức quốc tế.

Công tác lập quy hoạch sử dụng đất cho các công trình thể dục thể thao tuy đã được thực hiện trong Quy hoạch sử dụng đất, nhưng đất đai quy hoạch cho hoạt động thể dục thể thao ngày càng thu hẹp, có nhiều nơi gần như không còn, khi cần xây dựng phải mua lại đất của dân, tốn nhiều kinh phí.

2.2. Nguyên nhân hạn chế, tồn tại

Đội ngũ cán bộ thể dục thể thao và quản lý thể dục thể thao các cấp vừa thiếu về số lượng, yếu về trình độ chuyên môn, nhất là đội ngũ huấn luyện viên tuyển tỉnh và cán bộ quản lý cấp huyện chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển sự nghiệp thể dục thể thao.

Cơ chế chính sách phát triển sự nghiệp thể dục thể thao còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với thực tiễn. Công tác quản lý nhà nước và quản lý xã hội về thể dục thể thao chậm đổi mới, chưa theo kịp sự phát triển đa dạng của xã hội và thực tiễn phát triển phong trào thể dục thể thao của từng địa phương.

Công tác xã hội hoá thể dục thể thao còn hạn chế cả về nhận thức và tổ chức thực hiện. Sự phối hợp giữa ngành thể dục thể thao với các cấp, các ngành chưa đồng bộ và thiếu các giải pháp tích cực, do lĩnh vực thể dục thể thao không phải là lĩnh vực có lợi nhuận cao nên khả năng thu hút các nhà đầu tư còn hạn chế. Vì vậy, chưa huy động được nhiều nguồn lực của xã hội tham gia phát triển thể dục thể thao tương xứng với tiềm năng và lợi thế của Tỉnh.

Nhận thức của số ít chính quyền cơ sở về phát triển thể dục thể thao chưa đầy đủ, dẫn đến sự quan tâm lãnh đạo, đầu tư cho sự nghiệp thể dục thể thao chưa tương xứng trong tổng thể phát triển KT - XH của từng địa phương.

Tình hình KT - XH của đất nước, của tỉnh đạt được nhiều thành tựu, nhưng vẫn gặp một số khó khăn nhất định, sự khó khăn chung trên đã tạo những khó khăn cho phát triển thể dục thể thao. Cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn còn thiếu thốn, không đảm bảo cho công tác đào tạo vận động viên và phục vụ nhu cầu tập luyện, hưởng thụ giá trị thể dục thể thao của nhân dân trong tỉnh. Ngân sách đầu tư cho sự nghiệp thể dục thể thao Đồng Nai chưa đáp ứng được yêu cầu.

Chưa có quy hoạch phát triển thể dục thể thao dài hạn, còn thiếu các giải pháp đồng bộ. Nhận thức về các giải pháp kinh tế dịch vụ trong xã hội hoá thể dục thể thao, về quản lý kinh doanh thể thao còn hạn chế.

Phần III

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH THỂ DỤC THỂ THAO ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Thể dục thể thao là bộ phận quan trọng trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được cụ thể hóa trong Quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao của từng địa phương. Hoạt động thể dục thể thao vừa là nhiệm vụ của chuyên ngành, đồng thời được lồng ghép với hoạt động thể dục thể thao trong nhiều ngành kinh tế - xã hội khác. Đặc biệt là việc lồng ghép với hoạt động giáo dục thể chất và thể dục thể thao trong trường học.

- Phát triển thể dục thể thao là trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội và mỗi người dân. Trong đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm cho hoạt động thể dục thể thao của địa phương ngày càng phát triển, góp phần bồi đắp, bổ sung nhân tài thể thao của tỉnh và cả nước.

- Nội dung hoạt động thể dục thể thao phát triển theo hướng ngày càng đa dạng, phong phú, vừa giữ gìn và phát huy các môn thể thao truyền thống, vừa tiếp thu những thành tựu mới về phát triển các môn thể dục thể thao mang tính khoa học, tiên tiến và hiện đại. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến tri thức khoa học, y học trong hoạt động thể dục thể thao, nhằm rèn luyện thân thể, tăng cường sức khỏe, tăng tuổi thọ và hạn chế bệnh tật.

- Phát triển mạnh các môn thể dục thể thao được quần chúng nhân dân yêu thích, mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng hoạt động thể dục thể thao. Trước hết nhằm vào đối tượng thanh, thiếu niên, học sinh, lực lượng vũ trang, công nhân viên chức, người cao tuổi, người khuyết tật, ...

- Tập trung đầu tư đúng mức cho phát triển các môn thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp theo hướng tiên tiến, hiện đại, bền vững và phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng nhu cầu nâng cao thành tích thi đấu tại các giải quốc gia và quốc tế.

- Xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất và trang thiết bị cho mạng lưới thể dục thể thao, phát triển các loại hình cơ sở đa chức năng như: Trung tâm Văn hoá – Thể thao, Nhà Văn hoá – Thể thao, Câu lạc bộ thể dục thể thao, khu văn hóa, thể thao và du lịch...

- Thực hiện tốt việc tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao, chuyển một số môn thể thao được xã hội quan tâm nhiều sang hình thức chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp; đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán

bộ hướng dẫn viên, huấn luyện viên thể dục thể thao; mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về phát triển thể dục thể thao.

- Thực hiện xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Đảm bảo các chính sách ưu đãi, khuyến khích mọi thành phần kinh tế và dân cư đầu tư phát triển thể dục thể thao.

2. Các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu phát triển

- Quy hoạch phát triển ngành TDTT tỉnh Đồng Nai đến 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 là việc nghiên cứu cụ thể hóa quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển TDTT ngang tầm với sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và của tỉnh Đồng Nai nói riêng.

- Quy hoạch được xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chỉ đạo các hoạt động TDTT, bảo đảm sự phát triển nhanh, vững chắc, khắc phục tình trạng phân tán, lãng phí nguồn lực. Đóng góp quan trọng vào thực hiện chiến lược phát triển con người toàn diện cả về sức khỏe và trí tuệ, tâm vóc.

- Không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, phục vụ tốt cho công cuộc đổi mới và phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Đồng Nai trong thời kỳ quy hoạch.

Mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, thể thao giải trí, thể thao thành tích cao, tạo thói quen hoạt động thể dục thể thao suốt đời. Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường học, bảo đảm yêu cầu phát triển con người toàn diện, làm nền tảng phát triển thể thao thành tích cao và góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, nhất là đối với tầng lớp thanh, thiếu niên, lực lượng vũ trang.

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống tuyển chọn, đào tạo tài năng thể thao, gắn kết đào tạo các tuyến, các lớp kế cận; thống nhất quản lý phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp theo hướng tiên tiến, bền vững, phù hợp với đặc điểm thể chất và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân; nâng cao dần thành tích thi đấu thể thao tại các giải quốc gia và quốc tế.

2.2. Các chỉ tiêu phát triển

2.1. Giai đoạn 2015 - 2020

- Cấp tỉnh: Hoàn thành việc nâng cao chất lượng trang thiết bị, công nghệ hiện đại tại các thiết chế thể thao như: Nhà thi đấu đa năng, sân vận động, hồ bơi, nhà tập luyện, sân tennis, sân bóng đá phủ. Cơ bản hoàn thành các hạng mục của Khu liên hợp TDTT tỉnh.

- Cấp huyện: Hoàn thành các công trình thể thao trọng điểm như Nhà thi đấu thể thao, sân vận động, hồ bơi, có 90% huyện, thị xã, thành phố có ít nhất hai trong ba thiết chế trên.

- Cấp xã: Có trên 50% xã, phường, thị trấn có sân vận động, nhà tập luyện đơn giản và hồ bơi.

- Đến năm 2020, tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên trên địa bàn tỉnh chiếm 38,3%, tỷ lệ hộ gia đình tập luyện thể dục thể thao có từ 25% trở lên; trên 50% số cơ quan, đơn vị, trường học tổ chức được câu lạc bộ thể dục thể thao, ít nhất 80% cán bộ công chức tập luyện thường xuyên một môn thể thao. Số cán bộ, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT ở cấp xã được bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ TDTT đến năm 2020 đạt 95%; tổ chức tốt Đại hội TDTT các cấp và Hội khỏe Phù Đổng theo quy định.

- Tỷ lệ công nhân tại các khu công nghiệp tập luyện thể dục thể thao thường xuyên chiếm trên 70%.

- Duy trì 100% số trường học thực hiện giáo dục thể chất nội khóa.

- Tỷ lệ trường phổ thông có câu lạc bộ thể dục thể thao, có hệ thống cơ sở vật chất đủ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao, có đủ giáo viên và hướng dẫn viên thể dục thể thao đạt 55 - 60%

- Tỷ lệ học sinh được đánh giá và phân loại thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể đạt 85 - 90% so tổng số học sinh các cấp;

- Tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực là 99%.

- Đến năm 2020, phần đầu có 50 - 60 lượt vận động viên vào đội tuyển trẻ, tuyển Quốc gia. Tiếp tục giữ vững vị trí đứng đầu về tổng số huy chương của khu vực miền Đông Nam Bộ. Phần đầu đưa đội bóng đá của tỉnh nằm trong số 03 hạng đứng đầu Quốc gia. Đăng cai tổ chức từ 15 - 17 giải thể thao cấp quốc gia, từ 5 - 6 giải thể thao cấp quốc tế.

Đào tạo 600 - 650 vận động viên thể thao cho khoảng 32 môn thể thao, số lượng huấn luyện viên chuyên gia khoảng 90 - 100 người. Đạt khoảng 451 huy chương các loại, trong đó, tại các giải vô địch quốc gia đạt từ 35 - 40 huy chương.

2.2. Giai đoạn 2021 - 2030

- Các công trình thể thao trọng điểm cấp tỉnh, cấp huyện cơ bản được đầu tư xây dựng hoàn thành; trang bị cơ bản trang thiết bị phục vụ tập luyện, thi đấu, đồng thời đủ điều kiện tổ chức tốt các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia và quốc tế.

- Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt 44,6%, số gia đình đạt chuẩn gia đình thể thao từ 30,1% trở lên; trên 80% cơ quan, đơn vị, trường

học tổ chức được câu lạc bộ thể dục thể thao; trên 90% cán bộ công chức tập luyện thường xuyên một môn thể thao.

Số cán bộ, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT ở cấp xã được bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ TDTT đến năm 2030 đạt 100%;

- Có trên 80% công nhân tại các khu công nghiệp thường xuyên tập luyện thể dục thể thao.

- Duy trì 100% số trường học thực hiện giáo dục thể chất nội khoá.

- Có 75 - 80% số trường phổ thông có câu lạc bộ thể dục thể thao, có hệ thống cơ sở vật chất đủ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao, có đủ giáo viên và hướng dẫn viên thể dục thể thao.

- Số học sinh được đánh giá và phân loại thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể đạt trên 98% tổng số học sinh các cấp;

- Tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể là 100%.

- Đến năm 2030, thể thao thành tích cao phấn đấu đạt thứ hạng trong top 10 toàn quốc; nâng cao số lượng huy chương vàng tại các kỳ SEA Games, có số lượng lớn vận động viên tham dự Đại hội Thể thao Châu Á và Olympic.

- Đào tạo khoảng 700 vận động viên thể thao, phấn đấu đạt 515 huy chương các loại, trong đó tại các giải vô địch quốc gia đạt từ 50 huy chương trở lên. Đảm bảo đầy đủ cán bộ khoa học, bác sĩ thể thao phục vụ cho hệ thống thể thao thành tích cao và thể thao trẻ.

Bảng 6: Các chỉ tiêu phát triển ngành Thể dục thể thao tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015	2020	2030
I	TDTT cho mọi người					
1	Tỷ lệ người tập TDTT thường xuyên	%	33,3	34,1	38,3	44-45
2	Tỷ lệ hộ gia đình tập luyện TDTT	%	23,3	23,6	25,4	30-31
3	Tỷ lệ trường học thực hiện GDTC	%	100	100	100	100
4	Tỷ lệ trường học tập TDTT ngoại khóa	%	40,3	45	55-60	75-80
II	TDTT thành tích cao					
1	Số VĐV thể thao	Người	369	429	604	700
2	Số huy chương thể thao	H.chương	370	378	451	515
3	VĐV cấp kiện tướng	Người	25	30	45	65
4	VĐV cấp I	Người	53	55	70	115

3. Những nhiệm vụ chủ yếu cần tập trung chỉ đạo thực hiện

Duy trì thường xuyên cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

Phát động phong trào: Mỗi người dân tự chọn cho mình ít nhất một môn thể thao hoặc một hình thức tập luyện thích hợp.

Các cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao của tỉnh cần tăng cường chỉ đạo và giúp đỡ cấp huyện, xã, phường, thị trấn trong việc tuyên truyền, phát động phong trào và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, nhằm thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

Tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên và cộng tác viên thể dục thể thao cho cấp huyện và cấp xã. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, định kỳ tổ chức các giải thể thao cấp cơ sở, động viên khen thưởng kịp thời những cá nhân và tập thể đạt thành tích, tạo động lực thúc đẩy phong trào.

Chú trọng khôi phục và phát triển các môn thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian ở mỗi địa phương.

Chính quyền cơ sở xã, phường, thị trấn thường xuyên phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn, tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao. Đồng thời triển khai thực hiện tốt chủ trương xã hội hoá hoạt động thể dục thể thao, hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho tập luyện thể thao thành tích cao.

II. XÂY DỰNG CÁC PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TDTT

1. Quy hoạch phát triển thể dục thể thao cho mọi người

Phát triển thể dục thể thao cho mọi người một cách toàn diện trong quần chúng nhân dân. Trong đó, thể dục thể thao trong trường học, lực lượng vũ trang, công chức, viên chức và công nhân trong các khu công nghiệp đóng vai trò lòng cốt thúc đẩy phong trào. Đồng thời tạo điều kiện cho những người khuyết tật và người cao tuổi tham gia hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, người khuyết tật được hòa nhập với cộng đồng.

Phương án đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng, nhằm bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, góp phần nâng cao thể lực, rèn luyện đạo đức, nhân cách, làm phong phú đời sống văn hóa, nâng cao tinh thần cho nhân dân.

Xây dựng phong trào thể dục thể thao quần chúng trở thành nền tảng và động lực cho sự phát triển thể dục thể thao thành tích cao.

1.1. Phát triển thể dục, thể thao quần chúng

- Phát triển thể dục, thể thao trong nhân dân, bao gồm cả khu vực nông thôn và thành thị:

+ Đối với nhân dân nông thôn: Phát triển các môn, các nội dung: Bóng đá, bóng chuyền, đẩy gậy, cờ tướng, bi-da, bơi lội...Hàng năm cấp tỉnh và cấp huyện đều tổ chức các Hội thao nông dân ở các môn: Bóng đá, bóng chuyền,... Phần đầu huy động 30% kinh phí xã hội hoá. Khuyến khích phát triển những môn thể thao phù hợp với ngành nghề, điều kiện lao động và tập quán của địa phương.

Thành lập thêm các câu lạc bộ thể dục thể thao, mở thêm các cơ sở dịch vụ tập luyện thể dục thể thao. Xây dựng thiết chế thể dục thể thao ở xã, phường, thị trấn; các câu lạc bộ thể dục thể thao hoặc Nhà Văn hoá – Khu Thể thao là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao xã, phường, thị trấn.

+ Đối với nhân dân thành thị: Phát triển đa dạng các môn thể dục thể thao, chủ yếu là các môn bóng đá, bóng chuyền, tennis, bóng bàn, cầu lông, việt dã, bơi lội, thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình,... Tổ chức thi đấu các giải phong trào vào các ngày lễ lớn trong năm. Phần đầu huy động 60% kinh phí xã hội hoá.

Khuyến khích phát triển thêm các nội dung thể thao giải trí mới, hình thành các điểm tập luyện thể dục thể thao giải trí. Phát triển mạnh các câu lạc bộ thể dục thể thao; mở thêm các cơ sở dịch vụ tập luyện thể dục thể thao. Cải tiến hệ thống thi đấu, biểu diễn thể dục thể thao của nhân dân thành thị. Mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, duy trì số lượng và nâng cao chất lượng cán bộ thể dục thể thao cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Phát triển thể dục, thể thao trong công chức, viên chức:

+ Phát triển các môn thể dục thể thao trong công chức, viên chức, chủ yếu là các môn: bóng đá, cầu lông, tennis, bóng bàn, cờ vua, cờ tướng, bóng chuyền, khuyến khích phát triển các môn thể thao mới.

+ Thành lập các Câu lạc bộ thể dục thể thao và xây dựng hệ thống thi đấu thể dục thể thao trong công chức, viên chức: cấp huyện tổ chức Hội thao công nhân, viên chức lao động huyện, cấp tỉnh tổ chức Hội thao Liên đoàn Lao động tỉnh. Phần đầu huy động 20% kinh phí xã hội hoá.

+ Tăng cường tuyên truyền phát triển thể dục thể thao trong công chức, viên chức; nhân điển hình tiên tiến về thể dục thể thao trong công chức, viên chức.

+ Xây dựng các câu lạc bộ thể dục thể thao từng môn ở các cơ quan, đơn vị là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao trong công chức, viên chức.

- Phát triển thể dục, thể thao trong thanh thiếu nhi: Phối hợp với Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh để mở rộng phong trào “Thanh niên khoẻ”, “Khỏe để lập nghiệp và giữ nước”, triển khai cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thể dục thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Phát triển các giải thể thao truyền thống như: Chạy việt dã, bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền, bóng đá thanh thiếu niên, xe đạp, bơi lội...

Câu lạc bộ thể dục thể thao, Trung tâm thể dục thể thao của thanh thiếu nhi là thiết chế cơ bản thể dục thể thao thanh, thiếu nhi.

- Phát triển thể dục, thể thao đối với người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt:

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Người cao tuổi... tổ chức cho các đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tham gia tập luyện thể dục thể thao; tổ chức các giải thi đấu thể thao thích hợp cho các đối tượng này. Cử vận động viên của tỉnh Đồng Nai tham gia Hội thao Người cao tuổi, Người khuyết tật toàn quốc.

Phát triển các môn, nội dung hoạt động thể dục thể thao đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: Thể dục dưỡng sinh (các bài quyền, khí công, thể dục tay không...), đi bộ, bơi lội, cầu lông, bóng bàn, cờ tướng, tennis...

Tổ chức thêm các câu lạc bộ thể dục thể thao cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Xây dựng hệ thống thi đấu biểu diễn, giao lưu thể dục thể thao cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Tăng cường phát triển môn thể dục dưỡng sinh cho người cao tuổi. Kết hợp với Ban đại diện Hội người cao tuổi tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho các hướng dẫn viên thể dục dưỡng sinh của người cao tuổi và người khuyết tật.

Câu lạc bộ thể dục thể thao, Hội thể thao là thiết chế cơ bản của thể thao người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt...

- Phát triển thể dục thể thao trong công nhân các khu công nghiệp: Phát triển các môn thể dục thể thao, các nội dung trong công nhân: Bóng đá, cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn, đi bộ, chạy bộ, bơi lội, cờ vua, cờ tướng.... Khuyến khích phát triển các nội dung thể thao giải trí mới. Định kỳ tổ chức thi đấu các môn thể thao trong công nhân.

Phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh xây dựng hệ thống thi đấu thể thao trong công nhân. Thành lập các câu lạc bộ thể thao trong các công ty, xí nghiệp, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của các đối tượng công nhân. Tổ chức các giải thể thao công nhân. Phấn đấu huy động 50% kinh phí xã hội hoá.

Bên cạnh đó, việc trang bị thêm nhiều dụng cụ tập luyện thể dục thể thao ngoài trời, đặt tại các công viên, khu đông dân cư chủ yếu hỗ trợ vận động đơn giản và hiệu quả cho người tập, như lắc hông, quay tay, chạy bộ, xà đơn, tập bụng... là hết sức cần thiết. Những dụng cụ được lắp đặt là để người dân tập những động tác đơn giản, không mang tính chuyên sâu nên vừa giúp tăng cường sức khỏe vừa không gây nguy hiểm khi tập quá sức.

Quy hoạch đất ở các khu công nghiệp để xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân.

Dự báo các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển thể dục thể thao quần chúng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 như sau:

Tỷ lệ người tập thể dục thể thao thường xuyên tăng từ 34,1% năm 2015 lên 38,1% năm 2020 và 44 - 45% năm 2030.

Tỷ lệ hộ gia đình tập luyện thể dục thể thao thường xuyên tăng từ 23,6% năm 2015 lên 25,4% năm 2020 và 30 - 35% năm 2030.

Số câu lạc bộ thể dục thể thao tăng từ 977 CLB năm 2014 lên 1.025 CLB năm 2015, tăng lên 1.179 CLB năm 2020 và 1.533 CLB năm 2030.

Bảng 7: Các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển thể dục thể thao quần chúng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015	2020	2030
1	Tỷ lệ người tập TĐTT thường xuyên	%	33,3	34,1	38,3	44-45
2	Tỷ lệ hộ gia đình tập luyện TĐTT	%	23,3	23,6	25,4	30-35
3	Số câu lạc bộ TĐTT	CLB	977	1.025	1.179	1.533

1.2. Phát triển giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường

Giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường có vị trí chiến lược, đây là một bộ phận quan trọng của toàn bộ công tác giáo dục, là cơ sở đào tạo nhân tài thể thao cho xã hội hiện đại.

Mục tiêu phát triển giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường của tỉnh Đồng Nai là đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của TĐTT trong học đường giúp cho học sinh, sinh viên phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và

các kỹ năng cơ bản nhằm hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị cho họ học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Việc thực hiện Luật thể dục, thể thao đánh dấu bước phát triển mới của TDTT nước ta nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, qua đó mọi cấp, mọi ngành nghiêm chỉnh chấp hành, tăng cường quản lý và chỉ đạo đối với công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

** Trường phổ thông*

Sự phát triển thể dục, thể thao trường học từ tiểu học đến trung học phổ thông của Đồng Nai theo hướng chung của Chương trình Quốc gia nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam bằng giải pháp dinh dưỡng và thể dục thể thao.

Đảm bảo thực hiện tốt chương trình thể dục thể thao nội khoá do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, có bổ sung trò chơi vận động đa năng đối với các trường tiểu học, các bài tập vươn duỗi cơ thể đối với học sinh từ tiểu học đến Trung học phổ thông.

Phát triển thể dục thể thao trường học trong hoạt động ngoại khoá, đặc biệt đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở; ở mức độ nhất định có thể thí điểm phát triển trò chơi bóng đá với các trường mẫu giáo; phát triển bóng đá ở các trường trung học phổ thông trọng điểm. Phổ cập rộng rãi hoạt động ngoại khoá các môn chạy chậm vừa sức vì sức khoẻ, thể dục nhịp điệu, võ đạo thể thao, một số bài quyền (võ thuật), trò chơi vận động đa năng, các bài tập vươn duỗi cơ thể (các môn không cần điều kiện cơ sở vật chất phức tạp).

Tổ chức thể thao ngoại khoá, các môn thể thao phổ thông như: Bóng chuyền, bóng bàn, võ thuật, điền kinh, bơi lội, bóng đá, cầu lông, cờ vua, đá cầu...

Thành lập các Câu lạc bộ thể dục thể thao trường học (từ 2 - 4 môn thể thao) để quản lý, khuyến khích các hoạt động tập luyện, thi đấu thể thao ngoại khoá.

Ngành Giáo dục và Đào tạo kết hợp với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tăng cường đội ngũ giáo viên chuyên trách thể dục thể thao, sắp xếp bổ sung giáo viên kiêm nhiệm, chủ yếu đào tạo thêm đội ngũ hướng dẫn viên thể dục thể thao (tình nguyện viên) thể dục thể thao của từng lớp học. Hai ngành kết hợp trình tỉnh về cơ chế, chế độ bồi dưỡng lao động thích hợp cho đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm, hướng dẫn viên.

Xây dựng các chương trình, giáo án tập luyện thể dục thể thao ngoại khoá của từng môn thể thao, chương trình và kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên, hướng dẫn viên thể dục thể thao nằm trong “chương trình nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam”.

Đảm bảo cơ sở vật chất tối thiểu cho hoạt động ngoại khoá thể dục thể thao tại các câu lạc bộ thể dục thể thao trường học bằng nguồn kinh phí của Nhà nước kết hợp một phần kinh phí từ xã hội hóa.

Ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu thành lập một số lớp năng khiếu thể thao trong các trường phổ thông có điều kiện, bằng cách dựa trên cơ sở phát triển tập luyện ngoại khoá thể dục thể thao ở trường học.

Xây dựng chương trình kế hoạch phổ cập bơi lội cho học sinh tiểu học tỉnh Đồng Nai phấn đấu từ năm 2015 - 2020 đạt 70% học sinh tiểu học biết bơi.

Xác định hệ thống thi đấu, kiểm tra, khen thưởng hợp lý đối với thể dục thể thao trường học.

Câu lạc bộ thể dục thể thao trường học là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao trường học.

** Trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề*

Đảm bảo chương trình thể dục nội khoá trong các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề theo hướng khuyến khích sinh viên chọn môn thể thao ưa thích.

Khuyến khích sinh viên hoạt động thể thao ngoại khoá chủ yếu với các môn thể thao giải trí như: Bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, cờ vua, điền kinh, võ thuật.

Tiến hành bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho huấn luyện viên của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Dạy nghề đủ khả năng huấn luyện nâng cao thành tích một số môn thể thao trọng điểm; tuyển chọn và bồi dưỡng nghiệp vụ cho trọng tài của từng trường.

Xây dựng hệ thống thi đấu thể thao hàng năm của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề; có chế độ khen thưởng hợp lý đối với các trường có thành tích tốt về thể dục thể thao.

Tăng cường giao lưu thi đấu thể thao giữa các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề trong tỉnh và các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề trong khu vực, toàn quốc.

Câu lạc bộ thể thao trường học là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề.

Duy trì số trường học thực hiện giáo dục thể chất nội khóa 100% suốt thời kỳ quy hoạch. Số trường học phổ thông có câu lạc bộ thể dục thể thao, có hệ thống cơ sở vật chất đủ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao, có đủ giáo viên

và hướng dẫn viên thể dục thể thao, thực hiện tốt hoạt động thể thao ngoại khóa tăng từ 40,3% năm 2014 lên 45% năm 2015, 55-60% năm 2020 và đạt 75-80% năm 2030.

Số học sinh được đánh giá và phân loại thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể tăng từ 74% tổng số học sinh các cấp năm 2014 lên 75 % năm 2015, 85-90% năm 2020 và trên 98% năm 2030.

Bảng 8: Chỉ tiêu tập luyện TDTT nội khóa và ngoại khóa

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015	2020	2030
1	Số trường học thực hiện giáo dục thể chất nội khóa	%	100	100	100	100
2	Số trường phổ thông có CLB thể dục thể thao, có hệ thống cơ sở vật chất đủ phục vụ cho hoạt động TDTT, có đủ giáo viên và HDV TDTT, thực hiện tốt hoạt động thể thao ngoại khóa	%	40,3	45	55-60	75-80
3	Số học sinh được đánh giá và phân loại thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể	%	74	75	85-90	>98

1.3. Phát triển thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang

Phát triển các môn, các nội dung hoạt động thể dục thể thao, thể thao quốc phòng trong lực lượng vũ trang: Bóng đá, bóng chuyền, điền kinh, bóng bàn, cầu lông, bơi lội, tennis, võ thuật...

Phần đầu số cán bộ, chiến sĩ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng vũ trang tăng từ 97,76% năm 2014 lên 98,5% năm 2015; 99% năm 2020 và đạt 100% năm 2030.

Tổ chức các Hội thao kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân; khuyến khích ngành quân đội, công an đầu tư cơ sở vật chất, tài chính cho thể dục thể thao. Phần đầu huy động 100% kinh phí xã hội hoá.

Thành lập các đội thể thao tham gia hội thao toàn quân, các giải thể thao ngành quân đội, công an, các giải địa phương, khu vực...

Tiếp tục nhân điển hình tiên tiến về thể dục thể thao từ các đơn vị tiên tiến trong quân đội, công an.

Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho hướng dẫn viên thể dục thể thao, trọng tài trong lực lượng quân đội, công an.

Câu lạc bộ thể dục thể thao trong từng đơn vị lực lượng vũ trang là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao lực lượng vũ trang.

2. Quy hoạch phát triển thể thao thành tích cao

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng thể thao trong chương trình xây dựng lực lượng VĐV kế thừa và nâng cao thành tích thi đấu thể thao thành tích cao, tập trung đầu tư có trọng điểm ở các môn thể thao, nội dung từng môn, số lượng VĐV đạt đẳng cấp quốc gia và quốc tế ở các tuyến.

Bổ sung chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích cao trong các giải thi đấu quốc gia, khu vực và quốc tế. Xây dựng một số câu lạc bộ TDTT chuyên nghiệp và tập trung đầu tư các môn thể thao có thế mạnh.

Phát triển thể thao thành tích cao là lĩnh vực có nhiều khó khăn và đòi hỏi phải được đầu tư thích đáng. Quy hoạch phát triển thể thao thành tích cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 dự kiến xây dựng theo 2 phương án, phù hợp với các phương án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.1. Phương án I: là phương án được nghiên cứu xây dựng hệ thống các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển thể thao thành tích cao phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo phương án chọn trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tổng số vận động viên thể thao tăng từ 429 người năm 2015 lên 604 người năm 2020 và 700 người năm 2030.

Tổng số huy chương thể thao từ 378 huy chương năm 2015 lên 451 huy chương năm 2020 và 515 huy chương năm 2030.

2.2. Phương án II: Là phương án được xây dựng trong điều kiện tranh thủ được nhiều thời cơ thuận lợi hơn so với phương án I. Các nguồn vốn đầu tư cho xây dựng các công trình thể thao thành tích cao tăng nhanh.

Mức độ xã hội hoá đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị thể dục thể thao thành tích cao của phương án II đạt cao hơn so với phương án I.

Có điều kiện phát triển thêm một số môn thể thao mới.

Hệ thống các chỉ tiêu thể thao thành tích cao của phương án II đến năm 2015; 2020 và 2030.(Chi tiết Phụ lục 8)

Tổng số vận động viên thể thao tăng từ 429 người năm 2015 lên 685 người năm 2020 và 807 người năm 2030.

Tổng số huy chương thể thao từ 378 huy chương năm 2015 lên 471 huy chương năm 2020 và 571 huy chương năm 2030.

Lựa chọn phương án: Trong 2 phương án trên, **phương án I là phương án có tính khả thi cao và được lựa chọn để thực hiện.** Phương án I phù hợp với khả năng và nguồn lực có thể huy động được.

Phương án II đòi hỏi có nguồn vốn đầu tư cao hơn phương án I, mạng lưới cơ sở vật chất được đầu tư tăng nhanh cả số lượng và nâng cao chất lượng.

Tóm lại: Cả 2 phương án nói trên đều là phương án có tính khả thi trong những điều kiện khác nhau, trong quá trình triển khai thực hiện, tùy theo tình hình cụ thể mà lựa chọn một trong 2 phương án.

Tổng số vận động viên thể thao của phương án chọn chia theo các môn thể thao trong thời kỳ quy hoạch (theo biểu 9) như sau:

Bảng 9: Dự báo phát triển số lượng vận động viên đến năm 2030 (Phương án chọn)

Đơn vị tính: Người

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2020	2030
1	Bóng đá sân lớn	80	80	80	80
2	Bơi	31	34	40	44
3	Bắn súng	14	19	20	22
4	Cầu lông	29	32	32	35
5	Cầu mây	24	26	30	34
6	Điền kinh	18	24	30	30
7	Karatedo	16	21	22	25
8	Taekwondo	9	16	20	23
9	Vovinam	18	23	25	30
10	Cử tạ	10	12	16	18
11	Thể dục thể hình	40	40	42	50
12	Bóng bàn	11	15	20	25
13	Bắn cung	0	3	10	15
14	Boxing	2	5	15	18
15	Thể dục dưỡng sinh	20	20	20	20
16	Muay Thái	2	3	6	10
17	Pencasilat	0	2	20	20
18	Wushu	5	7	10	15
19	Võ cổ truyền	20	22	24	28
20	Judo	8	5	10	18
21	Đua thuyền truyền thống	0	0	18	36

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2020	2030
22	Bi sắt	0	5	8	8
23	Vật	0	0	6	8
24	Xe đạp	0	0	8	9
25	Cờ vua	5	2	8	8
26	Cờ tướng	0	2	6	8
27	Bida	2	3	10	14
28	Golf	0	0	5	5
29	Bóng chuyên	0	0	14	14
30	Bóng đá Futsal	0	0	12	12
31	Tennis	1	2	5	6
32	Thể thao người khuyết tật	4	6	12	12
	Tổng số	369	429	604	700

2.3. Dự báo số huy chương chia theo các môn thể thao:

Căn cứ khả năng phát triển các môn thể thao mũi nhọn và khả năng đào tạo, huấn luyện vận động viên. Dự báo tổng số huy chương thể thao tăng từ 371 huy chương năm 2015 lên 451 huy chương năm 2020 và 515 huy chương năm 2030. Số huy chương chia theo các môn thể thao (theo biểu 10) như sau:

**Bảng 10 : Dự báo phát triển số huy chương đến năm 2030
(Phương án chọn)**

Đơn vị tính: Huy chương

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2020	2030
1	Bóng đá sân lớn	0	1	2	2
2	Bơi	75	50	55	55
3	Bắn súng	12	12	12	14
4	Cầu lông	10	13	15	20
5	Cầu mây	7	7	8	9
6	Điền kinh	11	15	21	30
7	Karatedo	17	20	25	30
8	Taekwondo	8	16	22	30
9	Vovinam	41	42	42	43
10	Cử tạ	3	3	4	4
11	Thể dục thể hình	68	68	68	70
12	Bóng bàn	20	20	25	25
13	Bắn cung	0	0	2	3
14	Boxing	6	7	8	10
15	Thể dục dưỡng sinh	6	6	7	7
16	Muay Thái	9	11	12	13
17	Pencasilat	0	3	7	10
18	Wushu	15	16	17	20

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2020	2030
19	Võ cổ truyền	23	24	26	30
20	Judo	2	3	7	12
21	Đua thuyền truyền thống	0	0	1	2
22	Bi sắt	0	1	2	3
23	Vật	0	0	7	10
24	Xe đạp	0	0	2	3
25	Cờ vua	16	17	18	20
26	Cờ tướng	0	0	2	2
27	Bida	0	1	2	3
28	Golf	0	0	2	2
29	Bóng chuyền	0	0	1	1
30	Bóng đá Futsal	0	0	1	1
31	Tennis	3	4	6	6
32	Thể thao người khuyết tật	18	19	22	25
	Tổng số	370	378	451	515

2.4. Dự báo số vận động viên đẳng cấp và thành tích thể thao

Số vận động viên đạt đẳng cấp Quốc gia của các môn thể thao là chỉ số thể hiện chất lượng trong đào tạo, huấn luyện mà khi thi đấu VĐV đạt được là một quá trình tập luyện dài hạn, hơn nữa đẳng cấp vận động viên còn gắn liền với thành tích thi đấu.

Số vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia tăng từ 85 người năm 2015 lên 115 người năm 2020 và 180 người năm 2030. Trong đó, vận động viên kiện tướng tăng từ 30 người năm 2015 lên 45 người năm 2020 và 65 người năm 2030.

Tổng số vận động viên thể thao tăng từ 369 người năm 2014 lên 429 người năm 2015, lên 604 người năm 2020 và 700 người năm 2030.

Số huy chương đạt giải khu vực các môn thể thao thành tích cao dự kiến tăng từ 141 huy chương năm 2015 lên 173 huy chương năm 2020 và 199 huy chương năm 2030.

Số huy chương đạt giải quốc gia các môn thể thao thành tích cao dự kiến tăng từ 226 huy chương năm 2015 lên 278 huy chương năm 2020 và 300 huy chương năm 2030.

Số huy chương đạt giải quốc tế các môn thể thao thành tích cao dự kiến tăng từ 14 - 15 huy chương năm 2015 lên 16 -17 huy chương năm 2020 và 18 -19 huy chương năm 2030.

Bảng 11: Dự báo số VĐV đẳng cấp và thành tích thể thao đến năm 2030.

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2020	2030
I	Số VĐV đạt đẳng cấp Quốc gia	78	85	115	180
1	Kiện tướng	25	30	45	65
2	Cấp I	53	55	70	115
II	Thành tích thể thao				
1	Số vận động viên thể thao	369	429	604	700
2	Số huy chương khu vực	113	141	173	199
3	Số huy chương quốc gia	224	226	278	300
4	Số huy chương quốc tế	13	14-15	16-17	18-19

Căn cứ vào các môn thể thao có thế mạnh của Đồng Nai như: Bơi lội, cầu mây, cầu lông, TDTH, bắn súng, điền kinh, ... có kế hoạch tập trung đầu tư đào tạo và tập huấn, đặc biệt là tập huấn ở các nước có nền thể thao phát triển để đảm bảo vừa giữ vững, vừa phát huy thế mạnh những môn thể thao.

Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ chuyên môn, chuẩn hoá đội ngũ chuyên môn hiện có; thu hút các chuyên gia, huấn luyện viên giỏi trong, ngoài nước; ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào công tác huấn luyện, đào tạo vận động viên.

Kết hợp chặt chẽ giữa thể thao thành tích cao và thể thao quần chúng, phát hiện những tài năng thể thao trong quần chúng nhân dân, đặc biệt, kết hợp với ngành giáo dục và đào tạo trong việc phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao trẻ.

Nâng cao chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập luyện cũng như trong thời gian tập trung thi đấu.

2.5. Xác định các môn thể thao trọng điểm và phân bổ địa bàn trọng điểm

Hệ thống thể thao thành tích cao của Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 sẽ có 32 môn thể thao, trong đó: 08 môn được coi là các môn thể thao trọng điểm loại 1; 11 môn thể thao loại 2 và 13 môn thể thao loại 3.

- Các môn thể thao đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần của đa số người dân Đồng Nai, đạt đa số người tập thể dục thể thao trong thanh thiếu niên và nhi đồng cần được chọn là môn thể thao trọng điểm.

- Các môn thể thao có trong chương trình thi đấu của Đại hội Olympic, Asiad, SEA Games, các môn thể thao trong khu vực chưa phát triển, các môn truyền thống của Đồng Nai và trong những năm gần đây đã giành được huy

chương trong các giải thi đấu quốc tế, Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc cần được chọn là môn thể thao trọng điểm.

- Các môn thể thao có số lượng nhiều huy chương trong các Đại hội thể thao và thành tích thi đấu ít bị phụ thuộc vào trọng tài cũng chọn là môn thể thao trọng điểm.

- Môn thể thao của Đồng Nai hiện có các điều kiện tối thiểu để phát triển về thể chế và hệ thống quản lý, huấn luyện viên trong, ngoài nước, cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống thi đấu chọn là môn thể thao trọng điểm.

*** Nhóm các môn thể thao trọng điểm loại 1 gồm 08 môn:**

- Bơi, Điền kinh, Bắn súng, Bóng đá sân lớn, Cử tạ, Thể dục thể hình, Cầu mây, Vovinam.

Trong đó có 05 môn mũi nhọn đẩy mạnh đầu tư: Bơi, Điền kinh, Bắn súng, TDTH, Cầu mây.

*** Nhóm các môn thể thao trọng điểm loại 2 gồm 11 môn:**

- Karatedo, Taekwondo, Pencasilat, Muay Thái, Võ cổ truyền, Wushu, Cầu lông, Vật, Bida, Boxing, Judo.

*** Nhóm các môn thể thao trọng điểm loại 3 gồm 13 môn:**

- Bi sắt, đua thuyền truyền thống, bóng bàn, bóng chuyền, cờ vua, cờ tướng, thể thao người khuyết tật, bóng đá futsal, đua xe đạp, golf, tennis, thể dục dưỡng sinh, bắn cung. Ngoài ra, tùy điều kiện từng thời kỳ có thể phát triển một số môn khác...

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, có thể thay đổi môn thể thao trọng điểm loại 1 và 2, việc xác định số lượng các môn thể thao trọng điểm sẽ được quy hoạch trong từng giai đoạn cụ thể. Tuy nhiên, các môn thể thao loại 1 được đầu tư nhiều hơn các môn thể thao trọng điểm loại 2 và loại 3.

*** Phân bố địa bàn trọng điểm phát triển và bồi dưỡng năng khiếu nghiệp dư thể thao theo huyện, thành phố**

Căn cứ vào truyền thống và điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác huấn luyện ở những giai đoạn ban đầu nhằm phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu thể thao ở các huyện, thành phố được phân bổ phát triển từng môn thể thao như sau:

Thành phố Biên Hòa: Bóng đá, điền kinh, bơi, cờ vua, karatedo, taekwondo, judo, bóng bàn, vật, tennis.

Huyện Vĩnh Cửu: Bóng đá, điền kinh, bơi, vovinam, pencatsilat, karatedo, taekwondo, võ cổ truyền, bóng chuyền.

Huyện Tân Phú: Bóng đá, taekwondo, vovinam, cầu lông.

Huyện Định Quán: Bóng đá, điền kinh, taekwondo, võ cổ truyền, judo, vật.

Huyện Xuân Lộc: Bóng đá, cầu lông, điền kinh, taekwondo, judo, cờ vua, bóng chuyền, bơi, karatedo.

Thị xã Long Khánh: Bóng đá, điền kinh, bơi lội, cờ vua, karatedo, taekwondo, vovinam, võ cổ truyền, judo, vật, tennis.

Huyện Thống Nhất: Bóng đá, điền kinh, bơi, taekwondo, judo, cờ vua, taekwondo.

Huyện Long Thành: Bóng đá, Bơi, Vovinam, võ cổ truyền, karatedo, taekwondo.

Huyện Nhơn Trạch: Bóng đá, karatedo, taekwondo, vovinam, bơi, điền kinh, cờ vua, judo.

Huyện Trảng Bom: Bóng đá, điền kinh, bơi, cờ vua, judo, karatedo, taekwondo.

Huyện Cẩm Mỹ: Bóng đá, điền kinh, bơi, cờ vua, judo, karatedo, taekwondo.

2.6. Thể chế quản lý thể thao thành tích cao

Về cơ bản, thể chế quản lý hệ thống thể thao thành tích cao của Đồng Nai theo 3 tuyến:

* *Tuyến năng khiếu phong trào*: Những vận động viên trẻ có năng khiếu thể thao nhất định, có động cơ trở thành vận động viên ưu tú, đã qua tuyển chọn năng khiếu ban đầu. Vận động viên tuyến này thường tập luyện ở các lớp năng khiếu thể thao do Sở Giáo dục - Đào tạo quản lý, các cơ sở đào tạo của các huyện, thành phố. Số vận động viên này tự túc hoặc được Nhà nước đầu tư một phần, vừa tập luyện thể thao vừa học văn hoá theo chương trình phổ thông bình thường. Số lượng vận động viên của tuyến này, tùy theo đặc điểm từng môn thể thao, tham gia thi đấu chủ yếu theo hệ thống huyện, thành phố.

* *Tuyến năng khiếu và trẻ tập trung*: Những vận động viên trẻ có khả năng trở thành vận động viên ưu tú có thể đạt được những thành tích thể thao cao nhất thì được tạo điều kiện luyện tập tại Trường Phổ thông năng khiếu Thể thao, Trung tâm TDTT tỉnh. Một số có thành tích tốt được chọn vào các đội dự tuyển trẻ quốc gia, cần được đi tập huấn ở các trung tâm thể thao trong nước hoặc ở

nước ngoài. Quản lý vận động viên theo quy chế và theo hợp đồng. Thi đấu theo hệ thống cấp tỉnh và cấp quốc gia. Là lực lượng kế cận của đội tuyển tỉnh, vận động viên thi đấu chủ yếu theo hệ thống thi đấu các giải trẻ quốc gia, kể cả vô địch quốc gia, quốc tế.

* *Tuyển tuyển tỉnh*: Là những vận động viên xuất sắc có tài năng thể thao thông qua thành tích thi đấu, sẽ được Nhà nước đầu tư toàn diện về giáo dục, học văn hoá, tập luyện nâng cao thành tích và các chế độ chính sách khác.

2.7. Hệ thống tổ chức thi đấu thể dục thể thao

a) Hệ thống thi đấu thể dục, thể thao cho mọi người

- Đại hội Thể dục thể thao cấp cơ sở: từ xã đến huyện 4 năm/lần.
- Hội thi thể thao gia đình 2 năm/lần (năm chẵn).
- Hội khoẻ Phù Đổng: cấp trường 1 năm/lần; cấp huyện, thành phố 2 năm/lần; cấp tỉnh 4 năm/lần.
- Hội thao nông dân tùy tình hình cụ thể.
- Hội thao người khuyết tật cấp tỉnh và toàn quốc 1 năm/ lần.
- Hội thao dành cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt 2 năm/ lần.
- Hội thao dân tộc thiểu số 2 năm/ lần.

b) Tổ chức thi đấu thể thao thành tích cao

- Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh 04 năm/lần.
- Giải thể thao từng môn khu vực Đông Nam Bộ mỗi năm 01 lần.
- Mỗi năm tổ chức 20 - 25 giải ở các môn thể thao thành tích cao.
- Mỗi năm đăng cai 02 - 04 giải thể thao cấp quốc gia
- Hai năm đăng cai 01 - 02 giải thể thao cấp quốc tế.

c) Tham gia thi đấu các giải thể thao quốc gia

- Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc 4 năm/lần.
- Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc 4 năm/lần.
- Tham gia giải trẻ, vô địch Đông Nam Á, Châu Á, thế giới...

2.8. Nội dung quy hoạch về tổ chức và cán bộ thể dục thể thao

a) Tổ chức bộ máy cấp tỉnh:

- * Đơn vị quản lý nhà nước: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- Ban lãnh đạo Sở: Giám đốc và các phó Giám đốc.

- Văn phòng.
 - Phòng nghiệp vụ.
 - Thanh tra.
 - Phòng Kế hoạch, tài chính.
 - Phòng tổ chức cán bộ.
 - * Đơn vị sự nghiệp thể dục thể thao:
 - Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh.
 - Trường Phổ thông năng khiếu Thể thao.
 - b) Tổ chức bộ máy cấp huyện, thành phố, thị xã.
 - Đơn vị quản lý nhà nước: Phòng Văn hoá và Thông tin.
 - Đơn vị sự nghiệp: Trung tâm Văn hoá - Thể thao, Trung tâm TDTT.
 - Cấp xã, phường, thị trấn: có cán bộ làm công tác kiêm nhiệm về các hoạt động thể dục thể thao.
 - c) Nhu cầu về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, huấn luyện viên...
 - * Cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh
 - Năm 2014 - 2015: 53 người
 - Năm 2015 - 2020: 74 người
 - Năm 2020 - 2030: 103 người
 - * Huấn luyện viên thể thao cấp quốc gia và cấp tỉnh là:
 - Năm 2014 - 2015: 49 người
 - Năm 2015 - 2020: 102 người
 - Năm 2020 - 2030: 192 người
 - * Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, thị xã, thành phố.
 - Năm 2014 - 2015: 27 người.
 - Năm 2015 - 2020: 84 người
 - Năm 2020 - 2030: 150 người
 - * Cấp xã, phường, thị trấn.
- Về số lượng cán bộ thể dục thể thao cấp xã, phường, thị trấn: đảm bảo mỗi đơn vị hành chính có 1 hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục thể thao. Phân đầu số cán bộ hướng dẫn viên, cộng tác viên thể thao ở xã, phường, thị trấn được bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ về thể dục thể thao.

III. TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ VÀ NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

1. Tổng hợp danh mục công trình (dự án) đầu tư:

Xác định danh mục các dự án đầu tư và phân kỳ thực hiện đầu tư hợp lý theo từng giai đoạn là nội dung quan trọng của quy hoạch phát triển ngành Thể dục thể thao. Làm căn cứ để tiến hành trước một bước công tác chuẩn bị đầu tư, nâng cao chất lượng công tác tư vấn, khắc phục tình trạng kéo dài thời gian lập hồ sơ thủ tục chuẩn bị đầu tư. Tạo tiền đề cho việc đẩy mạnh tiến độ thực hiện đầu tư trong từng năm kế hoạch, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư và thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa phát triển TDTT.

Danh mục dự án đầu tư xây dựng công trình TDTT đến năm 2020 và định hướng đến 2030 như sau:

- Khu liên hợp thể dục thể thao phường Tân Hiệp, quy mô 43,75ha, trong giai đoạn 2016 - 2020 sẽ tiếp tục được đầu tư xây dựng theo quy mô là khu liên hợp thể dục thể thao của tỉnh quản lý, trong đó:

+ Giai đoạn 2015 - 2020: Xây dựng hạng mục hồ Bơi, trường bắn, sân bóng đá phụ, xây dựng hạ tầng kỹ thuật các Trung tâm.

+ Giai đoạn 2021 - 2030: Hoàn thành khu liên hợp gồm có: Nhà thi đấu, nhà tập các môn thể thao, thể hình, thể dục nghệ thuật, võ thuật, khu sân tập luyện ngoài trời, khu làm việc...

- Trung tâm thi đấu thể thao tại xã Phước Khánh, quy mô 100ha.

- Trung tâm thể dục thể thao tại xã Phước Tân, quy mô 140 ha.

- Trường Phổ thông năng khiếu thể thao, quy mô 500 vận động viên.

- Sửa chữa nhà thi đấu thể dục thể thao và xây dựng trường bắn súng tại Trung tâm thể dục thể thao tỉnh.

Công trình cấp huyện: Đầu tư xây dựng khu liên hợp thể dục thể thao, trung tâm thể dục thể thao gồm ít nhất từ hai đến ba công trình như: nhà thi đấu, sân vận động... cho 9 huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

Công trình cấp xã: Xây dựng khu văn hóa thể dục thể thao, vui chơi giải trí cho 171 xã, phù hợp với quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

Các công trình thể dục thể thao do các ngành khác quản lý:

+ Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy gồm 7 công trình: Trường bắn, nhà thi đấu đa năng, sân bóng mini, sân tennis, sân cầu lông, bể bơi, sân bóng chuyền.

+ Công an tỉnh gồm 5 công trình: sân bóng đá tập luyện, đường chạy vòng, 2 sân tennis, bể bơi, nhà thi đấu đa năng.

+ Trung tâm giáo dục thể chất của ngành Giáo dục và Đào tạo: Mỗi huyện, Thành phố Biên Hòa và thị xã Long Khánh xây dựng một Trung tâm.

- Ngoài ra, theo Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 2 dự án cấp quốc gia như sau:

+ Dự án 1: Cơ sở đào tạo thể dục thể thao quốc gia: Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng mới cơ sở II. Với mức kinh phí đầu tư 200 tỷ đồng chia ra 2 giai đoạn: giai đoạn 2014 - 2015 đầu tư 100 tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 đầu tư 100 tỷ đồng.

+ Dự án 2: Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang: Đến năm 2020, hoàn thành đầu tư xây dựng trung tâm huấn luyện thể dục thể thao và quân sự vũ trang loại 1 tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành. Với mức kinh phí đầu tư là 142 tỷ đồng chia ra 2 giai đoạn: giai đoạn 2014 - 2015 đầu tư 75 tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 đầu tư 67 tỷ đồng.

Hai dự án nêu trên thuộc cấp quốc gia nên số vốn không đưa vào bảng tổng hợp danh mục dự án đầu tư của tỉnh.

2. Dự báo nhu cầu vốn sự nghiệp và vốn đầu tư xây dựng

2.1. Ngân sách sự nghiệp TDTT:

Vốn sự nghiệp thể dục thể thao được cân đối hàng năm từ ngân sách của tỉnh theo các quy định hiện hành căn cứ nhu cầu phát triển của ngành và khả năng cân đối của nền kinh tế.

Tổng nhu cầu chi sự nghiệp thể dục thể thao.

Giai đoạn 2016 – 2020: bình quân mỗi năm 110 – 120 tỷ đồng.

Giai đoạn 2021 – 2030: bình quân mỗi năm 150 – 170 tỷ đồng.

* Cấp tỉnh:

Giai đoạn 2016 – 2020: bình quân mỗi năm 75 – 80 tỷ đồng.

Giai đoạn 2021 – 2030: bình quân mỗi năm 105 – 120 tỷ đồng.

* Cấp huyện, thị xã:

Giai đoạn 2016 – 2020: bình quân mỗi năm 2,0 – 2,5 tỷ đồng/huyện.

Giai đoạn 2021 – 2030: bình quân mỗi năm 3,0 – 3,5 tỷ đồng/huyện.

* Cấp xã, phường, thị trấn:

Giai đoạn 2016 – 2020: bình quân mỗi năm 200 – 300 triệu đồng/xã

Giai đoạn 2021 – 2030: bình quân mỗi năm 400 – 500 triệu đồng/xã

2.2 Ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản:

Nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình thể dục thể thao bao gồm: Vốn ngân sách Trung ương đầu tư trên địa bàn, vốn ngân sách tỉnh, vốn ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp huyện, cấp xã và nguồn vốn xã hội hóa.

Nguồn vốn xã hội hóa bao gồm: các nguồn tài trợ, vốn tự có của các đơn vị kinh tế - xã hội, nguồn đóng góp của nhân dân và các cá nhân tự đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc kinh doanh, huấn luyện, đào tạo...

Ngân sách Trung ương và các Bộ, Ngành đảm bảo vốn đầu tư cho dự án đầu tư xây dựng công trình TDTT thuộc phạm vi quản lý của TW, của Ngành.

Ngân sách của tỉnh bảo đảm thực hiện đầu tư xây dựng, nâng cấp và hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị, dụng cụ thi đấu và luyện tập của các cơ sở TDTT cấp tỉnh, do tỉnh trực tiếp quản lý (sân vận động, bể bơi, nhà luyện tập và thi đấu, Trung tâm TDTT tỉnh, Trung tâm hoạt động TDTT tỉnh, Trường Phổ thông năng khiếu Thể thao...). Ưu tiên nguồn kinh phí giải phóng mặt bằng cho các công trình thể dục, thể thao cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Đối với các công trình TDTT thuộc cấp huyện và cấp xã, một phần vốn được bố trí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh và huy động vốn của địa phương các cấp thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và những quy định về cơ chế, chính sách huy động vốn hiện hành.

Thực hiện nhiều hình thức xã hội hóa phù hợp với Luật định để tạo nguồn kinh phí vận hành các cơ sở TDTT được đảm bảo từ nguồn xã hội hóa.

Khuyến khích các ngành, các địa phương khác, các tổ chức (doanh nghiệp và tổ chức xã hội...), gia đình và cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ phục vụ huấn luyện và thi đấu, tham gia tích cực vào việc đào tạo vận động viên, hỗ trợ, tài trợ cho tổ chức các hoạt động TDTT và trực tiếp đầu tư kinh phí cho tập luyện và tham gia thi đấu thể thao.

Căn cứ danh mục ưu tiên đầu tư xây dựng công trình TDTT đến năm 2020 và định hướng đến 2030, dự báo tổng nhu cầu vốn đầu tư là 2.361,5 tỷ đồng (chi tiết trong phụ lục 7), trong đó chia theo các nguồn như sau:

Nguồn vốn ngân sách nhà nước các cấp và các nguồn có tính chất ngân sách là 1.828,3 tỷ đồng. Nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn khác: 533,2 tỷ đồng. Vốn đầu tư chia theo giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 2015 - 2020 là 898 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước và các nguồn có tính chất ngân sách (vốn Chương trình mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ) là 754,3 tỷ đồng, chiếm 84%; vốn xã hội hóa là 143,7 tỷ đồng, chiếm 16,0%.

- Giai đoạn 2021 - 2030 là 1.463,5 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước và các nguồn có tính chất ngân sách là 1.074,0 tỷ đồng, chiếm 73,0%; vốn xã hội hóa là 389,5 tỷ đồng, chiếm 27,0%.

Biểu 12: Nhu cầu vốn đầu tư phát triển Thể dục thể thao

Nguồn vốn	Giai đoạn 2015- 2020		Giai đoạn 2021- 2030		Tổng vốn đầu tư cả 2 giai đoạn (tỷ đồng)
	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
Tổng số	100	898	100	1.463,5	2.361,5
1. Vốn Ngân sách các cấp và các nguồn có tính chất ngân sách	84	754,3	73	1.074,0	1.828,3
2. Vốn xã hội hóa và các nguồn khác	16	143,7	27	389,5	533,2

Ghi chú: Nguồn vốn đầu tư các công trình TDTT trong trường học phục vụ nhu cầu giáo dục thể chất do ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện đầu tư.

3. Tổng hợp diện tích đất cho xây dựng cơ sở vật chất thể dục thể thao

Quy hoạch sử dụng đất thể dục thể thao tỉnh Đồng Nai đến 2015 và định hướng đến năm 2020 khoảng 1.155 ha (Theo Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 30/10/2012 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm đầu kỳ 2011 - 2015 tỉnh Đồng Nai). Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành, các cấp có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể về quỹ đất dành cho thể dục thể thao phù hợp với từng giai đoạn, đảm bảo 3,5m² đến 4,0m²/người dân theo Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, cụ thể như sau:

* Cấp tỉnh: Đảm bảo diện tích đất xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao, Trung tâm thể dục thể thao, Trung tâm thi đấu thể thao, Trường Phổ thông năng khiếu Thể thao (Khu tập luyện: Hồ bơi, nhà tập các môn võ, sân điền kinh, bóng chuyền, cầu lông, cầu mây, nhà tập bóng bàn, trường bắn,..), phòng học, thư viện, phòng máy vi tính, hội trường, khu nhà ăn, nhà ở đáp ứng cho 500 VĐV và các hạng mục công trình phụ trợ.

* *Cấp huyện, thị xã, thành phố.*

Mỗi huyện, thị xã, thành phố dành ít nhất 6 ha để xây dựng các công trình thể thao.

* *Cấp xã, phường, thị trấn và khu dân cư (khóm, ấp, khu phố).*

Đảm bảo quỹ đất dành cho thể dục thể thao của 171 xã, phường, thị trấn đến năm 2015 phần đầu đạt 2 - 3 m²/người dân. Từ năm 2015 - 2020 đạt 3 - 4 m²/người dân. Những khu dân cư có điều kiện thì bố trí đất thể dục thể thao gắn liền với đất nhà sinh hoạt văn hoá của khóm, ấp, khu phố hoặc trường học.

* *Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, phổ thông.*

Diện tích đất của các cấp trường học dành cho thể dục thể thao theo tiêu chuẩn là 4m²/ học sinh .

Nhu cầu sử dụng đất của ngành thể dục thể thao tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 được dự báo như sau:

- Diện tích đất dành cho TDTT tăng từ 820 ha năm 2014 lên 875 ha năm 2015 và 1.155 ha năm 2020.

- Tỷ lệ diện tích trên số dân tăng từ 2,93 m²/ người dân năm 2014 lên 3,2 m²/người dân năm 2015 và 3,6 - 3,7 m²/ người dân năm 2020.

Biểu 13: Nhu cầu sử dụng đất của ngành TDTT đến năm 2020.

STT	Hạng mục	Đơn vị	2014	2015	2020
1	Dân số	Triệu người	2,89	2,9 - 3,0	3,1 - 3,2
2	Tỷ lệ người tập TDTT TX	%	33,3	34,1	38,3
3	Số người tập	Triệu người	0,96	0,97	1,17
4	Diện tích đất dành cho TDTT	ha	820	875	1.155
5	Tỷ lệ diện tích trên số người dân	m ² /người dân	2,93	3,0 - 3,1	3,6 - 3,7

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ MẠNG LƯỚI CƠ SỞ VẬT CHẤT TDTT THEO LÃNH THỔ

Căn cứ quy hoạch phát triển các tiểu vùng kinh tế - xã hội, quy hoạch chung xây dựng đô thị, nông thôn, quy hoạch phát triển dân cư và quy hoạch các ngành kinh tế - xã hội khác có liên quan đến phát triển thể dục thể thao, đặc biệt là quy hoạch sử dụng đất của các huyện và thành phố đã xác định rõ diện tích chiếm đất cho xây dựng các công trình thể dục thể thao.

Căn cứ các quy hoạch nói trên, quy hoạch mạng lưới cơ sở vật chất thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh tiếp tục được nghiên cứu, bố trí hợp lý theo địa bàn lãnh thổ, đảm bảo thuận lợi cho việc kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động thể dục thể thao thành phố với hoạt động thể dục thể thao ở các huyện. Lồng ghép hoạt động thể dục thể thao của chuyên ngành với hoạt động thể dục thể thao của nhiều ngành

kinh tế xã hội khác, trước hết là các ngành giáo dục và đào tạo, lực lượng vũ trang, tăng cường xã hội hóa trong xây dựng cơ sở vật chất ngành thể dục thể thao.

1. Cấp tỉnh do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý

- Tiếp tục xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao tại phường Tân Hiệp - thành phố Biên Hòa, với quy mô diện tích là 43,75 ha. Trong đó có 12 công trình trong khu liên hợp, bao gồm: Sân vận động Đồng Nai, nhà thi đấu đa năng 3.000 chỗ ngồi, sân tập luyện ngoài trời, nhà tập các môn bóng, hồ bơi có mái che, nhà tập thể hình, thể dục nghệ thuật, võ thuật, trường bắn súng, bắn cung, khu nhà ở vận động viên, quảng trường, bãi đậu xe, nhà điều hành và quản khu tái định cư.

Trong những năm trước mắt, cần tập trung hoàn thành các hạng mục công trình như sau: Xây dựng khu tái định cư 1.200 hộ dân trong khu vực quy hoạch, các hạng mục công trình chủ yếu trong khu là sân bóng đá phụ, hồ bơi và trường bắn. Đồng thời hoàn thành xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: hàng rào, giao thông, cấp điện, cấp nước, dự án trồng cây xanh trong khu, tạo cảnh quan chung cho toàn khu liên hợp thể dục thể thao.

- Xây dựng Trung tâm thi đấu thể thao: quy mô diện tích 100 ha tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch. Là nơi có đủ điều kiện để tổ chức thi đấu thể thao thành tích cao cấp Vùng và quốc gia. Đến năm 2020, hoàn thành và đưa vào sử dụng trên 50% hạng mục công trình thuộc Trung tâm.

- Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao: quy mô diện tích 140ha tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa. Đây là khu trung tâm tổ chức các công trình thể dục thể thao gắn với không gian mở là khu du lịch và công viên sinh thái rừng trồng tại xã Phước Tân.

- Tiếp tục xây dựng hoàn thành cơ sở vật chất và tăng cường trang thiết bị cho Trường Phổ thông năng khiếu Thể thao, có quy mô đào tạo thường xuyên cho 500 vận động viên.

2. Cấp huyện quản lý

Số đơn vị cấp huyện phải có ít nhất hai trong ba công trình thể dục thể thao theo quy định (Sân vận động, hồ bơi, nhà tập luyện, thi đấu thể thao) sẽ thực hiện như sau. Đến năm 2020 đạt 100% huyện có sân vận động, hồ bơi, nhà tập luyện, thi đấu thể thao.

Đến năm 2030, thành phố Biên Hòa hoàn thành Trung tâm thể dục thể thao với diện tích khoảng 140ha ở xã Phước Tân (đây được xem là khu thể thao cấp vùng, tỉnh).

Thị xã Long Khánh: Cải tạo và nâng cấp sân vận động huyện, xây dựng khu thể dục thể thao cho các phường và áp theo quy định trong xây dựng nông thôn mới.

Huyện Vĩnh Cửu: Có thêm 4 sân bóng đá xã, xây dựng sân thể thao cho 50 ấp theo quy định nông thôn mới, mở rộng sân bóng đá ấp Bình Ý, 1 sân vận động huyện.

Huyện Tân Phú: Có thêm khu thể dục thể thao các xã NTM (3 xã), 1 sân vận động, 1 khu thể thao.

Huyện Định Quán: Có thêm khu thể dục thể thao cho các ấp xã NTM (3 xã), 1 sân vận động huyện, 1 sân bóng đá huyện, 1 nhà thi đấu đa năng huyện.

Huyện Xuân Lộc: Có thêm khu thể dục thể thao các xã NTM(5 xã), có 5 sân bóng đá, mở rộng 2 sân bóng Tân Hợp và Xuân Thọ, 1 sân vận động thị trấn.

Huyện Thống Nhất: Có thêm khu thể dục thể thao các xã NTM (3 xã), 3 sân bóng đá, 1 sân vận động và Trung tâm TDTT huyện.

Huyện Long Thành: Có thêm khu thể dục thể thao các ấp xã nông thôn mới, làm mới sân bóng Bàu Cạn, 1 sân vận động, 3 khu thể dục thể thao xã, 1 sân tập TD dưỡng sinh và 1 sân bóng đá.

Đến năm 2020, huyện Long Thành có 1 Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao và quân sự vũ trang cấp quốc gia.

Huyện Nhơn Trạch: có thêm khu thể dục thể thao các ấp thuộc xã nông thôn mới.

Đến năm 2030, Huyện Nhơn Trạch hoàn thành 1 Trung tâm thi đấu thể thao với diện tích khoảng 100ha được bố trí ở xã Phước Khánh, đây là khu thể thao của tỉnh có nhiều hạng mục công trình đạt chuẩn quốc tế.

Huyện Trảng Bom: Có thêm 4 sân bóng, 1 sân tennis, khu thể dục thể thao các ấp xã nông thôn mới, khu cây xanh - TDTT Giang Điền và sân thể thao ấp 2.

Huyện Cẩm Mỹ: Có thêm 1 sân bóng chuyên và khu thể dục thể thao các ấp xã nông thôn mới.

3. Cấp xã, phường, thị trấn:

Đến năm 2020 đạt 100% xã, phường, thị trấn có sân tập thể dục thể thao; trên 50% xã, phường, thị trấn có hồ bơi, sân vận động và một số công trình thể thao khác. Các ấp, xóm, khu phố phải có sân tập thể thao đơn giản.

Phần IV

CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

I. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về vốn đầu tư phát triển thể dục thể thao

- Vốn đầu tư xây dựng và vốn sự nghiệp để thực hiện Quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương có liên quan đến phát triển thể dục thể thao, trên cơ sở đảm bảo cơ cấu vốn đầu tư hợp lý từ ngân sách nhà nước cho phát triển ngành thể dục thể thao.

- Vận động sự tham gia của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, tích cực huy động nguồn đóng góp của dân cư và các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, thành lập quỹ bảo trợ tài năng thể thao, nhằm chăm sóc các vận động viên tập luyện và thi đấu ngày càng tốt hơn.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước và sự tham gia của toàn xã hội cho phát triển thể dục thể thao. Thực hiện việc lồng ghép các chương trình mục tiêu, các dự án, đề án có liên quan đến phát triển thể lực, tầm vóc, từng bước nâng cao chất lượng giống nòi và tăng thêm sức khỏe, tuổi thọ cho nhân dân.

- Khuyến khích các hộ gia đình, tổ chức hiến đất xây dựng các công trình văn hóa, thể thao. Các hộ hiến tặng đất xây dựng công trình văn hóa thể thao được quyền ưu tiên trong việc tham gia kinh doanh các dịch vụ theo quy định của nhà nước đối với các công trình thể thao được xây dựng trên diện tích đất hiến tặng và công trình do mình đầu tư (như kinh doanh giải khát, giữ xe, cho thuê dụng cụ, quần áo tập luyện...)

- Khuyến khích các tổ chức và cá nhân đầu tư xây dựng các công trình thể thao, chủ yếu là những công trình vừa và nhỏ như sân bóng đá, bóng chuyền, bể bơi, sân bãi tập đơn giản... Những dự án đầu tư từ công trình thể thao ngoài công lập được nhà nước khuyến khích, ưu đãi trong việc cấp đất, thuê đất, về thuế và lệ phí, về vốn tín dụng...

- Khuyến khích doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước tham gia đầu tư các công trình thể thao lớn cấp quốc gia và quốc tế. Đồng thời, vận động sự ủng hộ, tài trợ của các doanh nghiệp đóng góp trên địa bàn tỉnh, huy động sự đóng góp của xã hội, tạo thêm nguồn thu thành lập quỹ bảo trợ tài năng thể thao với việc chăm sóc vận động viên tốt hơn.

2. Về nguồn nhân lực cho phát triển thể dục thể thao

Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng huấn luyện viên, trọng tài, giáo viên thể dục thể thao, hướng dẫn viên.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thể thao giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác thể dục, thể thao trong giai đoạn mới.

Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển ngành; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia vững về tư tưởng, giỏi nghiệp vụ và đội ngũ giáo viên cho giáo dục thể chất và thể thao trường học. Chú trọng đào tạo nhân lực cho phong trào thể dục, thể thao các huyện miền núi.

Đổi mới chương trình, phương pháp giáo dục thể chất học đường theo hướng thể thao kết hợp với vui chơi giải trí. Phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo, cung cấp tài năng trẻ cho ngành thể dục thể thao.

Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực cho phát triển thể thao thành tích cao, chú trọng công tác dạy văn hóa và giáo dục đạo đức cho vận động viên.

Đào tạo trọng tài: Chú trọng bồi dưỡng kiến thức cho trọng tài cơ sở để phát triển phong trào thể thao quần chúng, đồng thời đẩy mạnh công tác đào tạo theo hướng chính quy, kết hợp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên kiểm tra lý thuyết và thực hành để đánh giá chính xác năng lực trọng tài. Phát hiện các trọng tài có năng lực ở các môn thể thao, có phẩm chất tốt để bồi dưỡng công nhận trọng tài quốc gia, phấn đấu tăng dần số trọng tài quốc gia.

Đào tạo giáo viên thể dục thể thao: Phấn đấu đến năm 2015 đảm bảo khoảng 70% nhu cầu giáo viên thể dục thể thao được đào tạo chính quy, năm 2020 đảm bảo 90 % nhu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thể dục thể thao.

Tăng cường quản lý, cải tiến chế độ hỗ trợ đối với những người làm công tác thể thao

Kiện toàn và ổn định tổ chức bộ máy của ngành VHTTDL từ tỉnh đến cơ sở đủ sức chỉ đạo điều hành quản lý sự nghiệp thể thao; chuyển dần cơ chế quản lý đối với một số môn sang thể thao bán chuyên nghiệp.

Có chế độ khuyến khích đối với huấn luyện viên, vận động viên có thành tích, có đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp thể thao của tỉnh. Thường xuyên làm tốt công tác khen thưởng - kỷ luật trong ngành.

Về hợp tác trong lĩnh vực thể thao: Thành lập mới, củng cố và phát huy vai trò các tổ chức xã hội về thể dục thể thao từng môn từ tỉnh đến cơ sở. Thường xuyên thực hiện tốt sự chỉ đạo, lãnh đạo và phối hợp chặt chẽ với các Liên đoàn thể thao Quốc gia, với Tổng cục thể dục thể thao.

Phối hợp một cách chặt chẽ hoạt động của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong và ngoài tỉnh để phát triển thể dục thể thao:

Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền vận động nhân dân tập luyện thể dục thể thao, phổ biến kiến thức thể dục thể thao cho toàn dân, quảng bá cổ vũ cho các đội tuyển, thưởng thức, giải trí các chương trình thể thao ... Phối hợp trong việc xây dựng các công trình thiết chế văn hoá thể thao ở cấp xã, cấp huyện.

Phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo trong việc phát triển phong trào thể dục thể thao học đường, trong việc đào tạo bồi dưỡng, tuyển dụng đội ngũ giáo viên thể dục được đào tạo chính quy cho các trường học, thực hiện tốt công tác giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên.

Phối hợp với ngành quân sự, Công an, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy trong việc phát động phong trào rèn luyện thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang. Các hoạt động thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang hàng năm được tăng cường quản lý và đẩy mạnh phong trào về quy mô và chất lượng theo các kế hoạch liên tịch phối hợp đã đề ra.

Đảm bảo cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của lực lượng vũ trang, đáp ứng đủ nhu cầu tập luyện của cán bộ và chiến sĩ góp phần xây dựng từng đơn vị lực lượng vũ trang vững mạnh.

Phối hợp với Hội người cao tuổi, hội cựu chiến binh...phát triển các nhóm luyện tập dưỡng sinh, thể dục chữa bệnh.

Phối hợp với ngành Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường trong việc quy hoạch đất đai và xây dựng các công trình thể thao ở các tuyến...

4. Về công tác xã hội hóa phát triển thể dục thể thao

Xây dựng cơ chế, chế độ ưu đãi về xã hội hoá, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, đóng góp các nguồn lực cho hoạt động TDTT; Khuyến khích xây dựng các công trình TDTT; các đơn vị sản xuất và kinh doanh thiết bị, dụng cụ văn hóa thể thao.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp để phát triển sự nghiệp TDTT. Khuyến khích liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế với các đơn vị công lập để khai thác, sử dụng hiệu quả các công trình TDTT của nhà nước.

Thực hiện công tác xã hội hoá đầu tư vào một số lĩnh vực thể thao để huy động nguồn vốn cho phát triển thể thao, từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước dưới dạng đầu tư BOT, BTO, BT. Cần có các chính sách khuyến khích đảm bảo an toàn về vốn cho người đầu tư để thu hút được các nhà đầu tư, tạo ra sự bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước, giữa đầu tư tư nhân và của Chính phủ.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện Quyết định số 1466/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và phát triển những loại hình TDTT sau:

- Xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt, học tập văn hóa, tập luyện và thi đấu thể dục thể thao
- Sản xuất trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu thể thao.
- Chuyên nghiệp hóa một số môn thể thao.
- Thành lập các tổ chức xã hội – nghề nghiệp về TDTT.

Xây dựng hệ thống các quy định và chính sách khuyến khích các doanh nghiệp và tổ chức xã hội tham gia hỗ trợ các hoạt động đào tạo, huấn luyện và thi đấu, kinh doanh dịch vụ thi đấu thể thao. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cá nhân đầu tư trực tiếp cho các hoạt động đào tạo vận động viên; mở trường, lớp, trung tâm, câu lạc bộ, đào tạo tài năng thể thao theo mô hình tư thực, bán công và phát triển kinh doanh các dịch vụ TDTT. Khuyến khích lập các quỹ tài trợ, quỹ bảo trợ tài năng thể thao, quỹ hỗ trợ vận động viên.... Tăng cường vận động tài trợ của các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân tài trợ cho hoạt động thể thao thành tích cao.

Xây dựng và thực hiện chính sách khuyến khích và tôn vinh những cá nhân và tập thể hiến đất cho TDTT. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh doanh dịch vụ TDTT như miễn giảm thuế, hỗ trợ về cộng tác viên, hướng dẫn viên cho các câu lạc bộ, cơ sở tổ chức hoạt động TDTT

5. Về ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

5.1. Công tác nghiên cứu, ứng dụng Khoa học - Công nghệ:

Nghiên cứu các đề tài khoa học trên các lĩnh vực quản lý, tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao.

Ứng dụng những thành tựu khoa học trong quản lý, huấn luyện, tuyển chọn và đào tạo vận động viên, phát triển y học TDTT, phát triển các môn thể thao dân tộc.

Phối hợp với Sở Khoa học - Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ thể dục thể thao, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực thể dục thể thao.

Xây dựng bộ phận chuyên trách thực hiện công tác cập nhật thông tin mới về các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực TĐTT.

Ưu tiên tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, y sinh học thể thao về trang thiết bị, phương tiện dụng cụ tập luyện, thi đấu, trong phát hiện và tuyển chọn năng khiếu thể thao.

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích tiếp nhận chuyển giao và ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ và y sinh học để phát triển TĐTT.

Triển khai rộng rãi ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo, huấn luyện, thi đấu và quản lý dữ liệu về nguồn nhân lực TĐTT.

Mở rộng mối quan hệ và sự phối hợp với các tỉnh, thành phố trong cả nước, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh trong việc tổ chức các giải thi đấu, đào tạo VĐV, HLV, trọng tài.

5.2. Về hợp tác quốc tế:

Giao lưu quốc tế về TĐTT là nhu cầu khách quan, thuộc tính vốn có của TĐTT, giao lưu quốc tế về TĐTT là một bộ phận của nền ngoại giao.

Mở rộng quan hệ quốc tế trong lĩnh vực TĐTT nhằm tăng cường sự hiểu biết, tình hữu nghị giữa các nước và các dân tộc, góp phần phục vụ chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước, nâng cao trình độ chuyên môn, học tập lẫn nhau giữa các nước.

Mời gọi các chuyên gia có trình độ chuyên môn tốt của các nước sang huấn luyện các đội tuyển thể thao trọng điểm của Đồng Nai. Gửi các vận động viên có tiềm năng chuyên môn tốt của tỉnh sang các nước có nền thể thao tiên tiến tập huấn nâng cao trình độ.

Mở rộng và phát triển đa dạng hơn nữa các mối quan hệ hợp tác quốc tế về TĐTT. Tạo điều kiện và môi trường đầu tư thuận lợi và có cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, cung cấp trang thiết bị, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ, y sinh học thể thao, hỗ trợ nguồn lực phát triển TĐTT Đồng Nai.

Tăng cường năng lực và cơ hội đại diện của thể thao Đồng Nai tham gia vào các tổ chức, các Liên đoàn (hiệp hội) các môn thể thao và trọng tài quốc tế. Cải tiến và tổ chức có hiệu quả các đoàn thể thao của Đồng Nai đi tập huấn và thi đấu ở nước ngoài. Đăng cai và tổ chức tốt các cuộc thi đấu thể thao quốc tế tại Đồng Nai.

6. Về đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về TDTT

Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về phát triển TDTT đến năm 2030 trong các cấp uỷ đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của phát triển TDTT đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh.

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, đẩy mạnh tuyên truyền, giới thiệu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế; phổ biến các thông tin, kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, về thời cơ và thách thức.

Phổ biến các kiến thức, quy định hiện hành của hệ thống pháp luật trong nước và quốc tế; tạo sự nhận thức, hiểu biết đầy đủ và thống nhất cho toàn bộ cán bộ trong ngành, các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và các đối tượng có liên quan, nâng cao tính tích cực, chủ động của mỗi cá nhân trong quá trình tham gia vào sự nghiệp phát triển TDTT Việt Nam tiến bộ có tính dân tộc, khoa học và nhân dân trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành của tỉnh đặc biệt là cơ quan thông tin đại chúng để đưa kiến thức TDTT đến mọi người dân nhằm cuốn hút ngày càng đông đảo quần chúng nhân dân đến với thể thao. Phát huy các hình thức, các kênh thông tin truyền thông để phổ biến, tuyên truyền các nội dung về TDTT (như thông qua các hình thức báo chí, hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở, sách, bản tin chuyên đề, tọa đàm, tập huấn, mời chuyên gia trong nước, lực lượng tuyên truyền viên xuống trực tiếp từng đơn vị, cơ sở, vùng sâu, vùng xa...).

Nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải chăm lo, phát triển TDTT của tỉnh trong Đảng, chính quyền và ban, ngành, đoàn thể các cấp.

Các Huyện uỷ, Thị uỷ, Thành uỷ và Đảng uỷ trực thuộc; Đảng, Đoàn, Ban cán sự các cơ quan đơn vị tiếp tục quán triệt sâu sắc phương hướng, nhiệm vụ phát triển TDTT của tỉnh trong giai đoạn mới. Đồng thời có kế hoạch lãnh đạo chỉ đạo với những mục tiêu và biện pháp cụ thể.

Tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách về đẩy mạnh công tác xã hội hoá TDTT của Đảng, Nhà nước, để các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp, các đơn vị công lập, ngoài công lập và nhân dân có nhận thức đúng, đầy đủ, thực hiện có hiệu quả về công tác này.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn và vận động nhân dân tham gia hoạt động TDTT ở cơ sở; gìn giữ, phát triển các trò chơi dân gian, các môn thể thao dân tộc.

Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế trên địa bàn đầu tư phát triển TDTT. Phát động các phong trào thi đua “Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” và cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, xây dựng và nhân rộng các điển hình về TDTT.

7. Đa dạng hóa các hoạt động và nâng cấp cơ sở vật chất TDTT

Nâng cao chất lượng các môn thể dục thể thao, chất lượng vận động viên, huấn luyện viên. Nghiên cứu, bổ sung các giải đấu, các môn thi cấp tỉnh, đặc biệt là các giải phong trào để từ đó có điều kiện phát hiện, bồi dưỡng những nhân tài phục vụ sự nghiệp phát triển lĩnh vực thể thao của tỉnh.

Đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất và trang thiết bị, phương tiện theo hướng đa dạng hóa và từng bước hiện đại hóa, kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển của ngành. Đảm bảo cho các hoạt động TDTT phát triển rộng khắp từ tỉnh đến cơ sở.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu liên hợp thể dục thể thao cấp tỉnh và công trình cấp huyện. Đầu tư cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các cơ sở hiện có, trang thiết bị ngày càng hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc gia quốc tế. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, củng cố cơ sở vật chất cho công trình TDTT ở các xã, phường, thị trấn, khu dân cư trên địa bàn toàn tỉnh. Đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện cho học sinh ở các trường còn thiếu, chưa đảm bảo chất lượng để đáp ứng nhu cầu tập luyện TDTT theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các Phòng Văn hóa – Thông tin cấp huyện xây dựng kế hoạch hàng năm về đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho phát triển thể dục thể thao, lồng ghép vào kế hoạch chung về phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thị xã, thành phố. Thực hiện tốt việc xây dựng chương trình, kế hoạch kiên cố hoá cơ sở vật chất thể dục thể thao, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Quản triệt và triển khai thực hiện tốt Nghị định số: 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính Phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội; trong đó qui định: Hàng năm, trên cơ sở đánh giá thực hiện quy hoạch, nếu cần thay đổi, bổ sung cục bộ hoặc trong trường hợp xuất hiện những yếu tố mới làm thay đổi từng phần nội dung quy hoạch đã được phê duyệt, quy hoạch đó phải được nghiên cứu điều chỉnh cục bộ kịp thời cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế.

Trách nhiệm của các ban, ngành khác và UBND các huyện, thị xã, thành phố:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính tổ chức bố trí và lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện kế hoạch hàng năm và cho từng giai đoạn trong thời kỳ Quy hoạch.

2. Sở Tài chính:

Chủ trì phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Ngân sách sự nghiệp, đầu tư xây dựng cơ bản thể dục thể thao; các chế độ, ưu đãi cho huấn luyện viên, vận động viên, hướng dẫn viên và đội ngũ giáo viên thể dục thể thao ở các trường. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương xã hội hoá về tài chính đối với các cơ sở thể dục thể thao công lập và ngoài công lập.

3. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thống nhất nhu cầu đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên các môn thể thao để thực hiện nhiệm vụ thể thao thành tích cao của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong các giai đoạn của Quy hoạch.

Tham mưu cho UBND tỉnh kịp thời khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực TDTT.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cho các công trình TDTT và các khu hoạt động thể dục thể thao trong trường học trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền và triển khai thực hiện tốt các quy định về sự bảo vệ môi trường gắn với hoạt động TDTT.

5. Sở Xây dựng:

Tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh; phối hợp và hướng dẫn Ủy ban Nhân dân các địa phương, các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước ở lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng các khu văn hóa thể dục thể thao, công trình thể dục thể thao theo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn ban hành. Khắc phục được những ảnh hưởng xấu do các yếu tố khí hậu thời tiết tác động đến công trình thể dục thể thao.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch xây dựng Kế hoạch, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các trường học, đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho học sinh; làm tốt công tác phổ cập bơi cho học sinh tiểu học; tăng cường chỉ đạo, nâng cao chất lượng tổ chức Hội khỏe Phù Đổng ở các cấp, tổ chức tham gia đạt hiệu quả cao các kỳ Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc và các giải đấu quốc gia, quốc tế. Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho các đối tượng học sinh tham gia các đội tuyển năng khiếu và học sinh là vận động viên thi đấu đạt giải thể thao thành tích cao.

7. Sở Y tế:

Phối hợp với Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, thể chất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh và đất nước, đặc biệt là công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho vận động viên, đào tạo y, bác sỹ thể thao và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 11438/KH-UBND ngày 08/12/2014 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/04/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch xây dựng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đối với phát triển thể dục thể thao, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực thể dục thể thao. Nghiên cứu mối quan hệ và sự tác động qua lại giữa hoạt động thể dục thể thao với hoạt động của các ngành và lĩnh vực khác.

9. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Trong đó, kết hợp chặt chẽ việc xây dựng công trình văn hóa, thể dục thể thao và các khu vui chơi giải trí ở cấp xã.

10. Sở Thông tin – Truyền thông

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch thông tin truyền thông tôn vinh các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực TDTT. Nắm bắt các thông tin chuyên môn về lực lượng, kỹ năng của đối tượng thi đấu, các thông số kỹ thuật về công tác tuyển chọn, huấn luyện, đào tạo trình độ tiên tiến của thế giới.

11. Sở Công thương

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban quản lý các khu công nghiệp, bố trí mặt bằng trong các khu công nghiệp và đề ra các giải pháp đầu tư trang thiết bị cho tập luyện thể dục thể thao, phù hợp với đặc điểm của từng khu công nghiệp. Xây dựng mạng lưới cửa hàng cung ứng dụng cụ thể dục thể thao từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng nhu cầu tập luyện thể dục thể thao cho mọi đối tượng.

12. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hỗ trợ việc xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các Văn bản pháp lý, phù hợp với những quy định của Trung ương về chế độ chính sách cho các đối tượng tham gia hoạt động thể dục thể thao và các vấn đề trong quan hệ hợp tác Quốc tế về phát triển thể dục thể thao.

13. Lực lượng vũ trang

Xây dựng lực lượng tham gia các giải thể thao của ngành, của tỉnh và quốc gia.

Tổ chức, thực hiện quy hoạch lĩnh vực TDTT của từng ngành.

Hỗ trợ ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn cho các hoạt động TDTT....

14. Các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương, xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền kịp thời các mặt hoạt động thể dục thể thao của tỉnh.

15. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, tổ chức đoàn thể của tỉnh, trên cơ sở Quy hoạch được phê duyệt, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển sự nghiệp thể dục thể thao chung của tỉnh.

16. Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

Phối hợp với Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành chức năng của tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ Quy hoạch 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn; trước mắt lập kế hoạch triển khai xây dựng quy hoạch thể dục thể thao cho địa phương, trên cơ sở đó có kế hoạch quy hoạch đất cho hoạt động thể dục thể thao; huy động các nguồn lực đầu tư về cơ sở vật chất, các công trình thể dục thể thao, trang thiết bị thể dục thể thao. Củng cố và kiện toàn các cơ quan thể dục thể thao cấp huyện, thị xã, thành phố theo tinh thần đổi mới, hướng dẫn cơ sở thành lập các câu lạc bộ. Đẩy mạnh phong trào tập luyện thể dục thể thao trong nhân dân và tổ chức thực hiện các thiết chế thể dục thể thao, chế độ chính sách liên quan đến đào tạo vận động viên trên địa bàn địa phương quản lý. Chỉ đạo các câu lạc bộ thể dục, thể thao, kể cả các doanh nghiệp tư nhân, miễn phí cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khi đến luyện tập thể dục thể thao và vui chơi.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua nghiên cứu hiện trạng TDTT tỉnh Đồng Nai cho thấy bức tranh toàn diện về tất cả các lĩnh vực hoạt động TDTT, có những mặt đạt được, những mặt chưa đạt được, những ưu- khuyết điểm, từ đó đã nêu bật lên những nguyên nhân, những ảnh hưởng đã gây hạn chế trong quá trình phát triển TDTT của tỉnh. Từ những khía cạnh trên, rút ra được những bài học kinh nghiệm cho sự phát triển TDTT của tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn phát triển mới.

Quy hoạch phát triển ngành TDTT tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định rõ những quan điểm, mục tiêu và xây dựng các phương án phát triển, đồng thời đề ra các giải pháp và tổ chức thực hiện. Việc triển khai thực hiện tốt theo quy hoạch được phê duyệt, tỉnh Đồng Nai sẽ trở thành một trong những trung tâm mạnh của cả nước về phát triển thể dục thể thao, góp phần nâng cao sức khỏe, thể trạng, tầm vóc và làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh của nhân dân trong tỉnh, và góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Kiến nghị

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các bộ, ngành chức năng của Trung ương hỗ trợ việc tìm nguồn vốn đầu tư cho tỉnh Đồng Nai được thực hiện các dự án lớn về phát triển thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch đã đề ra. Đồng thời hỗ trợ tỉnh thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển thể dục thể thao.

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ ngành TW sớm ban hành các chính sách đồng bộ và đủ mạnh để thu hút nguồn vốn xã hội hóa phát triển TDTT và mở rộng hợp tác quốc tế về phát triển TDTT./.

**QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH THỂ DỤC, THỂ THAO
TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Số người tập luyện TDTT thường xuyên và hộ gia đình thể thao phân chia theo đơn vị hành chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2005	2010	2011	2012	2013	2014
I	TP. BIÊN HÒA							
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Người	144044	228834	246862	264909	290242	296201
2	Tỷ lệ % so với dân số	%	25,94	41,5	43,25	43,25	42,86	43,74
3	Số hộ gia đình thể thao	Hộ	27987	46428	51.659	51659	64536	65008
4	Tỷ lệ % so với tổng số hộ	%	24,5	32,21	34,16	34,16	39,69	39,98
5	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB		499	523	476	487	510
-	Công lập	CLB		80	80	88	88	90
-	Ngoài công lập	CLB		419	443	388	399	410
II	HUYỆN VĨNH CỬU							
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Người	31000	35848	39810	41815	42993	43854
2	Tỷ lệ % so với dân số	%	27,87	28,57	30,51	31,78	31,97	32,61
3	Số hộ gia đình thể thao	Hộ	4390	6238	6521	6665	7032	7142
4	Tỷ lệ % so với tổng số hộ	%	18,7	23,7	24,04	24,12	24,32	24,7
5	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB	24	34	34	36	40	40
-	Công lập	CLB	2	6	6	6	8	8
-	Ngoài công lập	CLB	22	28	28	30	32	32
III	HUYỆN TÂN PHÚ							
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Người	23800	37483	39140	39140	39140	39821
2	Tỷ lệ % so với dân số	%	14,6	21,99	23	23	23	23,4
3	Số hộ gia đình thể thao	Hộ	5000	6574	6920	6920	6920	7266
4	Tỷ lệ % so với tổng số hộ	%	15	19	20	20	20	21
5	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB	2	6	8	14	14	14

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2005	2010	2011	2012	2013	2014
-	Công lập	CLB	2	6	8	14	14	14
-	Ngoài công lập	CLB	-	-	-	-	-	
IV	HUYỆN ĐỊNH QUÁN							
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Người	20254	68751	28635	25796	76599	77607
2	Tỷ lệ % so với dân số	%	9,1	35,35	37,44	37,88	38	38,5
3	Số hộ gia đình thể thao	Hộ	1900	8167	10345	10345	10759	10845
4	Tỷ lệ % so với tổng số hộ	%	5	19,84	24,48	24,48	25	25,2
5	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB	20	42	45	47	50	53
-	Công lập	CLB	5	20	22	23	25	26
-	Ngoài công lập	CLB	15	22	23	24	25	27
V	HUYỆN XUÂN LỘC							
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Người	35321	68506	88489	87724	92829	91692
2	Tỷ lệ % so với dân số	%	16,5	30	38,71	38,28	39,99	39,5
3	Số hộ gia đình thể thao	Hộ	11285	12579	14299	14602	15917	16009
4	Tỷ lệ % so với tổng số hộ	%	26,80	27,05	30,61	31	32,81	33
5	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB	32	40	49	55	58	61
-	Công lập	CLB	03	03	-	-	-	
-	Ngoài công lập	CLB	29	37	49	55	58	61
VI	TX. LONG KHÁNH							
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Người	47397	54648	58199	61580	62967	63543
2	Tỷ lệ % so với dân số	%	33	36	38	42,64	42,61	43,0
3	Số hộ gia đình thể thao	Hộ	7499	8988	10192	9910	10969	10978
4	Tỷ lệ % so với tổng số hộ	%	27	31	35	35,02	38,27	38,3

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2005	2010	2011	2012	2013	2014
5	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB	12	16	16	20	24	29
-	Công lập	CLB	10	11	11	14	17	21
-	Ngoài công lập	CLB	2	5	5	6	7	8
VII	HUYỆN THỐNG NHẤT							
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Người	39671	49956	52160	53924	55834	56275
2	Tỷ lệ % so với dân số	%	27	34	35,5	36,7	38	38,3
3	Số hộ gia đình thể thao	Hộ						
4	Tỷ lệ % so với tổng số hộ	%	19,2	25,4	27,1	28,7	30	31,1
5	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB	36	65	75	80	83	86
-	Công lập	CLB	9	11	14	15	15	16
-	Ngoài công lập	CLB	27	54	61	65	68	70
VIII	HUYỆN LONG THÀNH							
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Người					71084	73750
2	Tỷ lệ % so với dân số	%					32	33,2
3	Số hộ gia đình thể thao	Hộ					10781	11173
4	Tỷ lệ % so với tổng số hộ	%					22	22,8
5	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB	5	9	10	12	14	15
-	Công lập	CLB	5	5	5	5	5	5
-	Ngoài công lập	CLB	0	4	5	7	9	10
IX	HUYỆN NHƠN TRẠCH							
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Người	30163	35231	42069	49234	51793	53519
2	Tỷ lệ % so với dân số	%	25,1	26,7	31,1	36,4	33	34,1
3	Số hộ gia đình thể thao	Hộ	4973	5822	8063	9438	10096	10754

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2005	2010	2011	2012	2013	2014
4	Tỷ lệ % so với tổng số hộ	%	27	28,3	25,8	30,5	23	24,5
5	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB	13	18	22	24	27	29
-	Công lập	CLB	-	-	-	-	-	
-	Ngoài công lập	CLB	13	18	22	24	27	29
X	HUYỆN TRẮNG BOM							
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Người	71718	81319	85267	87479	90919	94359
2	Tỷ lệ % so với dân số	%	30	33,5	34,7	35,6	37	38,4
3	Số hộ gia đình thể thao	Hộ						
4	Tỷ lệ % so với tổng số hộ	%	17	18,2	19,4	21,3	22,8	23,9
5	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB	51	82	91	94	99	102
-	Công lập	CLB	9	14	16	16	18	19
-	Ngoài công lập	CLB	42	68	75	78	81	83
XI	HUYỆN CẨM MỸ							
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Người	26057	33502	34467	35984	37776	39293
2	Tỷ lệ % so với dân số	%	18,9	24,3	25	26,1	27,4	28,5
3	Số hộ gia đình thể thao	Hộ						
4	Tỷ lệ % so với tổng số hộ	%	14,1	16,3	17,2	18,4	19	19,5
5	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	CLB	30	42	47	54	57	58
-	Công lập	CLB	8	11	12	14	15	15
-	Ngoài công lập	CLB	22	31	35	40	42	43

Phụ lục 2: Số vận động viên thể thao giai đoạn 2005 – 2030

TT	Chỉ tiêu	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2020	2030
1	Bóng đá sân lớn	25	50	50	50	50	80	80	80	80
2	Bơi	6	4	4	7	7	31	34	40	44
3	Bắn súng	0	8	6	6	6	14	19	20	22
4	Câu lông	0	7	7	10	11	29	32	32	35
5	Câu mây	9	12	12	13	13	24	26	30	34
6	Điền kinh	7	7	7	7	7	18	24	30	30
7	Karatedo	12	7	7	8	8	16	21	22	25
8	Taekwondo	12	0	0	0	5	9	16	20	23
9	Vovinam	5	8	8	8	8	18	23	25	30
10	Cử tạ	0	0	0	0	0	10	12	16	18
11	Thê dục thê hình	0	0	0	0	10	40	40	42	50
12	Bóng bàn	6	2	2	4	4	11	15	20	25
13	Bắn cung	0	0	0	0	0	0	3	10	15
14	Boxing	0	4	4	4	4	2	5	15	18
15	Thê dục dưỡng sinh	0	0	0	0	0	20	20	20	20
16	Muay Thái	0	0	0	0	0	2	3	6	10
17	Pencasilat	0	0	0	0	0	0	2	20	20
18	Wushu	0	4	4	3	3	5	7	10	15
19	võ cô truyền	3	5	5	5	12	20	22	24	28
20	Judo	4	0	0	3	3	8	5	10	18
21	Đua thuyền truyền thống	0	0	0	0	0	0	0	18	36
22	Bi sắt	0	0	0	0	0	0	5	8	8
23	Vật	0	0	0	0	0	0	0	6	8
24	Xe đạp	0	0	0	0	0	0	0	8	9
25	Cờ vua	0	0	0	0	0	5	2	8	8
26	Cờ tướng	0	0	0	0	0	0	2	6	8
27	Bida	6	5	4	3	2	2	3	10	14
28	Golf	0	0	0	0	0	0	0	5	5
29	Bóng chuyên	0	0	0	0	0	0	0	14	14
30	Bóng đá Futsal	0	0	0	0	0	0	0	12	12
31	Tennis	4	0	0	0	0	1	2	5	6
32	Thê thao người khuyết tật	0	4	4	4	4	4	6	12	12
	Tổng số	127	143	143	151	173	369	429	604	700

Phụ lục 3: Số lượng huy chương các môn thể thao thành tích cao từ năm 2010 - 2014

STT	MÔN THỂ THAO	Số giải Cấp Quốc Gia			Số giải Cấp Khu vực		
		HCV	HCB	HCD	HCV	HCB	HCD
	NĂM 2010						
1	Điền kinh		1		3	4	4
2	Võ Cổ truyền	2	2	3			
3	Cầu Mây			1			
4	TD Thể hình	7	5	2			
5	Muay	1	1				
6	Vovinam	1	7	7			
7	Bơi lội	7	3	5			
8	Billiards	2			1		
9	Cầu lông			1	4	1	1
10	TD DS	1					
11	Kick- Boxing			1			
12	Bắn súng	1	2	2			
13	Karatedo	1	2	5	7	12	17
14	Wushu	4		3			
15	TTNKT	4	3	4			
16	Tennis			2			
17	Bóng bàn			1	1	1	2
	Tổng	31	26	37	16	18	24
	NĂM 2011						
1	Điền kinh		4	2	2	3	2
2	Võ Cổ truyền	4	5	3			
3	Cầu Mây	2	2				
4	TD Thể hình	9	5	4			
5	Muay						
6	Vovinam	3	1	2			
7	Bơi lội	15	16	16			
8	Billiards	1		1			

STT	MÔN THỂ THAO	Số giải Cấp Quốc Gia			Số giải Cấp Khu vực		
		HCV	HCB	HCD	HCV	HCB	HCD
9	Cầu lông			1	5	3	9
10	TD DS			1			
11	Kick- Boxing	1	1				
12	Bắn súng	3	2	3			
13	Karatedo	1	3	5	2	2	2
14	Wushu	3	3	4			
15	TTNKT	6	4	5			
16	Tennis		1	1			
17	Bóng bàn				2	1	2
	Tổng	48	47	48	11	9	15
	NĂM 2012						
1	Điền kinh			1	5	4	1
2	Võ Cổ truyền	2	3	4	20	17	12
3	Cầu Mây		1	1			
4	TD Thể hình	3	3	5			
5	Muay	1		2			
6	Vovinam	2		4			
7	Bơi lội	11	17	24			
8	Billiards						
9	Cầu lông	2	1	7			
10	TD DS			2			
11	Kick- Boxing		1	1		1	1
12	Bắn súng	1		1			
13	Karatedo			6	4	4	6
14	Wushu	1	2	4			
15	TTNKT						
16	Tennis	3		1			
17	Taekwondo	1	1	2			
	Tổng	27	29	65	29	26	20

STT	MÔN THỂ THAO	Số giải Cấp Quốc Gia			Số giải Cấp Khu vực		
		HCV	HCB	HCD	HCV	HCB	HCD
	NĂM 2013						
1	Điền kinh			1	1	3	2
2	Võ Cổ truyền	1	3	7			
3	Cầu Mây		1	3			
4	TD Thể hình	11	10	10			
5	Muay	1		2			
6	Vovinam		2	5	6	7	7
7	Bơi lội	10	21	16	27	14	12
8	Billiards						
9	Cầu lông		1	2		1	2
10	TD DS			2			
11	Kick- Boxing	2	2	2			
12	Bắn súng	2	1	2			
13	Karatedo		1	5	9	7	5
14	Wushu	3	2	2			
15	TTNKT	7	7	2			
16	Tennis		1	1			
17	Pentanque						
18	Đẩy gậy		1				
19	Taekwondo	4	4	13	1	2	7
20	Đua xe mô tô 125cc		2	3			
21	Bóng đá			1		1	
22	Bóng bàn	2		3		1	
23	Bóng Rổ						
	Tổng	43	59	82	44	36	35

STT	MÔN THỂ THAO	Số giải Cấp Quốc Gia			Số giải Cấp Khu vực		
		HCV	HCB	HCD	HCV	HCB	HCD
	NĂM 2014						
1	Điền kinh	1	2	1	1	0	0
2	Võ Cổ truyền	2	6	4	1	1	3
3	Cầu Mây	2	1	3	0	0	0
4	TD Thể hình	9	8	11	14	11	5
5	Muay	2	0	4	0	0	3
6	Vovinam	3	9	10	4	8	4
7	Bơi lội	19	29	20	0	0	0
8	Billiards	0	0	0	0	0	0
9	Cầu lông	0	2	7	0	1	0
10	TD DS	1	1	4	0	0	0
11	Kick- Boxing	2	3	2	0	0	0
12	Bắn súng	5	4	3	0	0	0
13	Karatedo	1	1	1	2	2	6
14	Wushu	3	3	8	0	0	0
15	TTNKT	4	7	7	0	0	0
16	Tennis	1	0	3	0	0	0
17	Pentanque	0	0	0	0	0	0
18	Đẩy gậy	0	0	0	0	0	0
19	Taekwondo	3	0	5	1	1	4
20	Đua xe mô tô 125cc	0	2	1	0	2	0
21	Bóng đá	0	1	1	0	1	0
22	Bóng bàn	8	2	5	5	7	12
23	Judo	0	0	2	0	0	0
24	Bóng Rổ	0	0	0	0	0	0
25	Cờ vua	3	1	4	6	5	3
	Tổng	62	79	103	34	39	40

Phụ lục 4: Số giáo viên và huấn luyện viên thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh, phân chia theo huyện năm 2014

STT	Hạng mục	Chia theo trình độ				Tổng
		Đại Học	Cao Đẳng	Trung cấp	Trình độ khác	
1	Thành phố biên Hòa	77	50	0	111	238
-	Bóng đá	10	5		15	30
-	Điền kinh	40	40		0	80
-	Bơi	6	0		9	15
-	Cờ vua	3	0		5	8
-	Karatedo	10	0		15	25
-	Taekwondo	8	5		67	80
2	Huyện Vĩnh Cửu	69			13	82
-	Bóng đá	10				10
-	Điền kinh	20				20
-	Bơi	1				1
-	Vovinam				2	2
-	Pencatsilat				1	1
-	Karatedo	12				12
-	Taekwondo	16				16
-	Võ cổ truyền				10	10
-	Bóng chuyền	10				10
3	Huyện Tân Phú	4				4
-	Bóng đá	1				1
-	Taewondo	1				1
-	Vovinam	1				1
-	Cầu lông	1				1
4	Huyện Nhơn Trạch	1	1		14	16
-	Bóng đá	1	1			2
-	karatedo				2	2

STT	Hạng mục	Chia theo trình độ				Tổng
		Đại Học	Cao Đẳng	Trung cấp	Trình độ khác	
-	Taewondo				5	5
-	Vovinam				7	7
5	Huyện Xuân Lộc	71	33	07	25 (kiêm nhiệm)	136
-	Bóng đá	20				20
-	Điền kinh	26	33	07		66
-	Bơi					0
-	Cờ vua					0
-	Judo					0
-	Karatedo					0
-	Taekwondo	2				2
-	Bóng chuyền	22				22
-	Cầu lông	01				1
6	Huyện Định Quán	70	25	0	8	103
-	Bóng đá	7	0	0		7
-	Điền kinh	5	0			5
-	Taekwondo	2	0		4 HLV	6
-	Cô truyền	1	0		4 HLV	5
-	Sư phạm TDTT	55	25			80
7	Thị xã Long Khánh	29	74	81	40	224
-	Bóng đá	6	16	30		52
-	Điền kinh	12	30			42
-	Bơi lội	6	12	4	4	26
-	Cờ vua		5	25		30
-	Karatedo	1	3	6	10	20
-	Taekwondo	2	3	4	8	17
-	Vovinam	1	3	8	10	22
-	Võ cổ truyền	1	2	4	8	15

STT	Hạng mục	Chia theo trình độ				Tổng
		Đại Học	Cao Đẳng	Trung cấp	Trình độ khác	
8	Huyện Long Thành	68	23	02	21 HLV	114
-	Bóng đá				3	3
-	Bơi				1	1
-	Vovinam				4	4
-	Võ cổ truyền				4	4
-	Karatedo				4	4
-	Taekwondo				6	6
-	Giáo viên TDTT	68	23	02		93
9	Huyện Thống Nhất	5		2		7
-	Bóng đá	3		2		5
-	Điền Kinh	1				1
-	Karatedo	1				1
10	Huyện Trảng Bom	65	50			115
-	Bóng đá		2			2
-	Điền kinh	3				3
-	Karatedo	3				3
-	Taekwondo	2				2
-	Võ cổ truyền		7			7
-	Vovinam		3			3
-	Cầu lông		1			1
-	Các môn khác	57	37			94
11	Huyện Cẩm Mỹ	6				6
-	Bóng đá	2				2
-	Điền kinh	3				3
-	Karatedo	1				1
	Tổng số	406	206	93	232	937

Phụ lục 5: Kế hoạch đào tạo vận động viên; thành tích huy chương tại các giải thi đấu các nhóm tuổi, trẻ quốc gia, khu vực và số lượng huấn luyện viên giai đoạn 2015-2030 của Trường Phổ thông năng khiếu Thể thao.

TT	Môn	2015			2020		2030		
		Nhóm 1	Số VĐV	Huy chương	Huấn luyện viên	Số VĐV	Huy chương	Số VĐV	Huy chương
1	Bóng đá	25	0	4	30	1	30	0	4
2	Bơi	25	20	4	30	30	37	35	6
3	Bắn súng	12	5	1	15	5	20	6	4
4	Cầu lông	15	4	1	20	6	25	6	4
5	Cầu mây	12	1	2	24	3	24	3	4
6	Điền kinh	15	5	2	30	8	35	15	5
7	Karatedo	12	3	2	25	8	25	10	3
8	Taekwondo	10	2		20	6	25	10	2
9	Vovinam	14	4	1	20	8	28	12	4
	Nhóm 2								
10	Bóng bàn	10	1	2	15	3	15	4	3
11	Bắn cung	0			15	2	15	4	3
12	Boxing	0			15	4	15	8	2
13	Canoeing	0			12	2	12	5	3
14	Muay	0			15	4	15	8	2
15	Pencasilat	0			15	3	15	6	2
16	Lặn	0			15	3	15	10	2
17	Wushu	0			15	6	20	8	2
18	Võ cổ truyền	0			14	5	14	10	2
19	Judo	0	1		15	6	15	10	2
	Tổng cộng	150	45 (8V-16B-19Đ)	20 (1HĐ- 2ĐT-14 ĐH-2SDH)	360	114 (20V-37B-57Đ)	400	170 (30V-53B-87Đ)	61 10HĐ-31ĐH-20SDH

Phụ lục 6: Phát triển vận động viên và số huy chương thể thao đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu	Số Vận động viên				Số huy chương			
		2014	2015	2020	2030	2014	2015	2020	2030
1	Bóng đá sân lớn	80	80	90	98	0	1	2	2
2	Bơi	31	34	45	50	75	50	70	100
3	Bắn súng	14	19	20	22	12	12	13	15
4	Cầu lông	29	30	31	36	10	13	15	22
5	Cầu mây	24	26	30	34	7	8	9	10
6	Điền kinh	18	24	30	35	11	15	21	30
7	Karatedo	16	21	22	25	17	30	30	35
8	Taekwondo	9	16	20	24	8	30	32	35
9	Vovinam	18	23	26	30	41	42	43	45
10	Cử tạ	10	10	17	20	3	3	5	5
11	Thể dục thể hình	40	40	45	50	68	68	68	71
12	Bóng bàn	11	15	23	30	20	20	25	30
13	Bắn cung	0	3	20	25	0	0	2	3
14	Boxing	2	5	15	18	6	6	8	11
15	Canoing	0	4	8	12	0	0	2	2
16	Muay Thái	2	4	7	10	9	10	12	14
17	Pencasilat	0	5	20	20	0	2	7	10
18	Lân	0	30	35	35		0	1	1
19	Wushu	5	7	15	20	15	16	18	19
20	Võ cổ truyền	20	22	24	28	23	24	26	31

21	Judo	8	5	10	18	2	3	7	12
22	Đua thuyền truyền thống	0	0	18	36	0	0	1	2
23	Bi sắt	0	5	8	8	0	1	2	3
24	Vật	0	0	6	8	0	0	7	10
25	Xe đạp	0	0	8	9	0	0	2	3
26	Cờ vua	5	5	8	8	16	1	2	3
27	Cờ tướng	0	2	6	8	0	0	2	2
28	Bi da	2	3	10	15	0	1	2	3
29	Golf	0	0	5	5	0	0	2	2
30	Bóng chuyền	0	0	12	14	0	0	1	1
31	Bóng đá Futsal	0	0	12	12	0	0	1	1
32	Bơi nghệ thuật	0	0	6	8	0	0	1	2
33	Tennis	1	2	5	6	3	4	6	7
34	Bóng nước		0	12	12	0	0	1	1
35	Thể thao người khuyết tật	4	6	12	12	18	19	23	26
36	Bóng rổ	0	0	4	6	0	0	2	2
	Tổng số	369	446	685	807	370	379	471	571

Phụ lục 7: Danh mục dự án đầu tư phát triển TDTT trong thời kỳ quy hoạch

STT	Tên dự án	Qui mô, năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Nguồn vốn ngân sách	Vốn dân + nguồn khác	Phân kỳ đầu tư	
			(tỷ đồng)			2015- 2020	2021- 2030
	Tổng số		2.361,5	1.828,3	533,2	898	1.463,5
A	CÔNG TRÌNH NGÀNH THỂ DỤC THỂ THAO QUẢN LÝ		2.287,5	1.754,3	533,2	860	1.427,5
I	Công trình cấp tỉnh		1.521,2	1.225	296,2	440,7	1.080,5
1	Khu liên hợp thể dục thể thao, Phường Tân Hiệp	43,75 ha	320	260	60	128	192
2	Trung tâm thể dục thể thao, Xã Phước Tân	140 ha	450	360	90	120	330
3	Sửa chữa Nhà thi đấu TDTT+Trường bắn súng	Nhà, có KĐ	1,2	1	0,2	0,7	0,5
4	Trung tâm thi đấu thể thao, Xã Phước Khánh	100 ha	570	460	110	228	342
5	Xây dựng trường PTNKTT + các khu chức năng	Đào tạo 500 VĐV	180	144	36	72	108
II	Công trình cấp huyện		501,3	370,3	131	223,3	278
5	Khu văn hóa TDTT	9 huyện+TX, TP	320	224	96	105	215
6	Các công trình thể thao khác		95	60	35	32	63
7	Nhà thi đấu đa năng huyện Định Quán		86,3	86,3		86,3	
III	Công trình cấp xã		265	159	106	196	69
8	Khu văn hóa thể dục thể thao xã	171 xã	205	123	82	154	51
9	Các công trình thể thao khác trên địa bàn xã		60	36	24	42	18
B	CÔNG TRÌNH TDTT THUỘC CÁC NGÀNH KHÁC		74	74	0	38	36
*	Cảnh sát PC & CC		25	25	0	25	0
1	Trường bắn	01 trường	1	1		1	
2	Nhà thi đấu đa năng	01 nhà	15	15		15	
3	Sân bóng đá mini	4 sân	2	2		2	
4	Sân tennis	4 sân	1,2	1,2		1,2	

5	Sân cầu lông	10 sân	0,4	0,4		0,4	
6	Bể bơi	01 bể	5	5		5	
7	Sân bóng chuyền	5 sân	0,4	0,4		0,4	
*	Công an Tỉnh		49	49	0	13,04	35,96
8	Sân bóng đá tập luyện, không khán đài	128*94m	10,8	10,8		10,8	
9	Đường chạy vòng	400m	2,24	2,24		2,24	
10	02 sân tennis	02*40*20m	8,02	8,02			8,02
11	Bể bơi	50*26m	18,38	18,38			18,38
12	Nhà thi đấu đa năng	1000 chỗ ngồi	9,56	9,56			9,56

Ghi chú:

- Danh mục dự án đầu tư nói trên chưa bao gồm vốn các công trình cấp quốc gia đầu tư trên địa bàn:
 - + Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng mới cơ sở II, với mức kinh phí đầu tư 200 tỷ đồng chia ra 2 giai đoạn: giai đoạn 2014 - 2015 đầu tư 100 tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 đầu tư 100 tỷ đồng.
 - + Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao và quân sự vũ trang loại 1 tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành, với mức kinh phí đầu tư là 142 tỷ đồng chia ra 2 giai đoạn: giai đoạn 2014 - 2015 đầu tư 75 tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 đầu tư 67 tỷ đồng.
- Khu liên hợp TDTT Tỉnh:
 - + Giai đoạn 2015 - 2020: Xây dựng hạng mục hồ bơi, trường bắn, sân bóng đá phụ, xây dựng hạ tầng kỹ thuật.
 - + Giai đoạn 2021 - 2030: Hoàn thành khu liên hợp: Nhà thi đấu, nhà tập các môn bóng, thể hình, thể dục nghệ thuật, võ thuật, khu sân tập luyện ngoài trời, khu làm việc...
- Trung tâm TDTT:
 - + Giai đoạn 2015 - 2020: Sửa chữa nhà thi đấu.
 - + Giai đoạn 2021 - 2030: hoàn thành Trường bắn súng và nâng cấp các hạng mục công trình đã xuống cấp.
- Trung tâm thi đấu thể thao:
 - + Giai đoạn 2015 - 2020: Hoàn thành quy hoạch chi tiết, khu làm việc, có 1 - 2 công trình đưa vào hoạt động (Sân vận động, nhà thi đấu).
 - + Giai đoạn 2021 - 2030: Hoàn thành các hạng mục công trình còn lại.
- Khu văn hóa TDTT tổng hợp cấp huyện gồm các công trình chủ yếu: Sân vận động; nhà tập luyện, thi đấu thể thao; hồ bơi; sân tập luyện theo môn.
- Khu văn hóa TDTT tổng hợp cấp xã gồm các công trình chủ yếu: Sân vận động, nhà tập luyện, hồ bơi.

**Phụ lục 8: Các thiết chế cơ bản của ngành thể dục thể thao và quy mô cơ sở vật chất
Cấp xã, phường, thị trấn**

Thiết chế	Cấp quản lý	Chức năng	Cơ sở vật chất			Ghi chú
			I	II	III	
1. Trung tâm thể thao	Phường, xã, thị trấn	Cơ sở tập luyện diễn tập, biểu diễn thi đấu TDTT để giải trí tăng cường sức khỏe cho nhân dân.	- Sân thể thao giải trí: 800 - 1000 m ² - 04 sân bóng đá mini. - 04 sân bóng chuyền. - 04 sân cầu lông, đá cầu.	- Như loại cấp I - Nhà tập hoặc sân tập có mái che. - Bể bơi đơn giản.		+ Diện tích đất: - Loại cấp I: 0,5 ha - Loại cấp II: 1ha + Định mức đầu tư - Loại cấp I: 200 tỷ đồng - Loại cấp II: 4-5 tỷ đồng + Cơ chế vận hành: Phúc lợi công cộng + Các điều khoản khác trong cơ cấu thiết chế sẽ được quy định trong chi tiết quy hoạch
2. Sân chơi thể thao giải trí	Phường, xã, thị trấn	Cơ sở tập luyện thể thao giải trí của từng cụm dân cư hoặc sân chơi cho trẻ em.	- Sân nền xi măng rộng 800 - 1000 m ² - 1 số trò chơi trẻ em - Có 1 - 2 sân cầu long - Sân bóng đá mini - Sân bóng chuyền - Có 10 - 12 ghế ngồi bằng xi măng			+ Diện tích đất: 1 ha + Định mức đầu tư: khoảng 100 triệu. + Cơ chế vận hành: Phúc lợi công cộng. + Không quy định các mục khác trong cơ cấu thiết chế.

CẤP HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

Thiết chế	Cấp quản lý	Chức năng	Cơ sở vật chất			Ghi chú
			I	II	III	
1.Trung tâm (CLB) thể thao đơn môn	Huyện, thị xã, thành phố	Đào tạo năng khiếu thể thao kết hợp với dịch vụ tập luyện ở 1 môn thể thao.	<ul style="list-style-type: none"> - Một nhà tập - 1 sân tập xi măng rộng 300m². - Thiết bị dụng cụ tập luyện phổ thông. 			<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất: 1,5 ha. + Định mức đầu tư: 10 - 12 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: Thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao kết hợp mở rộng dịch vụ tập luyện. + Các điều khoản khác trong cơ cấu thiết chế sẽ quy định sau.
2.Trung tâm (CLB) thể thao đa môn	Huyện, thị xã, thành phố	Đào tạo năng khiếu thể thao kết hợp với dịch vụ tập luyện ở 1 số môn thể thao.	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 nhà tập (tiêu chuẩn tối thiểu) hay nhà tập cao tầng. - Sân tập nhip điệu, võ thuật. - 2 sân cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ. - Thiết bị dụng cụ tập luyện phổ thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3-4 nhà tập - 1 Nhà cao tầng (từ 3 tầng). - 2-4 sân tennis và 1 nhà tập hoặc bể bơi. - Sân tập nhip điệu, võ thuật. - Hệ thống sân tập ngoài trời (bóng đá, cầu lông). - Thiết bị dụng cụ tập luyện phổ thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thi đấu 1500 chỗ ngồi. - Sân tập nhip điệu, võ thuật. - 1 số sân khởi động, tập luyện ngoài trời. - Thiết bị dụng cụ tập luyện phổ thông và đảm bảo thi đấu quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất: - Loại cấp I: 2 ha - Loại cấp II: 3ha - Loại cấp III: 3,5ha. + Định mức đầu tư - Loại cấp I: 18-20 tỷ đồng - Loại cấp II: 25 tỷ đồng - Loại cấp III: 35-40 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: Thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao kết hợp mở rộng dịch vụ tập luyện, biểu diễn, thi đấu. + Các điều khoản khác

						trong thiết chế sẽ quy định sau.
3.CLB thể thao dưới nước	Huyện, thị xã, thành phố	Đào tạo năng khiếu bơi lội kết hợp dịch vụ, tập luyện, tổ chức thi đấu cấp tỉnh, thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - 1 bể bơi (kèm thao bể vầy). - Thiết bị dụng cụ thi đấu kèm theo. - Phòng tập thể lực. - Nhà vệ sinh, phòng tắm, phòng thay đồ. 			<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất: 1,5 ha. + Định mức đầu tư: 18-20 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: Thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao kết hợp với dịch vụ tập luyện bơi lội. + Các điều khoản khác trong cơ cấu thiết chế sẽ quy định sau.

CẤP TỈNH

Thiết chế	Cấp quản lý	Chức năng	Cơ sở vật chất			Ghi chú
			I	II	III	
1.Khu liên hợp thể thao tỉnh	Sở VHTTDL	Phục vụ thể thao thành tích cao, thực hiện dịch vụ thể thao các cấp, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, huấn luyện viên.	<ul style="list-style-type: none"> - 1 SVĐ (bóng đá, điền kinh) khán đài dưới 10.000 chỗ ngồi. - 1-2 sân tập luyện bóng đá - 3-4 nhà tập hoặc 1 nhà tập cao tầng (3,4 tầng). - Hệ thống sân tập ngoài trời (cầu lông, bóng chày, bóng rổ) - Bể bơi (ngoài trời hoặc trong nhà). - Thiết bị, dụng cụ kèm theo. - Khu nhà ở, học tập của VĐV. - Nhà ăn, căng tin. - TT y học thể thao. 	<ul style="list-style-type: none"> - SVĐ (bóng đá, điền kinh) khán đài dưới 20.000 30.000 chỗ ngồi. - 1-2 sân tập luyện bóng đá(1 sân để khởi động thi đấu điền kinh) 3-4 nhà tập hoặc 1 nhà tập cao tầng (3, 4 tầng). - 1 nhà thi đấu tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế khán đài từ 3-4 ngàn chỗ. - Trường bắn - 1 sân tập golf - 1 nhà tập luyện thi đấu bowling. - Khu thể thao dưới nước (bơi lội, nhảy cầu) khán đài 3 ngàn chỗ ngồi. - Khu thi đấu tennis tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế khán đài dưới 3 ngàn chỗ ngồi. - Có 6-8 sân tennis. - Nhà thi đấu điền kinh. - Khu nhà ở, học tập của VĐV. - TT y học thể thao. - Khách sạn thể thao. 		<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất: - Loại cấp I: 20-25 ha. - Loại cấp II: 40-50 ha. + Định mức đầu tư - Loại cấp I: 400-500 tỷ đồng - Loại cấp II: 800-900 tỷ đồng + Cơ chế vận hành: Thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao kết hợp mở rộng dịch vụ thể thao cao cấp. + Các điều khoản khác trong thiết chế sẽ quy định sau.
2.Trung tâm TDTT Tỉnh	Sở VHTTDL	Đào tạo năng khiếu thể thao kết hợp dịch vụ tập luyện thi đấu thể thao cấp tỉnh thành.	Tương đương khu liên hợp thể thao tỉnh thành loại cấp I.			<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất: 20-25 ha. + Định mức đầu tư: 300-400 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: Thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao kết hợp với mở rộng dịch vụ tập luyện thi đấu thể thao. + Các điều khoản khác

						trong cơ cấu thiết chế sẽ quy định sau.
3. Sân vận động	Sở VHTTDL	Cơ sở thi đấu bóng đá, điền kinh cấp quốc gia, quốc tế. Nơi tổ chức các hoạt động biểu diễn văn hóa, thể thao quốc gia, quốc tế, lễ khai mạc các Đại hội thể thao lớn	<ul style="list-style-type: none"> - SVĐ có khán đài 20-40 ngàn chỗ ngồi. - Có mặt sân, dàn đèn theo tiêu chuẩn quốc gia. - Có sân điền kinh tiêu chuẩn thi đấu cấp tỉnh. - Có 1 sân bóng đá tập luyện, khởi động. - Có đủ phòng làm việc theo yêu cầu tổ chức bóng đá điền kinh. - Thiết bị dụng cụ kèm theo. 	<ul style="list-style-type: none"> - SVĐ có khán đài 20-40 ngàn chỗ ngồi. - Có mặt sân, dàn đèn theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế. - Có sân điền kinh tiêu chuẩn thi đấu quốc gia, quốc tế (mặt sân, phòng trọng tài, hệ thống điện và cáp quang đo lường, thông tin thành tích thi đấu). - Có 1 sân khởi động bóng đá, điền kinh. - Có đủ phòng làm việc theo yêu cầu tổ chức bóng đá điền kinh. Thiết bị dụng cụ kèm theo. 		<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất: - Loại cấp I: 20-25 ha. - Loại cấp II: 30-35 ha. + Định mức đầu tư - Loại cấp I: 250-300 tỷ đồng - Loại cấp II: 400-500 tỷ đồng + Cơ chế vận hành: Dịch vụ công cộng, có kết hợp thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao. + Các điều khoản khác trong thiết chế sẽ quy định sau
4. Nhà thi đấu thể thao tỉnh	Sở VHTTDL	Cơ sở đào tạo bồi dưỡng cán bộ TDTT, đào tạo năng khiếu thể thao.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thi đấu từ 2-3 ngàn chỗ ngồi. - Tiêu chuẩn thi đấu quốc gia, quốc tế các môn: bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, võ vật, bóng đá, mini, TDDC... - Phòng khởi động, phòng thay đồ. - Khu vệ sinh. - Có đủ phòng làm việc cho BTC. - Bãi đậu xe ô tô, xe máy. - Thiết bị, dụng cụ, lớp phủ sàn theo tiêu chuẩn quốc tế của từng môn. 			<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất: 5-7 ha. + Định mức đầu tư: 100-110 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: Thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao kết hợp với mở rộng dịch vụ tổ chức thi đấu biểu diễn. + Các điều khoản khác trong cơ cấu thiết chế sẽ quy định sau.
5. Trường PTNKTT	Sở VHTTDL	Cơ sở luyện tập, tổ chức thi đấu cấp quốc gia, quốc tế 1 số môn thể thao	<ul style="list-style-type: none"> - SVĐ (bóng đá, điền kinh) dùng để tập luyện. - 3-4 nhà tập hoặc 1 nhà tập 3 tầng. - 1 bể bơi - Hệ thống sân tập ngoài trời cho các môn: võ thuật, thể dục nhịp điệu, 			<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất: 18-20 ha. + Định mức đầu tư: 160-180 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: Sự nghiệp nhà nước. + Các điều khoản khác

			<p>đá cầu, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu hành chính, ăn ở của học sinh. - Phòng y tế - Khu giảng đường, hội trường. - Các thiết bị dụng cụ, công trình. 			trong cơ cấu thiết chế sẽ quy định sau.
6. CLB Bóng đá chuyên nghiệp, hạng nhất quốc gia.	Cấp tỉnh thành quản lý câu lạc bộ ở hình thức cổ phần hoặc tư nhân	Kinh doanh dịch vụ thi đấu bóng đá và các ngành hàng có liên quan. Là đại diện cho bóng đá thành tích cao của tỉnh, thành, mang thương hiệu tỉnh, thành; là thành viên của LĐBĐVN.	<ul style="list-style-type: none"> - 1 Sân vận động. - 1-2 sân tập bóng đá - Nhà ở, nhà ăn. - Khu hành chính - Trung tâm y học thể thao. - Khách sạn thể thao - Các thiết bị dụng cụ trong công trình. 			<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất: 4 ha. + Định mức đầu tư: 80 tỷ đồng.(không kể SVĐ) + Cơ chế vận hành: Doanh nghiệp + Các điều khoản khác trong cơ cấu thiết chế sẽ quy định sau.
7. CLB thể thao dưới nước tỉnh	Sở VH TTDL	Đào tạo VĐV năng khiếu môn bơi lội (có thể thêm môn nhảy cầu, bóng nước, bơi nghệ thuật, lặn).	<ul style="list-style-type: none"> - 1 bể bơi tổ chức thi đấu bơi lội, bóng nước, bơi nghệ thuật, lặn cấp quốc gia, có khán đài 500 chỗ ngồi. - 1 bể nhảy cầu đảm bảo tiêu chuẩn thi đấu cấp quốc gia. Tiêu chuẩn thiết kế. - Phòng tập thể lực. - Đảm bảo điều kiện vệ sinh, thay quần áo, phòng y tế. - Đảm bảo điều kiện làm việc của BTC thi đấu. - Các thiết bị dụng cụ CT 			<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất: 2-3 ha. + Định mức đầu tư: 25 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: Thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao, kết hợp dịch vụ tập luyện. + Các điều khoản khác trong cơ cấu thiết chế sẽ quy định sau.

NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thiết chế	Cấp quản lý	Chức năng	Cơ sở vật chất			Ghi chú
			I	II	III	
1. Phòng tập hoặc sân tập TD của trường mẫu giáo	Trường Mẫu Giáo	Nơi tập thể dục, vũ đạo, trò chơi vận động và giải trí của học sinh mẫu giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng tập hoặc sân tập (có mái che hoặc không có mái che) diện tích khoảng: 150-200 m² - Sàn phòng tập hoặc sàn tập phủ bằng gỗ hoặc cao su tổng hợp. - Bóng, vòng và một số dụng cụ trò chơi. 			<ul style="list-style-type: none"> + Định mức đầu tư: 80 triệu đồng. + Cơ chế vận hành: Sự nghiệp giáo dục- thể dục thể thao. + Không quy định về các khoản trong thiết chế.
2. CLB thể dục thể thao của trường tiểu học	Trường Tiểu học	Đảm bảo tốt dạy thể dục nội khóa, kết hợp tổ chức tập luyện, thi đấu thể dục thể thao ngoại khóa; tổ chức tốt đội tuyển thể thao trong nhà trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Sân tập 300 -400m² có thể tập đi bộ, chạy chậm vì sức khỏe, thể dục tay không, thể dục nhịp điệu, võ thể dục, vũ đạo thể thao, trò chơi vận động. Mặt sàn phủ xi măng. - Xung quanh sân có số ít thiết bị dụng cụ trò chơi thích hợp cho học sinh tiểu học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sân tập 600 - 800m² - Xung quanh sân có trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ trò chơi vận động đa năng. - Có 1-2 sân bóng đá mini 5*5 hoặc 7*7 - Có 1-2 sân bóng đá mini 5*5 hoặc 7*7 	<ul style="list-style-type: none"> - Sân tập 800 -1000m² - Xung quanh sân có trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ trò chơi vận động đa năng. - Có 1-2 sân bóng đá mini 5*5 hoặc 7*7 - 1 sân tập có mái che hoặc 1 nhà tập tiêu chuẩn quốc tế - 1 bể bơi đơn giản cho vùng không có mùa đông (có hoặc không có) 	<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất - Loại I: 400 m². - Loại II: 1000 m². - Loại III: 2000 m². + Định mức đầu tư: - Loại I: 20 Triệu đồng. - Loại II: 100 triệu đồng. - Loại III: 2,5 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: Sự nghiệp giáo dục, trường tự quản, kết hợp với sự hỗ trợ của xã hội. + Các điều khoản khác trong cơ cấu thiết

						chế sẽ quy định sau.
3.CLB thể dục thể thao của trường THCS	Trường THCS	Đảm bảo tốt dạy thể dục nội khóa, kết hợp tổ chức tập luyện, thi đấu thể dục thể thao ngoại khóa; tổ chức tốt đội tuyển thể thao trong nhà trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Sân tập 300 -400m² có thể tập đi bộ, chạy chậm vì sức khỏe, thể dục tay không, thể dục nhịp điệu, võ thể dục, vũ đạo thể thao, trò chơi vận động. Mặt sân phủ xi măng. - Xung quanh sân có số ít thiết bị dụng cụ trò chơi thích hợp cho học sinh THCS. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sân tập 600 - 800m² (sàn phủ xi măng). - Có 2-3 sân bóng đá mini 5*5 hoặc 7*7 	<ul style="list-style-type: none"> - Sân tập 800 -1000m² (sàn phủ xi măng). - Có 2-3 sân bóng đá mini 5*5 hoặc 7*7 - 1 sân tập có mái che hoặc 1 nhà tập - 1 bể bơi đơn giản cho vùng không có mùa đông (có hoặc không có). Có thể xây dựng nhà tập 2 tầng, tầng dưới là bể bơi - 2 sân cầu lông. 	<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất - Loại I: 800 m². - Loại II: 1500 m². - Loại III: 3000 m². + Định mức đầu tư: - Loại I: 50 Triệu đồng. - Loại II: 150 triệu đồng. - Loại III: 2,5 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: Sự nghiệp giáo dục, trường tự quản, kết hợp với sự hỗ trợ của xã hội. + Các điều khoản khác trong cơ cấu thiết chế sẽ quy định sau.
4.CLB thể dục thể thao của trường THPT	Trường THPT	Đảm bảo tốt dạy thể dục nội khóa, kết hợp tổ chức tập luyện, thi đấu thể dục thể thao ngoại khóa; tổ chức tốt đội tuyển thể thao trong nhà trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Sân tập 300 -400m² có thể tập đi bộ, chạy chậm vì sức khỏe, thể dục tay không, thể dục nhịp điệu, võ thể dục, vũ đạo thể thao, trò chơi vận động. Mặt sân phủ xi măng. - Xung quanh sân có số ít thiết bị dụng cụ trò chơi thích hợp cho học sinh THPT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sân tập 600 - 800m² (sàn phủ xi măng). - Có 2-3 sân bóng đá mini 5*5 hoặc 7*7. - 2 sân tập cầu lông 	<ul style="list-style-type: none"> - Sân vận động có thể tập luyện, thi đấu bóng đá kích thước 70*100m; có thể tập điền kinh với đường chạy thẳng 60m. - Có 1 sân bóng đá mini 5*5 hoặc 7*7. - 1 sân tập có mái che hoặc nhà tập. - 1 bể bơi (có hoặc không có) - 2 sân bóng rổ hoặc bóng chuyên, cầu long. 	<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất - Loại I: 500 m². - Loại II: 1500 m². - Loại III: 0,5 ha. + Định mức đầu tư: - Loại I: 50 Triệu đồng. - Loại II: 200 triệu đồng. - Loại III: 3 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: Sự nghiệp giáo dục, trường tự quản, kết

					- 1 sân tập 400-600m ² cho thể dục nhịp điệu, võ thể dục, võ đạo thể thao.	hợp với sự hỗ trợ của xã hội. + Các điều khoản khác trong cơ cấu thiết chế sẽ quy định sau.
5. CLB thể dục thể thao của trường ĐH, CĐ, DN	Trường ĐH, CĐ, DN	Đảm bảo tốt dạy thể dục nội khóa, kết hợp tổ chức tập luyện, thi đấu thể dục thể thao ngoại khóa; tổ chức tốt đội tuyển thể thao trong nhà trường.	- Sân tập có thể tập thể dục tay không, thể dục nhịp điệu, võ thuật, một số môn điền kinh phổ thông. - 2 sân cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ hoặc bóng đá mini.	- Sân vận động cho bóng đá, điền kinh. - 1-2 nhà thi đấu cấp thấp hoặc nhà tập. - 2-4 sân cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ hoặc bóng đá mini. - 1 bể bơi		+ Diện tích đất - Loại I: 0,5 ha. - Loại II: 1,5 ha. + Định mức đầu tư: - Loại I: 400 Triệu đồng. - Loại II: 3-4 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: Doanh nghiệp. + Các điều khoản khác trong cơ cấu thiết chế sẽ quy định sau.
6. Trường phổ thông năng khiếu thể thao	Sở Giáo dục - Đào tạo + Sở VHTTDL	Đào tạo vận động viên năng khiếu thể thao kết hợp với giáo dục văn hóa phổ thông.	- Sân vận động. - Sân bóng đá mini, sân bóng đá lớn đủ kích thước tiêu chuẩn. - 2-4 sân bóng chuyền, tennis, cầu lông...(tùy môn thể thao đào tạo). - Nhà tập cao tầng (3-5 tầng); nếu có đào tạo bơi lội, cần có bể bơi 25m ở tầng dưới.			+ Cơ sở vật chất tùy theo số môn đào tạo để xây dựng. + Diện tích đất: 1-1,5 ha. + Định mức đầu tư: 15-20 tỷ đồng. + Cơ chế vận hành: sự nghiệp giáo dục- đào tạo, trường tự quản. + Các điều khoản khác trong cơ cấu thiết chế sẽ quy định sau.

**Phụ lục 9: Danh mục dự án, công trình sử dụng đất
phát triển thể dục thể thao.**

(Kèm theo Công văn số 2918/STNMT-QH ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Diện tích công trình
*	Huyện Vĩnh Cửu	
1	Sân bóng đá Xã Thạnh Phú	0,5 ha
2	Sân bóng đá Xã Bình Lợi	2,0 ha
3	Sân thể thao của 5 ấp xã Bình Lợi	1,4 ha
4	Sân thể thao của 2 ấp xã Bình Hòa	0,4 ha
5	Sân thể thao của 2 ấp xã Hiếu Liêm	2,45 ha
6	Sân thể thao của 9 ấp xã Phú Lý	2,39 ha
7	Sân thể thao của 2 ấp xã Mã Đà	0,45 ha
8	Sân thể thao của 2 ấp xã Thạnh Phú	0,4 ha
9	Sân thể thao của 3 ấp xã Thiện Tân	1 ha
10	Sân thể thao của 7 ấp xã Tân An	2,75 ha
11	Mở rộng sân bóng đá Ấp Bình Ý	1,2 ha
12	Sân thể thao của 3 ấp xã Tân Bình	0,65 ha
13	Sân bóng đá ấp Bình Lục, Tân Bình	1,0 ha
14	Sân thể thao 2 ấp, Trị An	1,7 ha
15	Sân thể thao 7 ấp, Vĩnh An	2,82 ha
16	Sân thể thao 6 ấp, Vĩnh Tân	2,65 ha
17	Sân bóng xã Vĩnh Tân	1,2 ha
18	Sân vận động Huyện, TT. Vĩnh An	5 ha
*	Thành Phố Biên Hòa	
19	Sân vận động xã Phước Tân	1,44 ha
20	Sân bóng Phường Long Bình Tân	1,02 ha
21	Sân bãi tập luyện TDTT, khu vui chơi trẻ em xã Tam Phước	0,66 ha
22	Sân bóng đá phường Bình Đa	1,12 ha
23	Khu thể thao tại phường Tân Biên	2,0 ha
24	Sân vận động An Hòa	0,96 ha
25	Sân TDTT khu dân cư An Bình	0,94 ha
26	Sân vận động Tỉnh, Tân Hiệp	32,52 ha
*	Huyện Thống Nhất	

27	Khu TDTT 3 xã	5,6 ha
27	Sân bóng đá xã Bàu Hàm 2	1,2 ha
29	Khu thể thao xã Gia Tân 1	1,2ha
30	Sân Bóng đá Lộ 25	1,5 ha
31	Sân vận động Lạc Sơn	1,19 ha
32	Trung tâm TDTT Huyện	8 ha
*	Huyện Cẩm Mỹ	
33	Khu TDTT 3 xã	4,4ha
34	Sân bóng chuyền xã Xuân Đường	0,2 ha
*	Huyện Tân Phú	
35	Khu TDTT 3 xã	10,8 ha
36	Sân vận động các xã	6,46 ha
37	Khu thể thao xã Phú Lâm	0,13 ha
*	Huyện Trảng Bom	
38	Khu TDTT 3 xã	2,0ha
39	Khu TDTT Giang Điền	2,88 ha
40	Sân bóng xã Bàu Hàm	1,2 ha
41	Sân bóng xã Bình Minh	1,2 ha
42	Sân bóng Đồi 61	1,0 ha
43	Sân bóng xã Sông Thao	1,48 ha
44	Sân tennis thị trấn Trảng Bom	0,51ha
45	Sân thể thao ấp 2 xã Sông Trầu	0,2 ha
*	Huyện Nhơn Trạch	
46	Khu TDTT các ấp, xã Long Tân	1,2 ha
47	Khu TDTT các ấp, xã Long Thọ	2,0 ha
48	Sân bóng đá xã Phú Đông	1,0ha
49	Sân bóng đá xã Phú Hội	1,0 ha
50	Sân bóng đá xã Phú Hữu	1,45ha
51	Sân bóng đá xã Phước An	1,8ha
52	Khu TDTT các ấp, xã Phước An	1,6 ha
53	Khu TDTT các ấp, xã Phước Khánh	1,2 ha
54	Sân bóng xã Vĩnh Thanh	2,74ha
*	Huyện Xuân Lộc	
55	Khu TDTT 5 xã	6,6 ha
56	Sân bóng đá xã Lang Minh	1,2 ha

57	Sân vận động TT. Gia Ray	1,0 ha
58	Sân bóng đá mini TT. Gia Ray	0,6 ha
59	Sân bóng đá xã Xuân Bắc	0,8 ha
60	Sân bóng đá xã Xuân Định	1,0 ha
61	Mở rộng sân bóng ấp Tân Hợp	1,52 ha
62	Mở rộng sân bóng Xuân Thọ	0,35 ha
63	Sân bóng đá xã Xuân Trường	1,14 ha
*	Huyện Long Thành	
64	Khu TDTT 4 xã	9,6 ha
65	Mở mới sân bóng Xã Bàu Cạn	1,2 ha
66	Sân vận động xã Bình Sơn	2 ha
67	Sân tập TD dưỡng Sinh Long An	1,5 ha
68	Trung tâm thể dục thể thao Long Đức	1,28 ha
69	Trung tâm VH-TDTT Phước Bình	2,0 ha
70	Trung tâm TDTT Tam An	0,5 ha
71	Trung tâm TDTT Thị Trấn Long Thành	2,0 ha
72	Sân bóng đá Tam An	1,0 ha
*	Huyện Định Quán	
73	Sân bóng đá xã Phú Túc	1 ha
74	Khu TDTT 3 xã	11,2 ha
75	Sân Vận động La Ngà	5 ha
76	Nhà thi đấu đa năng huyện	2,59 ha
*	TX. Long Khánh	
77	Khu TDTT các ấp, TX. Long Khánh	3,0 ha
78	Cải tạo và nâng cấp sân vận động	4,0 ha

